

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

KHOA KINH TẾ

BÁO CÁO KẾT QUẢ
THỰC HIỆN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN VISSAI NINH BÌNH

Chủ nhiệm đề tài: PHẠM THỊ THÚY HẰNG

Lớp: D15KT2

Ngành: KẾ TOÁN

NINH BÌNH, 2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

KHOA KINH TẾ

BÁO CÁO KẾT QUẢ
THỰC HIỆN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN VISSAI NINH BÌNH

Chủ nhiệm đề tài: PHẠM THỊ THÚY HẰNG

Các thành viên: PHÙNG THỊ HỒNG NHUNG

LÃ THU PHƯƠNG

Lớp: D15KT2

Người hướng dẫn khoa học: ThS. Hà Thị Minh Nga

Xác nhận của GV hướng dẫn
(Họ, tên và chữ ký)

ThS. Hà Thị Minh Nga

Chủ nhiệm đề tài
(Họ, tên và chữ ký)

Phạm Thị Thúy Hằng

NINH BÌNH, 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	I
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU	VII
DANH MỤC HÌNH.....	VIII
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ.....	X
BẢNG KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT	XI
MỞ ĐẦU	XII
1. Tính cấp thiết và tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài	xii
1.1. <i>Tính cấp thiết</i>	xii
1.2. <i>Tổng quan tình hình nghiên cứu</i>	xiii
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài	xv
2.1. Mục đích nghiên cứu.....	xv
2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu	xv
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	xvi
3.1. <i>Đối tượng nghiên cứu</i>	xvi
3.2. <i>Phạm vi nghiên cứu</i>	xvi
4. Phương pháp nghiên cứu	xvi
CHƯƠNG 1 - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN	
NGUYÊN VẬT LIỆU	1
1.1. Khái quát về nguyên vật liệu	1
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nguyên vật liệu.....	1
1.1.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu	2
1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu	6
1.2. Tổ chức hạch toán nguyên vật liệu	7
1.2.1 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu	7
1.2.1.1. <i>Chứng từ và sổ sách kế toán chi tiết sử dụng</i>	7
1.2.1.2. <i>Phương pháp thẻ song song</i>	8
1.2.1.3. <i>Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển</i>	9
1.2.1.4. <i>Phương pháp sổ số dư</i>	10

1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu	12
1.2.2.1. Phương pháp kê khai thường xuyên.....	12
1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	17
1.3. Các hình thức ghi sổ	19
1.3.1. Hình thức nhật ký chung.....	19
1.3.2. Hình thức nhật ký – sổ cái	20
1.3.3. Hình thức chứng từ ghi sổ.....	21
1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính	23
CHƯƠNG 2 - THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VISSAI NINH BÌNH.....	24
2.1. Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình	24
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình	24
2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình	31
2.1.5. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình	36
2.2. Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình.....	38
2.2.1. Đặc điểm, phân loại và công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình	38
2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu.....	38
2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu	39
2.2.1.3. Công tác quản lý nguyên vật liệu.....	42
2.2.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình	45
2.2.2.1. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu nhập kho	45
2.2.2.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho	46
2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình	50
2.2.3.1. Phương pháp kế toán chi tiết	50
2.2.3.2. Chứng từ và sổ sách kế toán chi tiết sử dụng	78

2.2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu	91
CHƯƠNG 3 – MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VISSAI NINH BÌNH	101
3.1.Đánh giá chung về kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình	101
3.1.1. Ưu điểm.....	101
3.1.2. Hạn chế.....	104
3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình	106
KẾT LUẬN	113
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	114

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình giai đoạn 2022-2024.....	34
--	----

DANH MỤC HÌNH

Hình 2.1: Danh mục vật tư hàng hóa	41
Hình 2.2: Giao diện tính giá xuất kho trên phần mềm kế toán Misa.....	48
Hình 2.3: Quy trình tính giá xuất kho trên phần mềm kế toán Misa	49
Hình 2.4: Giấy đề nghị mua vật liệu.....	52
Hình 2.5: Hoá đơn gtgt số 133.....	53
Hình 2.6: Hóa đơn gtgt số 136.....	54
Hình 2.7: Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 108	55
Hình 2.8: Giao diện mua hàng trên phần mềm Misa	57
Hình 2.9: Chứng từ mua dịch vụ số 8.....	58
Hình 2.10: Chứng từ mua hàng số 50	59
Hình 2.11: Chứng từ chi phí mua hàng số 50	60
Hình 2.12: Chứng từ chi phí mua hàng.....	61
Hình 2.13: Cách thức phân bổ chi phí mua hàng.....	62
Hình 2.14: Phân bổ chi phí mua hàng.....	63
Hình 2.15: Phiếu xuất kho 50	64
Hình 2.16: Giấy đề nghị mua vật liệu.....	66
Hình 2.17: Hoá đơn gtgt số 143.....	67
Hình 2.18: Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 116	68
Hình 2.19: Phiếu nhập kho số 55.....	69
Hình 2.20: Giấy đề nghị xuất vật tư.....	71
Hình 2.21: Giao diện phiếu xuất kho qua phần mềm kế toán Misa	72
Hình 2.22: Phiếu xuất kho 49	73
Hình 2.23: Giấy đề nghị xuất vật tư.....	74
Hình 2.24: Phiếu xuất kho 52	75
Hình 2.25: Giấy đề nghị xuất vật tư.....	76
Hình 2.26: Phiếu xuất kho 57	77

Hình 2.27: Thẻ kho số 05.....	79
Hình 2.28: Thẻ kho số 06.....	80
Hình 2.29: Thẻ kho số 07.....	81
Hình 2.30: Thẻ kho số 08.....	82
Hình 2.31: Thẻ kho số 09.....	83
Hình 2.32: Giao diện xuất sổ chi tiết vật liệu trên phần mềm kế toán Misa.	85
Hình 2.33: Sổ chi tiết vật liệu clinker	86
Hình 2.34: Sổ chi tiết vật liệu cao lanh.....	87
Hình 2.35: Sổ chi tiết vật liệu chất trợ nghiền	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
Hình 2.36: Sổ chi tiết vật liệu đá vôi	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
Hình 2.37: Sổ chi tiết vật liệu thạch cao	90
Hình 2.38: Trích bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kho vật liệu.....	91
Hình 2.39: Giao diện xuất nhật ký chung trên phần mềm kế toán Misa.	95
Hình 2.40: Trích nhật ký chung	96
Hình 2.41: Giao diện xuất sổ cái trên phần mềm kế toán Misa.....	99
Hình 2.42:Trích sổ cái tk 152	100
Hình 3.1: Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ.....	108
Hình 3.2: Phiếu cấp vật tư theo hạn mức.....	110

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán chi tiết nvl theo phương pháp thẻ song song.....	9
Sơ đồ 1.2.: Sơ đồ kế toán chi tiết nvl theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	10
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán chi tiết nvl theo phương pháp sổ số dư.....	11
Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp nvl theo pp kê khai thường xuyên	16
Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp nvl theo pp kiểm kê định kỳ.....	19
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.....	20
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký- sổ cái.....	21
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ	22
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán trên máy tính.....	23
Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất xi măng của công ty.....	26
Sơ đồ 2.2. :Tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	28
Sơ đồ 2.3. : Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty	31
Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ nhập kho	50
Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ xuất kho	70
Sơ đồ 2.6: Sơ đồ kế toán chi tiết nvl theo phương pháp thẻ song song.....	78

BẢNG KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Nguyên văn tiếng Việt
DN	Doanh nghiệp
GTGT	Giá trị gia tăng
HTK	Hàng tồn kho
NK	Nhập khẩu
NVL	Nguyên vật liệu
PNK	Phiếu nhập kho
PP	Phương pháp
PXK	Phiếu xuất kho
SXKD	Sản xuất kinh doanh
SXSP	Sản xuất sản phẩm
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định
XDCB	Xây dựng cơ bản

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết và tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài

1.1. Tính cấp thiết

Sự xuất hiện và phát triển của kế toán luôn gắn liền với sự tiến bộ của nền sản xuất xã hội. Khi nền sản xuất của xã hội càng trở nên phát triển mạnh mẽ, vai trò của kế toán càng được khẳng định rõ ràng hơn bao giờ hết và trở thành một công cụ thiết yếu trong việc quản lý kinh tế, không chỉ cho các cơ quan nhà nước mà còn cho mọi doanh nghiệp. Không phân biệt thuộc lĩnh vực hoạt động hay loại hình doanh nghiệp nào, cho dù là doanh nghiệp nhà nước hay tư nhân, nhỏ hay lớn, đều phải vận dụng một loạt các công cụ quản lý trong công tác điều hành. Trong số đó, kế toán giữ vị trí rất quan trọng, là phương tiện cần thiết để theo dõi, kiểm soát và tối ưu hóa hoạt động tài chính của tổ chức.

Trong bối cảnh hiện nay, khi Việt Nam đang tiến hành chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, vấn đề quan trọng nhất đối với các doanh nghiệp là hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bên cạnh việc duy trì và phát triển nguồn vốn nhằm tạo dựng nền tảng cho quá trình tái sản xuất ở cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Kế toán đóng vai trò quan trọng như một công cụ giúp quản lý và giám sát các hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp mong muốn tồn tại và phát triển lâu dài cần xây dựng một chiến lược kinh doanh hiệu quả; do đó phải nỗ lực tối ưu hóa lợi nhuận trong khi giảm thiểu chi phí sản xuất, đồng thời chú trọng đảm bảo chất lượng sản phẩm. Để làm được điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải kiểm soát chặt chẽ các chi phí đầu vào trong quá trình sản xuất bao gồm: chi phí nguyên vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất chung khác. Trong số đó, chi phí nguyên vật thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất. Vì vậy, việc quản lý nguyên vật liệu là vấn đề cần được quan tâm nhiều nhất nhằm giúp quá trình sản xuất kinh doanh được diễn ra thuận lợi, nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra, mở rộng thị trường tiêu thụ. Việc tổ chức kế toán nguyên vật liệu một cách khoa học, hợp lý giúp doanh nghiệp kiểm soát chi phí và giá thành sản phẩm,

đồng thời cải thiện công tác kế toán và tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu quản lý và tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Vissai là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất xi măng, với đặc điểm lượng NVL sử dụng vào quá trình sản xuất lại khá lớn thì vấn đề tiết kiệm triệt để có thể coi là biện pháp hữu hiệu nhất để giảm giá thành, tăng lợi nhuận cho Công ty. Vì vậy điều tất yếu là Công ty phải quan tâm đến khâu hạch toán chi phí NVL. Tuy nhiên, công ty chưa có danh điểm cho từng nguyên vật liệu nên gây khó khăn cho việc hạch toán. Chính vì vậy, kế toán nguyên vật liệu trong công ty còn bộc lộ một số hạn chế nhất định, gây mất nhiều thời gian do đó việc hạch toán nguyên vật liệu vẫn chưa đảm bảo cho quá trình sản xuất.

Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của việc hạch toán nguyên vật liệu đến sự vận hành và phát triển của doanh nghiệp, nhóm đã lựa chọn đề tài: ***“Kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Vissai Ninh Bình”*** nhằm đi sâu và tìm hiểu rõ hơn các vấn đề liên quan đến công tác kế toán, đặc biệt là về tình hình kế toán nguyên vật liệu trong việc quản lý chi phí tại công ty cổ phần Vissai Ninh Bình.

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong nền kinh tế hiện nay để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, có thể tồn tại và đứng vững trên thị trường thì công tác kế toán phải luôn được củng cố và hoàn thiện để phù hợp với chế độ hiện hành. Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu, hiện nay đề tài kế toán nguyên vật liệu đã được nhiều người nghiên cứu nhằm đóng góp ý kiến để hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như kế toán nguyên vật liệu nói riêng. Có thể kể đến một số tác giả với một số đề tài cụ thể như sau:

Phạm Thị Bình (2020), *“ Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ tại công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn”*, Trường Đại học quản lý và công nghệ Hải Phòng. Bài viết này nêu khái quát chung về kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Tuy nhiên chưa đi sâu vào phân tích NVL đầu vào do NVL của Công ty khá đa dạng về chủng loại và số lượng mà

công ty chỉ tiến hành phân loại NVL theo chức năng và vai trò chúng đảm nhiệm trong quá trình sản xuất. Việc phân loại như vậy đơn giản nhưng chưa khoa học trong việc quản lý chi tiết đối với từng NVL sẽ không chặt chẽ, mất thời gian trong việc đối chiếu số liệu giữa thủ kho và phòng kế toán. Bên cạnh đó, có nhiều loại NVL mà doanh nghiệp không lập dự phòng nên công tác sử dụng NVL gặp nhiều khó khăn. Tác giả đã từ góc nhìn thực tế đề xuất một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cụ thể và cả về công tác kế toán hiệu quả.

Phạm Hương Lan (2023), *"Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng"*, trường Đại học Hoa Lư. Do đặc thù ngành xây dựng nên đòi hỏi DN phải sử dụng một khối lượng lớn NVL gồm nhiều loại khác nhau, mỗi loại có một vai trò, tính năng lý, hoá riêng nên việc quản lý còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, có nhiều loại NVL mà doanh nghiệp không lập dự phòng nên công tác sử dụng NVL gặp nhiều khó khăn. Vận dụng những lý luận đó vào thực tiễn để đánh giá thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng, từ đó tìm ra giải pháp phù hợp để hoàn thiện kế toán NVL tại công ty.

Nguyễn Thị Lại (2024), *"Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH MTV Xây dựng Xuân Trung Việt"*, Đại học Kinh tế. Qua nghiên cứu, tác giả đã nêu được những nội dung cơ bản trong kế toán NVL tại đơn vị nghiên cứu. Đề tài đã mô tả trung thực thực trạng kế toán NVL tại đơn vị, quy trình luân chuyển chứng từ chi tiết, chỉ ra được những hạn chế trong hạch toán, quản lý nguyên vật liệu.....Bên cạnh đó, tác giả đã đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý NVL , hạch toán kế toán, kiểm toán kê nguyên vật liệu . Tuy nhiên, đề tài chưa nghiên cứu sâu về công tác kế toán đối với từng loại NVL cụ thể.

Thu Quỳnh (2024), *"Thị trường vật liệu xây dựng cuối năm vẫn đối mặt với nhiều thách thức"*, Báo xây dựng. Từ kết quả tổng quan cho thấy ngành Xi măng Việt Nam đứng top đầu thế giới tuy nhiên thị trường vật liệu xây dựng

vẫn còn nhiều vấn đề do phải chịu tác động lớn từ sự phục hồi chậm của bất động sản, tồn kho tăng cao và sản xuất đình trệ khiến dây chuyền xi măng phải ngừng hoạt động do không tiêu thụ được sản phẩm. Cuối năm 2024, ngành xi măng còn phải đối mặt với nhiều thách thức, khi thị trường tiêu thụ trong nước sụt giảm, tồn kho tăng cao và chi phí sản xuất leo thang. Khi đầu ra vẫn là một bài toán nan giải đối với các doanh nghiệp, ta giả định nếu như sử dụng NVL đầu vào khác giá rẻ hơn để làm giảm chi phí sản xuất giúp doanh nghiệp tăng lợi nhuận hay không.

Các nghiên cứu trên đã đề cập một cách toàn diện dựa trên lý thuyết và cơ sở thực tiễn xét theo góc độ pháp luật, phân tích được những điểm mạnh, điểm yếu và phản ánh được thực trạng của các doanh nghiệp, đưa ra giải pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu cho các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp có những mặt hàng sản xuất đặc thù, hình thức tổ chức kế toán nguyên vật liệu là khác nhau. Mỗi người có cách nhìn riêng, cách tiếp cận riêng của mình để góp phần hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu. Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty Vissai Ninh Bình chưa có một công trình nghiên cứu nào viết về đề tài kế toán nguyên vật liệu. Do đó, việc lựa chọn đề tài “**Kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình**” là yêu cầu cấp thiết, nội dung phản ánh được thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại công ty, từ đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện cho kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu, đánh giá về kế toán nguyên vật liệu của công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình; từ đó đưa ra một số kiến nghị để góp phần hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu của công ty trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Với mục tiêu tổng quát nêu trên, nghiên cứu xác định mục tiêu cụ thể như sau:

- (1) Làm rõ một số vấn đề lý luận về tổ chức hạch toán nguyên vật liệu.

(2) Phân tích thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình.

(3) Đề xuất một số kiến nghị nhằm cải thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Vissai Ninh Bình

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Nội dung: nghiên cứu kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Vissai Ninh Bình

Thời gian: số liệu thứ cấp thu thập được từ năm 2022 – 2025

Không gian: nghiên cứu tại Công ty cổ phần Vissai Ninh Bình

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thống kê: thu thập tài liệu nghiên cứu phục vụ cho đề tài nghiên cứu.

- Phương pháp quan sát: thực hiện quan sát các hoạt động của của doanh nghiệp, bộ máy kế toán và công việc của các nhân viên trong Công ty, đặc biệt là nhân viên phần hành kế toán nguyên vật liệu.

- Phương pháp tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu

Chương 1 - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU

1.1. Khái quát về nguyên vật liệu

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nguyên vật liệu

** Khái niệm*

Một trong những điều kiện thiết yếu để tiến hành sản xuất là đối tượng lao động. Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động đã được thể hiện dưới dạng vật hoá như: sắt thép trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo, sợi trong doanh nghiệp dệt, da trong doanh nghiệp đóng giày, vải trong doanh nghiệp may mặc.

Đối tượng lao động được coi là Nguyên vật liệu khi có sự tác động của bàn tay con người vào đối tượng lao động và làm thay đổi tính chất hoá lý hoặc tình trạng bên ngoài.

Nói cách khác, lao động có ích của con người tác động vào các đối tượng lao động tạo ra nguyên vật liệu.

** Đặc điểm*

- Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở vật chất để hình thành nên sản phẩm mới. Trong doanh nghiệp, nguyên vật liệu là hàng tồn kho thuộc tài sản ngắn hạn.

- Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu trình sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ chi phí nguyên vật liệu được chuyển hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu bị biến dạng hoặc tiêu hao hoàn toàn và thay đổi về hình thái vật chất ban đầu để cấu thành thực thể của sản phẩm.

- Về mặt giá trị, nguyên vật liệu chuyển dịch một lần toàn bộ giá trị vào giá trị của sản phẩm mới tạo ra chứ không hao mòn dần như tài sản cố định.

- Nguyên vật liệu được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như mua ngoài, tự sản xuất, vốn góp của các thành viên tham gia công ty,..., trong đó, chủ yếu là do doanh nghiệp mua ngoài.

- Nguyên vật liệu dùng trong doanh nghiệp xây dựng rất đa dạng, phong phú về chủng loại, phức tạp về kỹ thuật.

NVL là yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, được xếp vào tài sản lưu động, giá trị NVL thuộc vốn lưu động dự trữ. NVL chiếm tỉ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất, vì vậy nó quyết định về mặt số lượng của sản phẩm và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm tạo ra của cả quá trình sản xuất.

Như vậy, để đảm bảo yêu cầu sản xuất, DN phải thường xuyên tiến hành thu mua, dự trữ và quản lý chặt chẽ NVL về mặt số lượng, chủng loại, chất lượng và giá trị để tránh lãng phí, mất mát.

** Vai trò*

Nghiệp vụ kế toán nguyên vật liệu giúp kiểm tra sát sao việc sử dụng và cung cấp nguyên vật liệu theo kế hoạch. Qua đó có thể đưa ra những phương pháp phù hợp nhằm đảm bảo đủ nguồn nguyên vật liệu chất lượng cho sản xuất hiệu quả nhất và góp phần thực hiện kế toán giá thành sản phẩm.

Kế toán nguyên vật liệu còn giúp cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về tình hình sử dụng, số lượng và chất lượng nguyên vật liệu, giúp người lãnh đạo nắm bắt chính xác tình hình nhằm đưa ra những biện pháp điều chỉnh thiết thực.

Như vậy, NVL đóng vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động kinh doanh của mỗi DN. Do đó, mỗi DN cần sử dụng tiết kiệm và hiệu quả NVL để hạ thấp chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

1.1.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu

** Phân loại*

Căn cứ vào yêu cầu quản lý nguyên vật liệu bao gồm:

- Nguyên liệu, vật liệu chính: Là loại nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh sẽ cấu thành nên thực thể sản phẩm, toàn bộ giá trị nguyên vật liệu được chuyển vào giá trị sản xuất kinh doanh trong kì. Và bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra thành phẩm.

- Vật liệu phụ: Là loại nguyên vật liệu được sử dụng trong sản xuất để làm tăng chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc phục vụ cho công việc quản lý sản xuất... Các loại nguyên vật liệu này không cấu thành nên thực thể sản phẩm.

- Nhiên liệu: Là những loại có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh, phục vụ cho công nghệ sản xuất, phương tiện vận tải, công tác quản lý,...Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng như xăng, dầu; ở thể rắn như than, củi, ở thể khí như gas.

- Vật tư thay thế: Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

** Đánh giá*

Đánh giá nguyên vật liệu là thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của nguyên vật liệu theo những nguyên tắc nhất định đảm bảo yêu cầu trung thực khách quan.

Kế toán nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu phải phản ánh theo giá gốc (giá thực tế), có nghĩa là khi nhập kho phải tính toán và phản ánh theo giá thực tế, khi xuất kho cũng phải xác định giá thực tế xuất kho theo phương pháp quy định.

Do đặc điểm của nguyên vật liệu có nhiều loại, nhiều thứ thường xuyên biến động trong quá trình sản xuất kinh doanh và yêu cầu của công tác quản trị nguyên vật liệu phục vụ kịp thời cho việc cung cấp hàng ngày, tình hình biến động và số hiện có của nguyên vật liệu nên trong công tác kế toán quản trị nguyên vật liệu còn có thể đánh giá theo giá hạch toán tùy thuộc vào yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp.

Song dù đánh giá theo giá hạch toán, kế toán vẫn phải đảm bảo việc phản ánh tình hình nhập – xuất nguyên vật liệu trên các tài khoản, sổ kế toán tổng hợp theo giá thực tế.

• Xuất kho NVL

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, các phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho gồm:

- * Giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền
- * Giá xuất kho theo phương pháp đích danh
- * Giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- **Tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền**

Giá trị hàng hóa, vật tư được xác định bằng bình quân của giá trị hàng hóa, vật tư nhập trong kỳ và tồn đầu kỳ chia cho tổng số lượng hàng hóa, nguyên vật liệu mua vào và tồn đầu kỳ.

Tùy theo thời điểm tính giá trị trung bình của hàng hóa xuất kho, phương pháp tính giá xuất kho bình quân gia quyền được chia thành phương pháp bình quân cuối kỳ (thường là tháng) và phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

- **Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ**

Đơn xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ (thường là mỗi tháng) được xác định bằng tổng giá trị từng loại hàng hóa, nguyên vật liệu tồn đầu tháng và nhập trong tháng đó chia cho tổng số lượng tương ứng của hàng hóa, nguyên vật liệu tồn đầu tháng và nhập trong tháng:

Đơn giá xuất kho = $(\text{Giá trị tồn kho đầu hàng} + \text{Tổng giá trị hàng nhập trong tháng}) / (\text{Số lượng hàng tồn kho đầu tháng} + \text{Tổng số lượng hàng nhập trong tháng})$

- **Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập**

Sau mỗi lần nhập từ mua hàng hoặc sản xuất, đơn vị sẽ thực hiện tính lại giá trị của hàng hóa, vật tư tồn kho đó. Vì thế giá trị xuất kho của từng lần sẽ được tính như sau:

Đơn giá xuất kho lần i = $\frac{\text{Tổng giá trị tồn kho ngay trước xuất kho lần i}}{\text{Tổng số lượng tồn kho ngay trước xuất kho lần i}}$

- **Tính giá xuất kho theo phương pháp đích danh**

Phương pháp tính giá đích danh xác định đơn giá xuất kho theo giá trị nhập kho tương ứng của chính mặt hàng đó, chi tiết đến từng chiếc hoặc lô hàng nhập về.

- **Tính giá xuất kho theo phương pháp FIFO- nhập trước xuất trước**

Phương pháp này dựa trên giả định hàng hóa nào nhập trước sẽ được xuất trước, lượng hàng hóa nhập trước xuất hết rồi mới xuất lượng hàng hóa nhập sau. Hàng tồn kho còn lại sẽ thuộc những lần nhập gần thời điểm hiện tại nhất.

Nhập kho NVL

Công thức tính giá hàng nhập kho cụ thể như sau:

Giá nhập kho = Giá trị hàng hóa + Chi phí liên quan

Chú ý: Giá nhập kho được tính theo giá thực tế hay còn gọi là giá gốc.

+ Những DN kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: Thì giá gốc không bao gồm thuế GTGT.

+ Những DN kê khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp (Hóa đơn bán hàng thông thường): Thì giá gốc bao gồm cả thuế GTGT.

Cách tính giá nhập kho Nguyên vật liệu mua trong nước:

Giá nhập kho = Giá trị trên hoá đơn + Chi phí liên quan - Các khoản giảm giá (nếu có).

Cách tính giá nhập kho hàng nhập khẩu:

Giá nhập kho = Giá hàng mua + Thuế nhập khẩu + Thuế TTĐB (nếu có) + Chi phí mua liên quan - Các khoản giảm giá (nếu có)

Chú ý: Giá hàng mua được xác định theo từng trường hợp cụ thể như sau:

+) Nếu thanh toán 1 lần trước khi nhận hàng:

- Giá hàng mua = Tính theo tỷ giá ngày thanh toán (Theo tỷ giá Ngân hàng mà DN mở TK giao dịch)

+ Nếu thanh toán 1 lần sau khi nhận hàng:

- Trường hợp này thì sẽ có 2 tỷ giá là: Tỷ giá ngày hàng về và tỷ giá ngày thanh toán, cụ thể như sau:

-> Giá mua ngày hàng về = Tính theo tỷ giá ngày hôm đó (Theo tỷ giá Ngân hàng mà DN mở TK giao dịch)

-> Ngày thanh toán = Tính theo tỷ giá ngày thanh toán (Theo tỷ giá Ngân hàng mà DN mở TK giao dịch).

- Khoản chênh lệch tỷ giá: Nếu lãi thì cho vào 515. Nếu lỗ thì cho vào 635.

+ Nếu thanh toán nhiều lần trước và sau khi nhận hàng:

- Trường hợp này sẽ có nhiều tỷ giá từng ngày giao dịch và nhận hàng, cụ thể như sau:

-> Ngày thanh toán trước: Lấy theo tỷ giá ngày thanh toán

-> Ngày hàng về: Lấy theo tỷ giá ngày hàng về

-> Ngày thanh toán nốt: Lấy theo tỷ giá ngày thanh toán nốt.

(Tất cả đều theo Tỷ giá của Ngân hàng mà DN mở TK giao dịch. Không lấy tỷ giá trên tờ khai hải quan).

+ Chi phí liên quan như: (vận tải, bốc dỡ, lưu kho, chi phí mở thủ tục hải quan...)

1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu

** Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu*

Giá trị NVL thường chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí SXKD, vì vậy, quản lý tốt khâu thu mua, dự trữ và sử dụng vật liệu là điều kiện cần thiết để bảo đảm chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho DN.

Để tránh nhầm lẫn trong công tác quản lý và hạch toán NVL, trước hết các DN phải xây dựng được hệ thống danh điểm và đánh số danh điểm cho NVL. Hệ thống danh điểm và số danh điểm của NVL phải rõ ràng, chính xác tương ứng với quy cách, chủng loại của NVL.

Để quá trình SXKD liên tục và sử dụng vốn tiết kiệm thì DN phải dự trữ NVL ở mức độ hợp lý. Do vậy, các DN phải xây dựng định mức tồn kho tối đa và tối thiểu cho từng danh điểm NVL, tránh việc dự trữ quá nhiều hoặc quá ít một loại NVL nào đó. Định mức tồn kho của NVL còn là cơ sở để xây dựng kế hoạch thu mua NVL và kế hoạch tài chính của DN.

Để bảo quản tốt nguyên vật liệu dự trữ, giảm thiểu hư hao, mất mát, các DN phải xây dựng hệ thống kho tàng, bến bãi đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, bố trí nhân viên thủ kho có đủ phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn để quản lý NVL tồn kho và thực hiện các nghiệp vụ nhập, xuất, tránh việc bố trí kiêm nhiệm chức năng thủ kho với tiếp liệu và kế toán vật tư.

** Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu*

Để cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác thông tin cho công tác quản lý NVL trong DN, kế toán NVL phải thực hiện được các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Ghi chép, tính toán, phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời số lượng, chất lượng và giá thành thực tế của NVL nhập kho.
- Tập hợp và phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời số lượng và giá trị NVL xuất kho, kiểm tra tình hình chấp hành các định mức tiêu hao NVL.
- Phân bổ hợp lý giá trị NVL sử dụng vào các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất - kinh doanh.
- Tính toán và phản ánh chính xác số lượng và giá trị NVL tồn kho, phát hiện kịp thời NVL thiếu, thừa, ứ đọng, kém phẩm chất để DN có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế tối đa thiệt hại có thể xảy ra.
- Tham gia kiểm kê, đánh giá lại NVL theo quy định. Lập báo cáo kế toán phục vụ công tác quản lý.

1.2. Tổ chức hạch toán nguyên vật liệu

1.2.1 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

1.2.1.1. Chứng từ và sổ sách kế toán chi tiết sử dụng

Kế toán chi tiết NVL liên quan đến nhiều loại chứng từ khác nhau. DN có thể sử dụng linh hoạt các chứng từ kế toán hướng dẫn. Chứng từ kế toán sử dụng được quy định theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các quyết định khác có liên quan, bao gồm:

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 - VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 - VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư (Mẫu số 03 - VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu số 04 - VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư (Mẫu số 05 - VT)
- Bảng kê mua hàng (Mẫu số 06 - VT)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu (Mẫu số 07 - VT)
- Phiếu xuất kho gửi đại lý (Mẫu số 04 HDL - 3LL)

- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu số 03 P XK – 3LL)
- Hóa đơn GTGT
- Hoá đơn bán hàng thông thường

Để hạch toán chi tiết NVL, tùy thuộc vào phương pháp kế toán áp dụng trong DN mà sử dụng các sổ (thẻ) chi tiết cho phù hợp. Các sổ (thẻ) chi tiết thường dùng:

- Thẻ kho (Sổ kho) (Mẫu số S12 – DN)
- Sổ chi tiết nguyên vật liệu (Mẫu số S10 – DN)
- Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn
- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu số S06 - DNN)
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S07 - DNN)
- Sổ đối chiếu luân chuyển
- Sổ số dư
- Sổ Nhật ký chung, Sổ Chứng từ ghi sổ, Sổ Nhật ký chứng từ...
- Sổ Cái TK 151, 152

1.2.1.2. Phương pháp thẻ song song

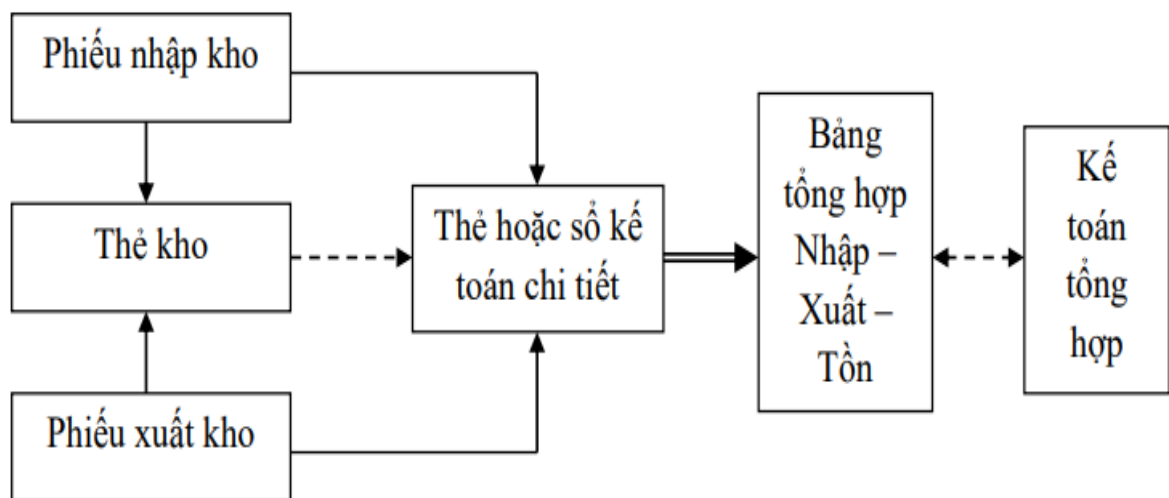
- Nguyên tắc mở sổ:
 - + Ở kho: Ghi chép theo dõi về mặt số lượng trên thẻ kho.
 - + Ở bộ phận kế toán: Theo dõi cả về số lượng và giá trị trên sổ đối chiếu luân chuyển

- Trình tự ghi sổ

+ Tại kho: hàng ngày ghi nhận chứng từ nhập, xuất vật liệu, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất vào thẻ kho. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho với số tồn vật liệu thực tế còn ở kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho tập hợp chứng từ nhập, xuất kho chuyển về phòng kế toán

+ Tại phòng kế toán: kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép số lượng và giá trị của từng danh điểm nguyên vật liệu trong từng kho, sổ này được mở cho cả năm và mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp nhập xuất phát sinh trong tháng. Mỗi danh điểm vật tư được ghi một dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển. Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập xuất, kế toán tiến hành kiểm tra, hoàn chỉnh sau đó phân loại chứng từ và lập bảng kê nhập, bảng kê xuất theo từng danh điểm vật liệu. Cuối tháng, kế toán tính tổng số nhập xuất và tồn kho và đối chiếu số liệu trên thẻ kho với số liệu trên sổ hoặc thẻ chi tiết. Nếu thấy đúng thì lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu rồi đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp.

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════→

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

1.2.1.3. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Nguyên tắc mở sổ:

+ Ở kho: ghi chép theo dõi về mặt số lượng trên thẻ kho.

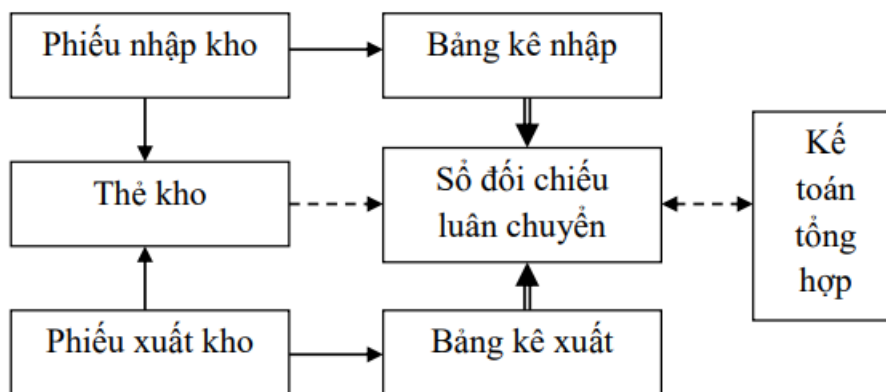
+ Ở bộ phận kế toán: theo dõi cả về số lượng và giá trị trên sổ đối chiếu luân chuyển.

- Trình tự ghi sổ:

+ Tại kho: thủ kho mở thẻ kho để ghi chép về mặt số lượng của từng loại nguyên vật liệu (thực hiện như phương pháp thẻ song song)

+ Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép số lượng và giá trị của từng danh điểm nguyên vật liệu trong từng kho, sổ này được mở cho cả năm và mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp nhập xuất phát sinh trong tháng. Mỗi danh điểm vật tư được ghi một dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển. Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập xuất, kế toán tiến hành kiểm tra, hoàn chỉnh sau đó phân loại chứng từ và lập bảng kê nhập, bảng kê xuất theo từng danh điểm vật liệu. Cuối tháng, kế toán đối chiếu số lượng và giá trị của nguyên vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với số lượng trên thẻ kho của thủ kho sau đó đối chiếu với giá trị trên sổ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Sơ đồ 1.2.: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

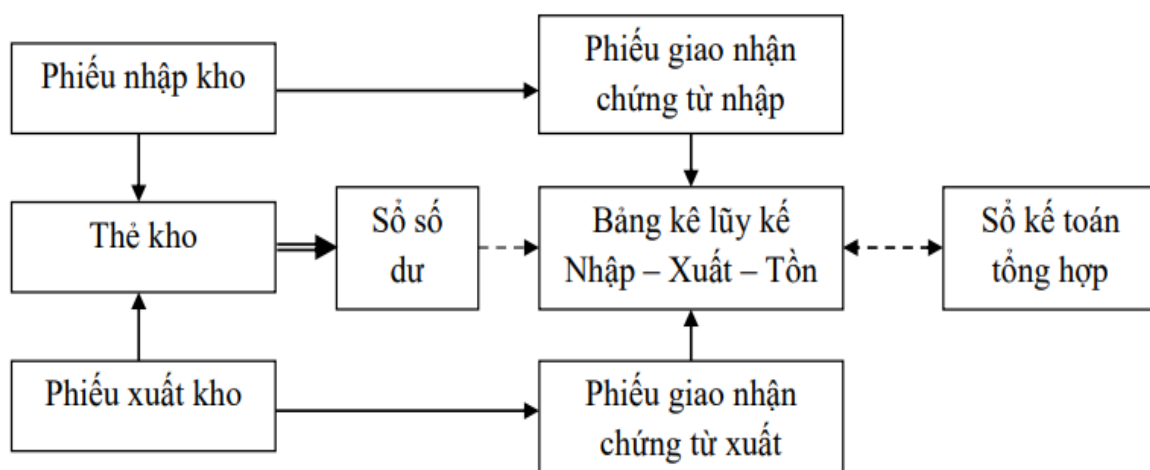


1.2.1.4. Phương pháp sổ số dư

- Nguyên tắc mở sổ:

- + Tại kho: Chỉ theo dõi về mặt số lượng nguyên vật liệu
- + Tại phòng kế toán: Chỉ theo dõi về mặt giá trị nguyên vật liệu
- Trình tự ghi chép:
 - + Tại kho: Hàng ngày hoặc định kỳ, thủ kho ghi vào thẻ kho sau đó tập hợp toàn bộ các chứng từ nhập xuất phân loại theo từng nhóm nguyên vật liệu quy định. Căn cứ vào kết quả phân loại, thủ kho lập phiếu giao nhận chứng từ nhập xuất. Phiếu giao nhận chứng từ được lập riêng cho chứng từ nhập, xuất. Sau khi lập xong, phiếu này được đính kèm với phiếu nhập, xuất chuyển cho phòng kế toán. Cuối tháng, căn cứ vào thẻ kho đã được kế toán kiểm tra, ghi số lượng vật liệu tồn kho cuối tháng vào từng loại vật liệu vào sổ số dư. Sổ số dư được mở cho từng kho, từng loại vật tư và được dùng cho cả năm. Sau khi ghi xong, sổ này được chuyển sang phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền
 - + Tại phòng kế toán: căn cứ vào chứng từ nhập xuất do thủ kho chuyển sang, kế toán tiến hành kiểm tra, hoàn chỉnh chứng từ và tổng hợp số tiền của các chứng từ nhập xuất, ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ, từ phiếu giao nhận chứng từ, kế toán ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm NVL vào bảng lũy kế nhập xuất tồn. Bảng này được mở cho từng kho, mỗi kho một tờ. Tiếp đó, cộng số tiền nhập, xuất trong tháng và dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm NVL. Số dư này được dùng để đối chiếu với số dư của từng thứ NVL trên Sổ số dư (trên Sổ số dư tính bằng cách lấy số lượng tồn kho x giá hạch toán)

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

Ghi hàng ngày	→
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ	⇒
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra	↔

1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

1.2.2.1. Phương pháp kê khai thường xuyên

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính là kế toán theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu trên sổ sách kế toán. Cuối kỳ hạch toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế vật tư, hàng hóa tồn kho, so sánh đối chiếu với số liệu tồn trên sổ kế toán để xác định số lượng vật tư thừa, thiếu và truy tìm nguyên nhân để có giải pháp xử lý kịp thời.

Có thể được xác định giá trị của nguyên vật liệu tồn kho trên sổ kế toán ở mọi thời điểm trong kỳ kế toán theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ} & = & \text{Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ} & + & \text{Giá trị hàng tồn kho nhập trong kỳ} & - & \text{Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ} \end{array}$$

Cuối kỳ kế toán so sánh giữa số liệu kiểm kê thực tế vật tư, hàng hóa tồn kho và số liệu vật tư, hàng hóa tồn kho trên sổ kế toán nếu có sai sót chênh lệch thì phải xử lý kịp thời. Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng các đơn vị sản xuất và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn, hàng có kỹ thuật, chất lượng cao

* Tài khoản sử dụng

Biến động nguyên vật liệu của doanh nghiệp được phản ánh vào chứng từ kế toán sau khi được phản ánh trực tiếp vào tài khoản cấp 1 và cấp 2. Là phương pháp kế toán phân loại nguyên vật liệu cho phép người quản lý phản

ánh thường xuyên, liên tục và có hệ thống tình hình diễn biến, biến động của nguyên vật liệu, khi hạch toán kế toán sử dụng các tài khoản như:

Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”

Phản ánh giá trị thực tế của các loại hàng hóa, vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng chưa về nhập kho.

➤ Nội dung kết cấu tài khoản 151:

Bên Nợ:

Phản ánh giá trị vật tư hàng hóa đang đi trên đường

Kết chuyển giá trị thực tế hàng vật tư mua đang đi đường cuối kỳ.

Bên Có:

Giá trị hàng hóa đã về nhập kho hoặc giao thẳng cho khách hàng.

Dư Nợ: Phản ánh giá trị vật tư hàng hóa đã mua nhưng chưa về nhập kho cuối kỳ.

Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”

Phản ánh số liệu có, tình hình tăng giảm các loại nguyên, vật liệu theo giá thực tế của doanh nghiệp.

➤ Nội dung kết cấu

Bên Nợ: Giá trị thực tế nguyên, vật liệu nhập kho trong kỳ

Giá trị của nguyên vật liệu thừa khi kiểm kê

Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên, vật liệu tồn kho cuối kỳ

Bên Có: Giá trị thực tế nguyên, vật liệu xuất kho

Giá trị thực tế nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá.

Chiết khấu thương mại được hưởng

Nguyên, vật liệu thiếu khi kiểm kê

Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên, vật liệu tồn kho đầu kỳ.

Dư Nợ: Giá trị thực tế của nguyên, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Tài khoản 331 “Phải trả cho người bán”

Tài khoản này phản ánh các khoản nợ phải trả cho người bán.

➤ Nội dung kết cấu tài khoản 331

Bên Nợ: Số tiền phải trả cho người bán, người cung cấp, ...

Số tiền ứng trước cho người bán, người nhận thầu.

Số tiền người bán chấp nhận giảm giá cho hàng đã giao theo hợp đồng.

Trả lại số vật tư, hàng hóa cho người bán

Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được trừ vào số nợ phải trả cho người bán.

Bên Có: Số tiền phải trả cho người bán...

Dư Nợ (nếu có): Số tiền tạm ứng trước cho người bán nhưng chưa nhận hàng cuối kỳ hoặc số trả lớn hơn số phải trả.

Dư Có: Số tiền còn phải trả cho người bán...

Tài khoản 133 “Thuế giá trị gia tăng (GTGT) được khấu trừ”

Tài khoản này phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ, còn được khấu trừ.

Tài khoản 133 có 2 tài khoản cấp 2

TK 1331: “thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ”.

TK 1332: “Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản cố định”

➤ Nội dung kết cấu tài khoản 133

Bên Nợ: Số thuế GTGT được khấu trừ

Bên Có: Số thuế GTGT được khấu trừ

Kết chuyển số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ

Số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa mua vào nhưng đã trả lại được giảm giá.

Bên Nợ: Số thuế GTGT còn được khấu trừ. Số thuế GTGT đầu vào được hoàn lại nhưng ngân sách nhà nước chưa hoàn trả.

Ngoài các tài khoản trên, kế toán tổng hợp nguyên vật liệu sử dụng nhiều tài khoản liên quan khác như:

TK 111 “Tiền mặt”

TK 112 “Tiền gửi ngân hàng”

TK 128 “Đầu tư ngắn hạn khác”

TK 141 “Tạm ứng”

TK 142 “Chi phí trả trước ngắn hạn”

TK 222 “Vốn góp liên doanh”

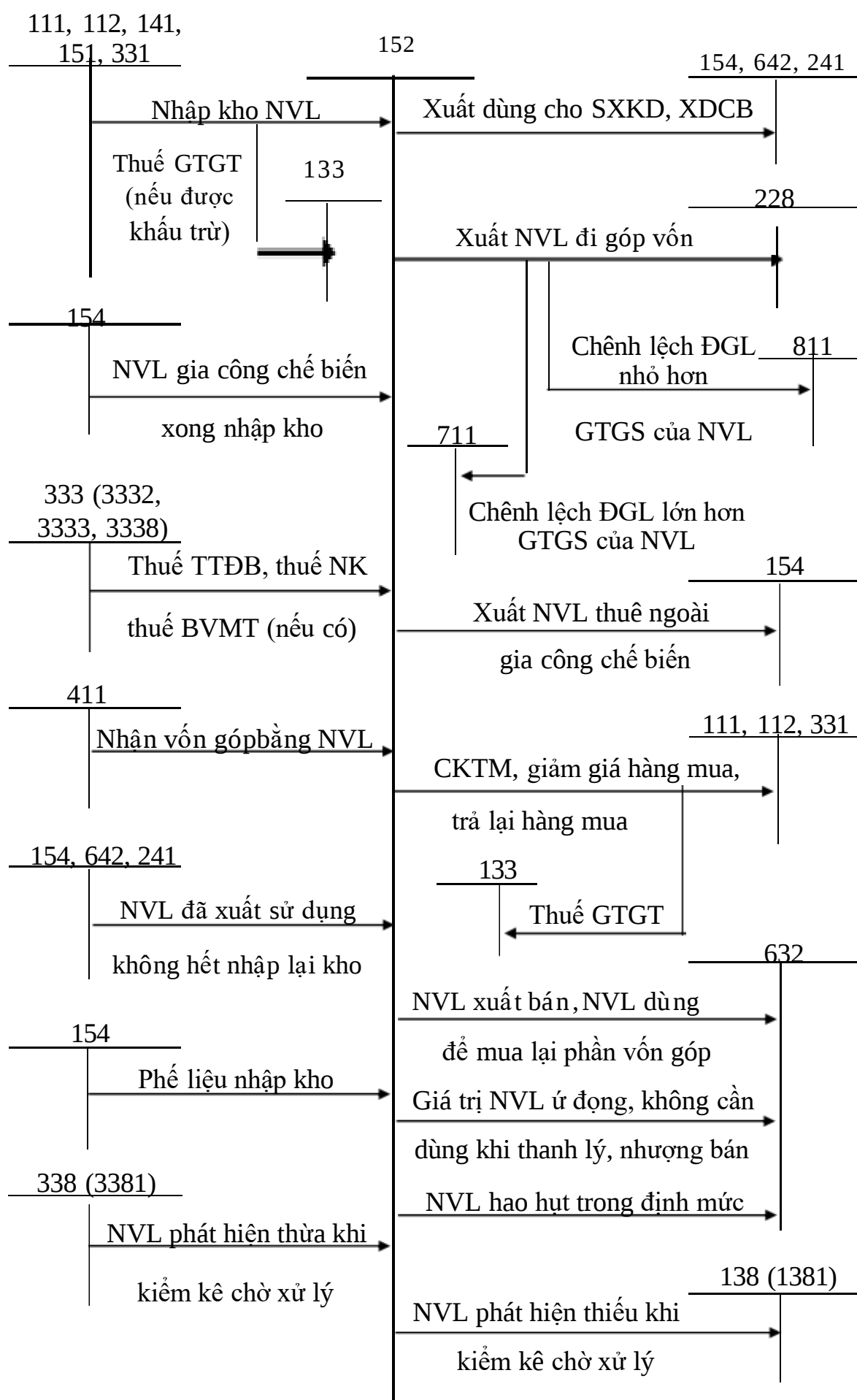
TK 411 “Nguồn vốn kinh doanh”

TK 641 “Chi phí bán hàng”

TK 642 “Chi phí quản lý”

TK 627 “Chi phí sản xuất chung”

Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp NVL theo PP kê khai thường xuyên



1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Xác định lượng suất dùng cho sản xuất kinh doanh và cho các mục đích khác trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá} & = & \text{Trị giá hàng tồn} & + & \text{Tổng trị giá hàng} & - & \text{Trị giá hàng} \\ \text{hàng xuất} & & \text{kho đầu kỳ} & & \text{nhập kho trong} & & \text{tồn kho cuối} \\ \text{trong kỳ} & & & & \text{kỳ} & & \text{kỳ} \end{array}$$

- **Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 611: Mua hàng

Tài khoản này dùng để theo dõi tình hình thu mua, tăng, giảm NVL theo giá thực tế (giá mua và chi phí thu mua). Nó chỉ được áp dụng trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê).
- Trị giá thực tế của vật tư, hàng hoá mua vào trong kỳ.
- Trị giá thực tế vật tư, hàng hoá nhập vào trong kỳ (do các nguồn khác như hàng bán bị trả lại)

Bên Có:

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê).
- Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán và hàng hóa gửi đi bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ).
- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu hàng hóa mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.

TK 611 không có số dư cuối kỳ .

- Tài khoản 152: Nguyên liệu, vật liệu

TK này dùng để phản ánh giá thực tế nguyên liệu, vật liệu tồn kho, chi tiết theo từng loại.

Bên Nợ: giá thực tế vật liệu tồn kho cuối kỳ.

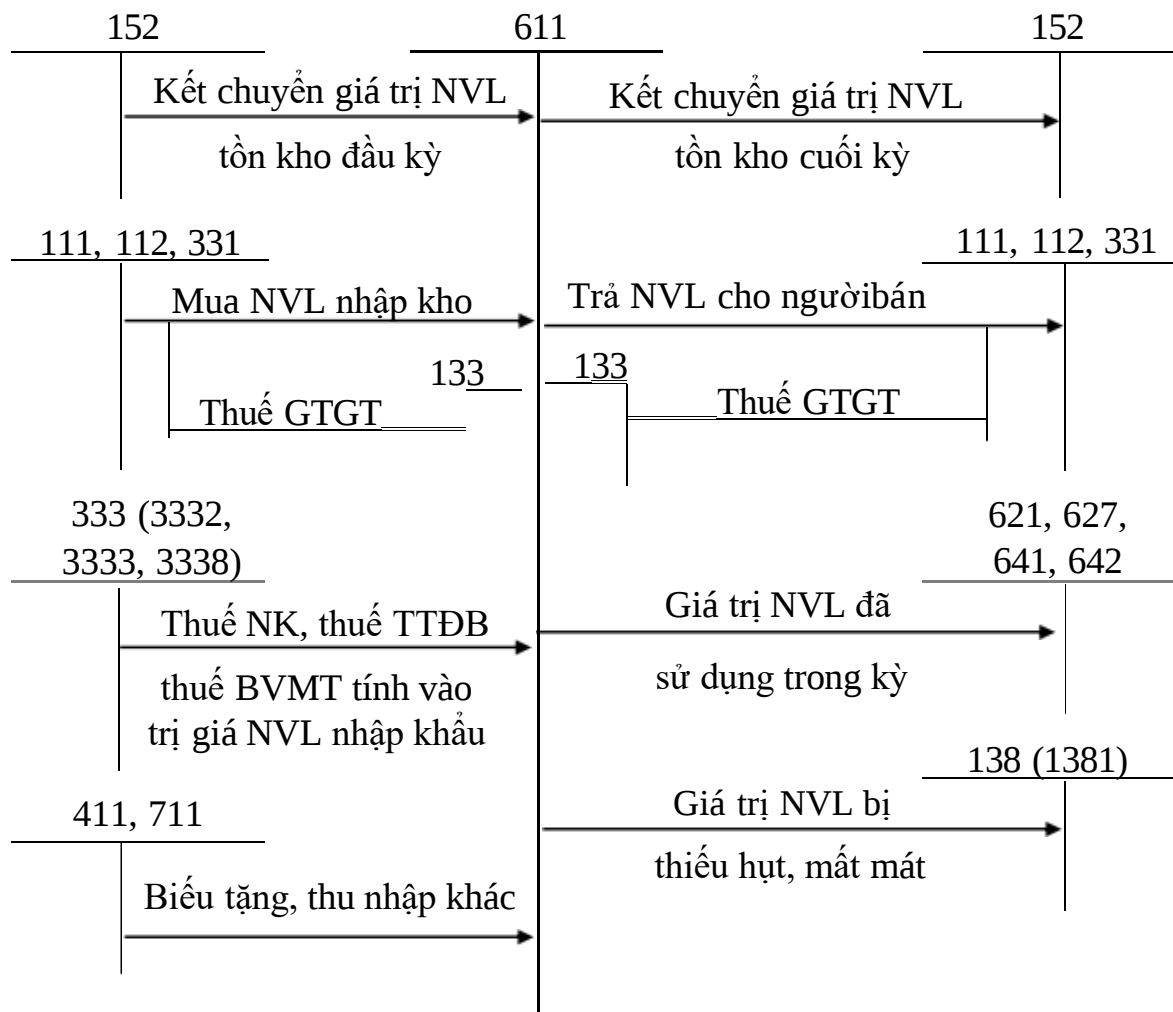
Bên Có: kết chuyển giá thực tế vật liệu tồn kho đầu kỳ.

Số dư bên Nợ: giá thực tế vật liệu tồn kho.

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như TK 111, TK 112, TK 133, TK 331.... Các tài khoản này có nội dung và kết cấu giống như PP kê khai thường xuyên. Tại các doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, TK 151, TK 152 không sử dụng để theo dõi phương pháp tình hình nhập, xuất trong kỳ chỉ sử dụng để kết chuyển trị giá thực tế NVL tồn kho và đang đi đường lúc đầu kỳ và cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp NVL theo PP kiểm kê định kỳ



1.3. Các hình thức ghi sổ

1.3.1. Hình thức nhật ký chung

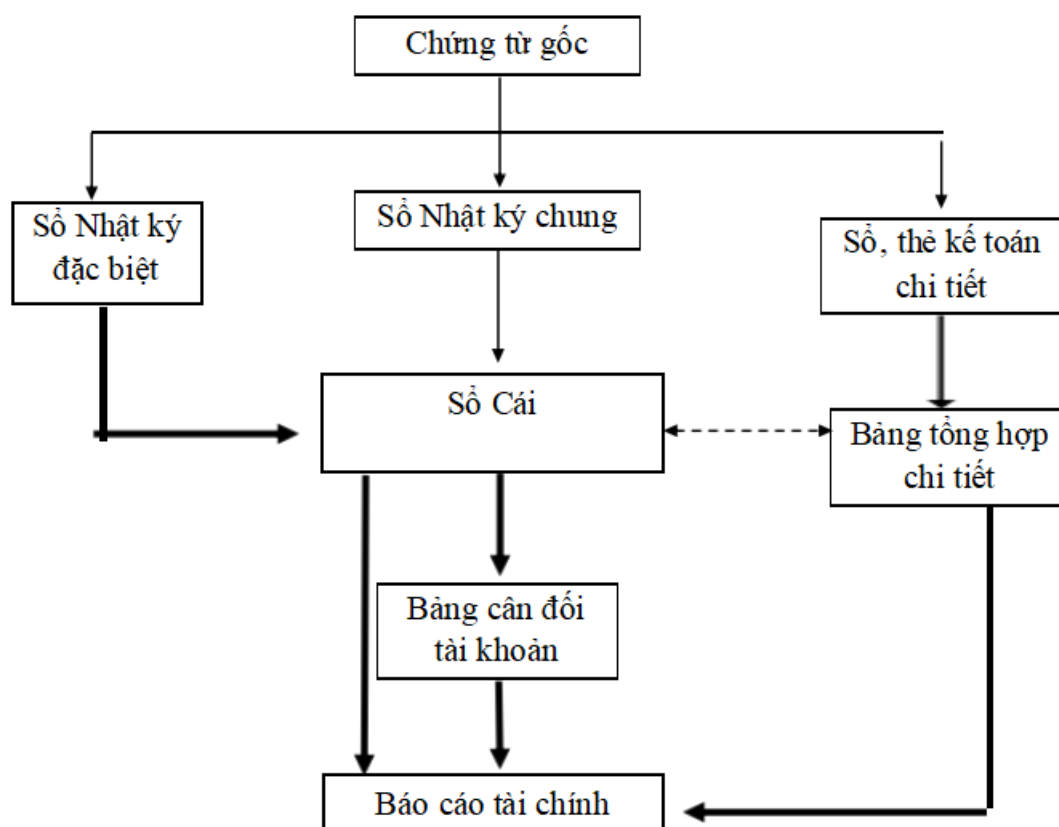
- **Đặc trưng cơ bản**

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt.
- + Sổ cái.
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết,

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu kiểm tra

1.3.2. Hình thức nhật ký – sổ cái

❖ Đặc trưng cơ bản

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (theo TK kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - Sổ cái.

Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc các bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

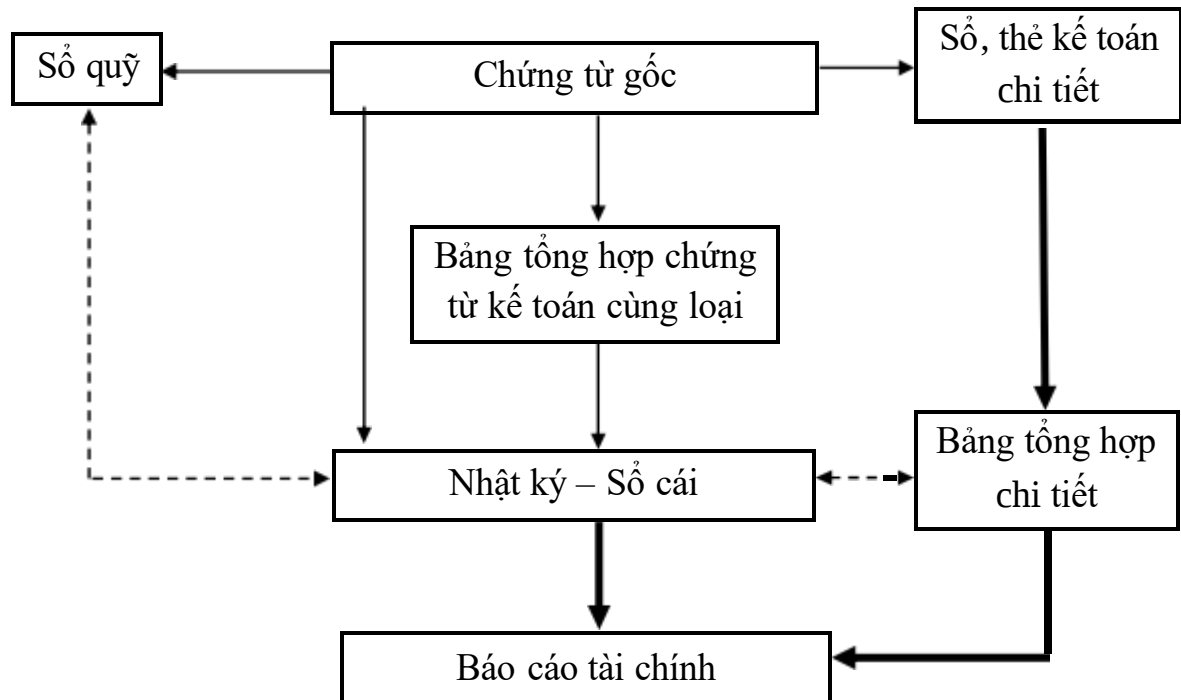
Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ Nhật ký - Sổ cái.

+ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký- Sổ Cái, được thể hiện trên Sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký- Sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.3.3. Hình thức chứng từ ghi sổ

- **Đặc trưng cơ bản**

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Ghi theo nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên Sổ cái.

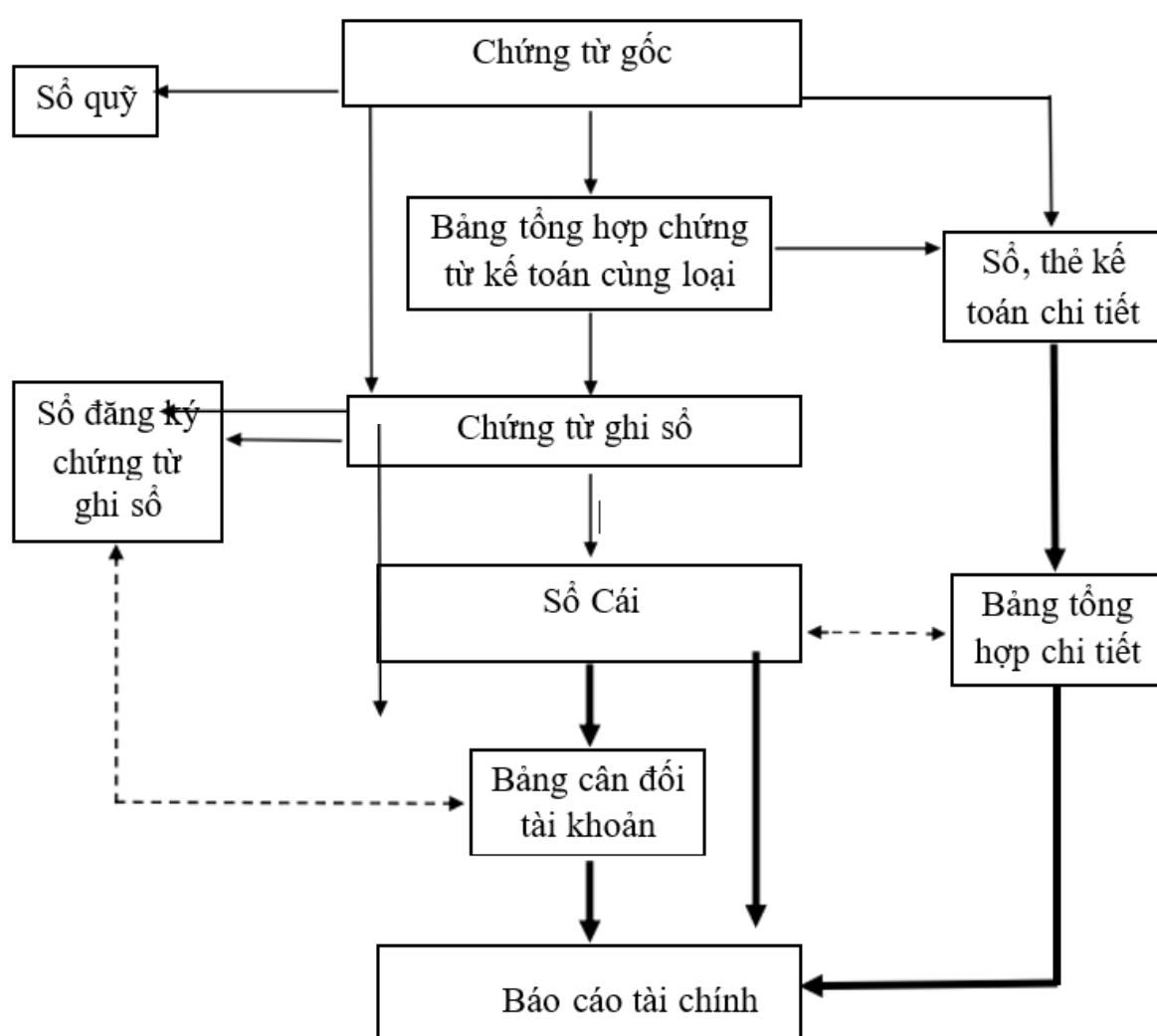
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế .

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau: Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được thể hiện trên Sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

————→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

- **Đặc trưng cơ bản**

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.

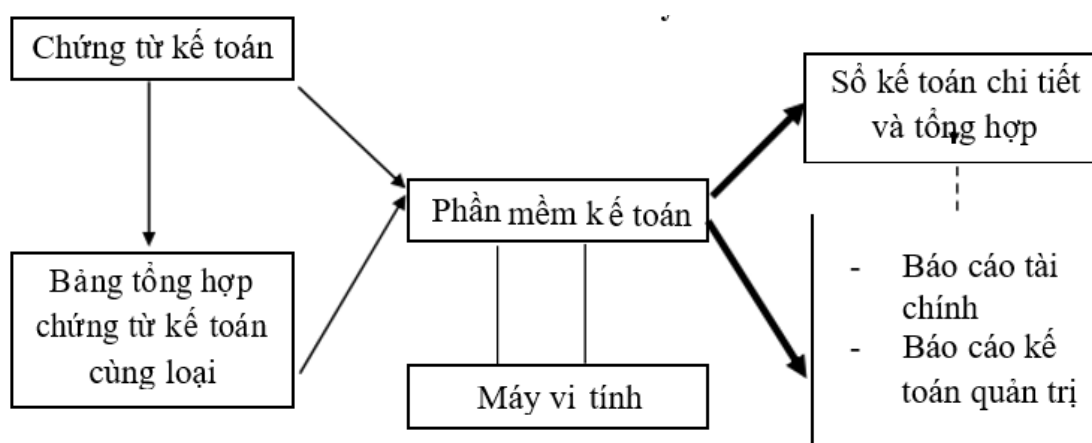
Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

- **Trình tự ghi sổ**

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính được thể hiện theo Sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán trên máy tính



Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

————→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Chương 2 - THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VISSAI NINH BÌNH

2.1. Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Vissai Ninh Bình
- Tên quốc tế: Vissai Ninh Bình Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VISSAI NB JSC
- Địa chỉ: Lô C7, Khu công nghiệp Gián Khẩu, Xã Gia Trăn, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình
- Chủ tịch HĐQT: Ông Hoàng Mạnh Trường
- Tổng vốn điều lệ: 6.289.389.000.000 VNĐ
- Tổng sản lượng: 18,6 triệu tấn xi măng/ năm
- Điện thoại: (84) 02293650166
- Fax: (84) 02293650177
- Webstie: www.vissaiigroup.com – www.vissaiigroup.vn
- Email: vissai@vissaiigroup.com

Công ty cổ phần Vissai Ninh Bình được thành lập và cấp giấy phép kinh doanh số 2700280638 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp ngày 13/08/2004

Tháng 9/2005, Công ty TNHH xi măng Vinakansai được thành lập, trực thuộc Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thương mại sản xuất Hoàng Phát. Đến tháng 2/2007, sản phẩm xi măng đầu tiên với thương hiệu “Vinakansai” chính thức xuất bán ra thị trường. Chỉ 2 năm sau, tháng 2/2009, Tập đoàn xi măng The Vissai chính thức được thành lập.

Công ty cổ phần Vissai Ninh Bình có đầy đủ tư cách pháp nhân, hoạt động theo luật công ty và tổ chức hạch toán độc lập. Đến nay, DN vẫn đang hoạt động và phát triển với các ngành chính như : sản xuất và kinh doanh xi măng,

đá vật liệu, gạch và các sản phẩm từ xi măng; sản xuất bê tông và các sản phẩm chất kết dính, vật liệu không nung,...

Trải qua 20 năm hình thành và phát triển, Tập đoàn xi măng The Vissai (nay là Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình) đã không ngừng vượt khó vươn lên trở thành một tập đoàn đa ngành nghề, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đạt tiêu chuẩn thế giới, góp phần quan trọng trong tăng trưởng kinh tế tại nhiều địa phương.

Hiện nay, The Vissai đang dần trở thành một Tập đoàn kinh tế ngoài quốc doanh, kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất xi măng mang thương hiệu The Vissai. với phương ngôn “Gắn kết sự phát triển bền vững” chúng tôi luôn phấn đấu thành một doanh nghiệp đóng góp vào sự phát triển bền vững của Đất nước.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình

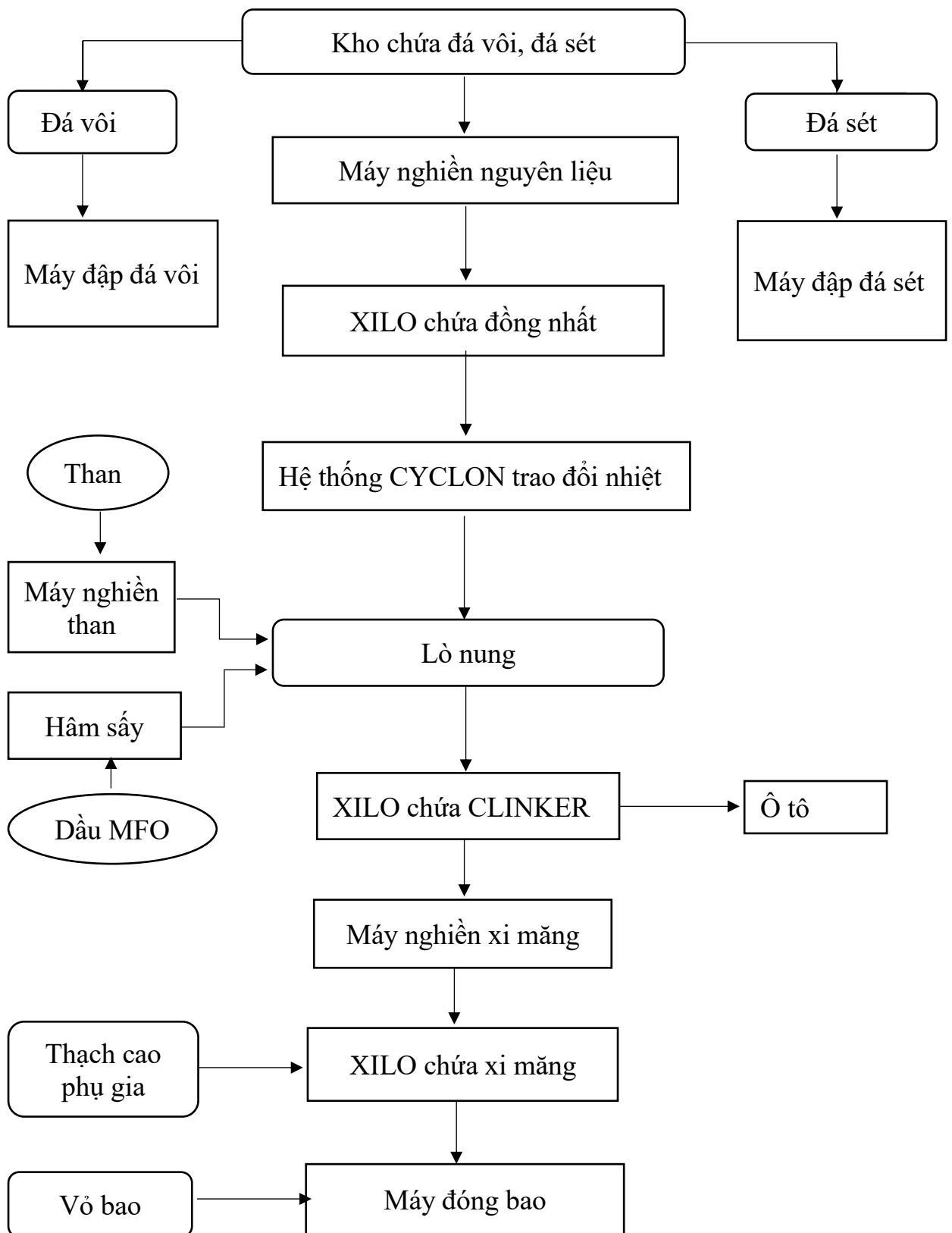
**** Đặc điểm tổ chức kinh doanh***

Ngoài thị trường trong nước, công ty vẫn đang tiếp tục xuất khẩu xi măng sang nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là vào thị trường các nước như: Hong Kong, Philippines, Trung Quốc, Australia, Maruitius, một số nước Châu Âu... và đặc biệt được xuất khẩu đến nhiều thị trường lớn, trong đó có nước Mỹ - một thị trường khá khó tính.

**** Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm***

Toàn bộ quy trình sản xuất xi măng của Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình được chia làm nhiều giai đoạn. Nguyên vật liệu chính được chế biến một cách liên tục theo một trình tự nhất định làm tăng tính chủ động trong sản xuất xi măng tại doanh nghiệp, dễ dàng hơn trong công tác lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, tạo sự chắc chắn và chặt chẽ trong công tác quản lý. Mỗi công đoạn của quá trình sản xuất đều có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của xi măng. Công ty đã tiến hành chuyên môn hóa ở từng công đoạn. Quy trình công nghệ sản xuất xi măng của công ty có thể được khái quát qua các giai đoạn sau:

Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất xi măng của Công ty



Giai đoạn 1: (tách chiết nguyên liệu thô): Xi măng có sử dụng các nguyên liệu thô gồm: canxi, sắt, silic, nhôm là thành phần chính trong đất sét, đá vôi và cát.

Nguyên liệu thô được tách từ các núi đá vôi sau đó thông qua băng chuyền được vận chuyển tới các nhà máy. Ngoài ra còn rất nhiều nguyên liệu thô khác tham gia vào quá trình sản xuất xi măng như: đá phiến, vảy thép cán, tro bay và bột xít với lượng yêu cầu nhỏ. Trước khi được vận chuyển tới nhà máy thì khối đá lớn được nghiền nhỏ có kích thước tương đương với kích thước các viên sỏi.

Giai đoạn 2: (phân chia tỷ lệ, trộn lẫn và nghiền): Các nguyên liệu thô từ quặng sẽ được chuyển đến phòng thí nghiệm của nhà máy, phòng thí nghiệm sẽ tiến hành phân tích để chia tỷ lệ chính xác giữa đá vôi và đất sét trước khi bắt đầu nghiền. Thông thường sẽ chia theo tỷ lệ 80% đá vôi và 20% đất sét. Sau đó nhà máy sẽ tiến hành nghiền hỗn hợp với sự trợ giúp của các con lăn quay và bàn xoay. Bàn xoay sẽ quay liên tục dưới con lăn và con lăn tiếp xúc trực tiếp với hỗn hợp để nghiền hỗn hợp thành bột mịn. Hỗn hợp nguyên liệu thô còn lại sẽ được dự trữ trong đường ống sau khi đã nghiền hỗn hợp thành bột mịn.

Giai đoạn 3: (Trước khi nung): Những nguyên liệu được nghiền hoàn chỉnh sẽ được đưa vào buồng trước khi nung. Buồng này sẽ chứa một chuỗi các buồng xoay trục đứng, nguyên liệu thô được đẩy qua đây và vào trong lò nung. Buồng trước nung này sẽ tận dụng nhiệt tỏa ra từ lò, giúp tiết kiệm năng lượng và làm cho nhà máy thân thiện với môi trường hơn.

Giai đoạn 4: (Giai đoạn trong lò): Nhiệt độ trong lò có thể lên tới 1450°C do xảy ra phản ứng hóa học khử cacbon và thải khí CO₂. Chuỗi phản ứng hóa học giữa Ca và SiO₂ tạo ra CaSiO₃ là thành phần chính trong xi măng. Lò nhận được nhiệt từ bên ngoài nhờ khí tự nhiên hoặc than đá. Khi nguyên liệu rơi xuống phần thấp nhất của lò nung thì sẽ hình thành lên xỉ khô.

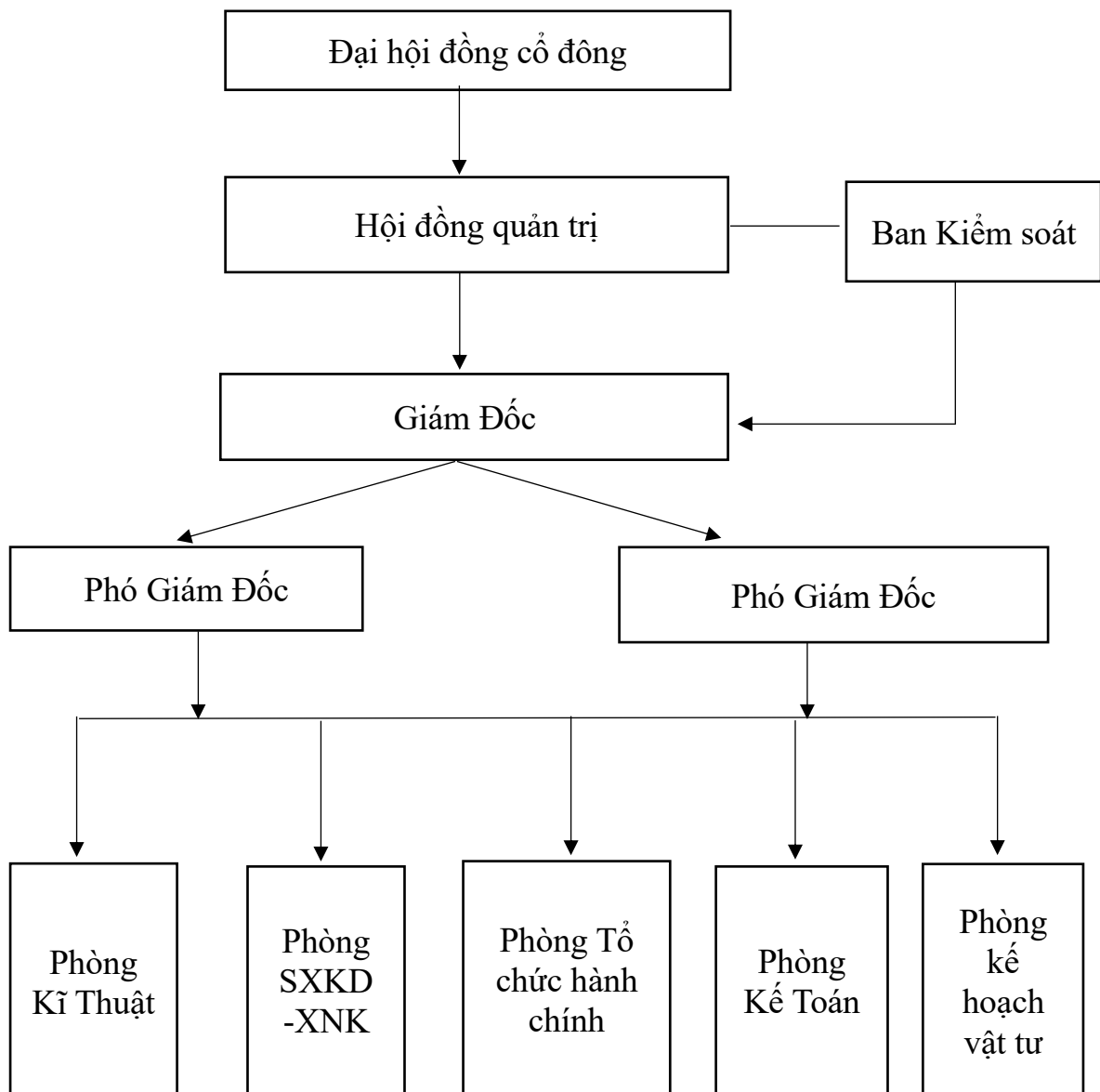
Giai đoạn 5: (Làm mát và nghiền thành phẩm): Sau khi ra khỏi lò, xỉ được làm mát nhờ vào khí cưỡng bức, xỉ sẽ tỏa ra lượng nhiệt hấp thụ và từ từ giảm nhiệt, lượng nhiệt xỉ tỏa ra sẽ được thu lại quay trở vào lò, giúp tiết kiệm năng lượng. Các viên bi sắt sẽ giúp nghiền bột mịn ra thành xi măng.

Giai đoạn 6: (đóng bao và vận chuyển): Sau khi nghiền thành bột, xi măng sẽ được đóng bao với trọng lượng 50kg/ 1 bao, chúng sẽ được phân phối tới cửa hàng và tới tay người tiêu dùng.

*** Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý**

Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình là một tổ hợp chuyên môn hóa. Mỗi phòng ban có nhiệm vụ riêng nhưng không rời rạc mà liên kết thành một hệ thống không thể tách rời. Trong những năm gần đây, để phù hợp với nền kinh tế thị trường, DN đã liên tục thực hiện công tác tinh giản, sàng lọc lao động, xây dựng bộ máy quản lý gọn nhẹ, linh hoạt, có hiệu quả.

Sơ đồ 2.2. :Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: Phòng Tổ chức hành chính)

- Nhiệm vụ của các phòng ban như sau:

Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan có quyền lực cao nhất trong công ty cổ phần, bao gồm tất cả các cổ đông/nhóm cổ đông của công ty. Đại hội đồng có quyền quyết định những vấn đề trọng yếu nhất của công ty. Đứng đầu Đại hội đồng cổ đông là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề như: thay đổi địa chỉ công ty; thay đổi tên công ty; thay đổi ngành nghề kinh doanh;...

Hội đồng quản trị: là cơ quan quyền lực thứ hai sau Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có quyền nhân danh công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể có từ 3-11 thành viên, mỗi thành viên không nhất thiết phải là cổ đông công ty nếu điều lệ công ty không quy định.

Tổng giám đốc (giám đốc): là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị. Điều lệ công ty sẽ lựa chọn một trong hai chức danh Tổng giám đốc hoặc giám đốc.

Ban kiểm soát: là một ban được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), hoạt động kế toán của công ty.

Phó giám đốc: là người giúp việc cho giám đốc trong lĩnh vực chỉ đạo điều hành kế hoạch sản xuất, quản lý kỹ thuật, phụ trách hành chính và nhân sự theo sự phân công và ủy quyền của giám đốc.

Phòng kỹ thuật: theo dõi kỹ thuật quy trình công nghệ sản xuất, quy cách sản phẩm, kiểm tra chất lượng sản phẩm sản xuất. Phòng kỹ thuật phải tạo mẫu, sản xuất thử mẫu, sau đó chuyển giao hướng dẫn công nghệ sản xuất, thiết kế dây chuyền sản xuất cho phù hợp, tiết kiệm NVL để đạt hiệu quả kinh tế cao.

Phòng SXKD - XNK: lập kế hoạch sản xuất, chịu trách nhiệm mua vật tư đầu vào và thực hiện phân phối tiêu thụ sản phẩm, xây dựng chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm. Tìm kiếm thị trường, bạn hàng nước ngoài, ký kết các hợp đồng XNK, giải quyết các vấn đề liên quan đến XNK.

Phòng tổ chức hành chính: chịu trách nhiệm về mặt tổ chức nhân sự, quản lý tiền lương, tiền thưởng, bố trí sắp xếp lao động cho phù hợp với mô hình SXKD của DN, bảo hộ lao động, tổ chức sắp xếp văn phòng, bảo vệ, y tế, nhà ăn, ... góp phần vào hiệu quả SXKD chung của công ty.

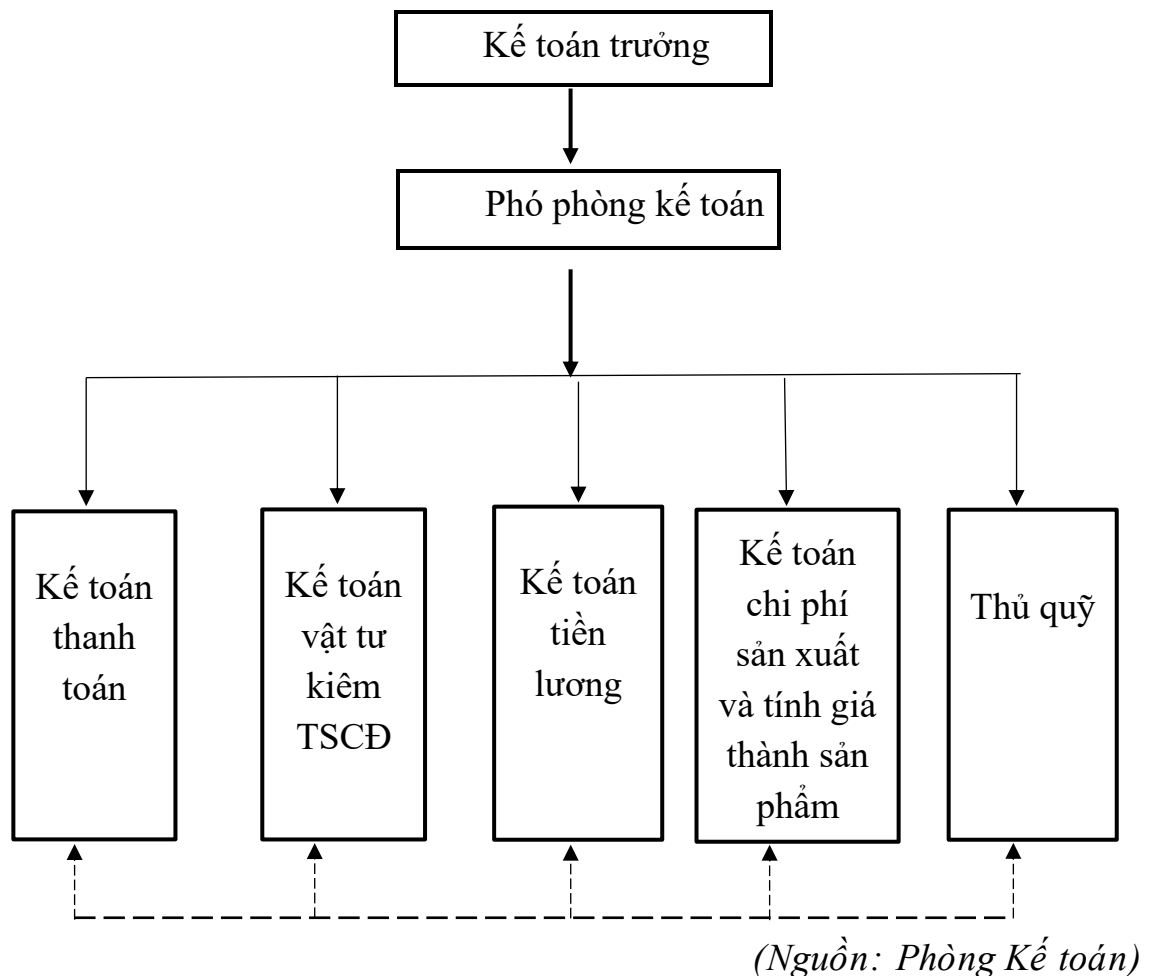
Phòng kế toán: tham mưu cho giám đốc về lĩnh vực tài chính, theo dõi và báo cáo giám đốc về tình hình sử dụng vốn, cung cấp kịp thời, chính xác mọi thông tin về tình hình tài chính của DN, tổ chức điều hành kế toán theo quy định của Nhà nước, ghi chép và phản ánh trung thực về sự biến động hàng hóa trong SXKD và trong mỗi kỳ hạch toán.

Phòng kế hoạch vật tư: bám sát, tìm hiểu thị trường, lập kế hoạch sản xuất, xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về sản xuất, tham mưu cho Giám đốc về công tác tiếp cận thị trường, kiểm tra, đôn đốc và thực hiện kế hoạch

2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình

Công ty lựa chọn hình thức kế toán tập trung. Với hình thức kế toán ở các bộ phận thu thập thông tin tiến hành xử lý chứng từ ban đầu sau đó gửi về phòng kế toán của Công ty kiểm tra vào sổ chi tiết, tổng hợp toàn bộ kế hoạch sản xuất kinh doanh rồi lập báo cáo tài chính. Giữa các phần hành kế toán đều có mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau, so sánh đối chiếu để đảm bảo các thông tin được phản ánh, ghi chép kịp thời, chính xác.

Sơ đồ 2.3. : Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty



Ghi chú:

—————> Quan hệ chỉ đạo

-----> Quan hệ hỗ trợ

* Chức năng và nhiệm vụ từng bộ phận kế toán

- Kế toán trưởng: là người đứng đầu bộ máy kế toán, có nhiệm vụ phụ trách chung, có quyền điều hành toàn bộ công tác kế toán tài chính, có chức năng tổ

chức công tác kế toán, tổ chức hình thức hạch toán, kiểm tra các chứng từ thu chi, thanh toán. Và phối hợp với kế toán tổng hợp làm công tác tổng hợp quyết toán, lập báo cáo quyết toán cuối năm. Đồng thời chịu trách nhiệm trước giám đốc, cơ quan cấp trên và pháp luật về vấn đề liên quan đến tình hình tài chính, công tác kế toán của doanh nghiệp thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình.

- Phó phòng kế toán (kế toán tổng hợp): là người có trách nhiệm hướng dẫn tổng hợp, phân loại chứng từ, định khoản các nghiệp vụ phát sinh, lập sổ sách kế toán cho từng bộ phận của kế toán viên; , đồng thời chịu trách nhiệm trước giám đốc, cơ quan cấp trên và pháp luật về vấn đề liên quan đến tình hình tài chính, công tác kế toán của doanh nghiệp thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình. Làm công tác trực tiếp tổng hợp quyết toán lập báo cáo.

- Kế toán thanh toán: là người có nhiệm vụ theo dõi các khoản nợ phải trả và các khoản thanh toán, các khoản phải trả, phải nộp; phản ánh kịp thời tình hình thu, chi quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng của công ty.

- Kế toán vật tư kiêm TSCĐ: theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn của NVL, công cụ dụng cụ. Căn cứ vào phiếu nhập kho (PNK) và phiếu xuất kho (P XK), kiểm tra tính chính xác (số lượng theo yêu cầu thực xuất và thực nhập, đã đầy đủ chữ ký hay chưa...) để hạch toán và ghi sổ chi tiết, sổ tổng hợp. Theo dõi mọi sự biến động của TSCĐ tại doanh nghiệp, tình hình trích khấu hao và phân bổ khấu hao vào quá trình sản xuất kinh doanh, báo cáo thống kê định kỳ . Ngoài ra, còn phải phối hợp cùng phòng kế hoạch giải quyết các công việc liên quan đến công tác quản lý TSCĐ .

- Kế toán tiền lương: tính tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và thanh toán, chi các khoản ốm đau, thai sản cho nhân viên trong DN.

- Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm: có nhiệm vụ tập hợp tất cả các chi phí sản xuất phát sinh để tính giá thành cho từng loại sản phẩm.

Đồng thời, theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn thành phẩm, hạch toán doanh thu của toàn công ty và lập báo cáo với cấp trên.

- Thủ quỹ: mở sổ quỹ tiền mặt; theo dõi thu, chi, bảo quản tiền mặt; thường xuyên đối chiếu với kế toán thanh toán; chịu trách nhiệm giải trình về trường hợp thừa, thiếu quỹ tiền mặt.

Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình giai đoạn 2022-2024

ĐVT: đồng Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	So sánh 2023/2022		So sánh 2024/2023	
					Số tuyệt đối	Số tương đối (%)	Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
1	Tài sản lưu động	283.277.037.980	255.159.124.601	222.694.625.435	-28.117.913.379	-9.93%	-32.464.499.166	-12.73%
2	Tài sản cố định	769.090.306.398	732.317.162.165	685.183.517.016	-36.773.144.233	-4.78%	-47.133.645.149	-6.44%
3	Tổng nguồn vốn	1.094.966.151.966	1.066.406.496.471	999.278.318.987	-28.559.655.495	-2.61%	-67.128.177.484	-6.29%
4	Vốn chủ sở hữu	297.825.117.784	301.505.637.653	280.783.699.874	3.680.519.869	1,24%	-20.721.937.779	-6.87%
5	Doanh thu thuần	828.695.905.845	795.654.359.520	645.219.417.877	-33.041.506.325	-3.99%	-150.434.981.643	-18.91%
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	50.397.486.257	50.435.573.684	25.348.396.486	38.087.427	0,08%	-25.087.177.198	-49,74%
7	Thuế thu nhập DN	2.795.035.904	2.947.681.864	3.595.716.987	152.645.960	5,46%	648.035.123	21,98%
8	Tổng lợi nhuận sau thuế	759.184.365.252	797.281.487.657	740.468.795.287	38.097.122.405	5,02%	-56.812.692.370	-7,13%
9	Thu nhập bình quân đầu người/tháng	6.800.000	7.000.000	7.400.000	200.000	2,94%	400.000	5,71%

Nhận xét: Từ số liệu trên cho ta đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty như sau:

- Tài sản lưu động (bao gồm vốn bằng tiền, các khoản phải thu, HTK và tài sản ngắn hạn khác) đã có sự biến động trong 3 năm. Cụ thể: năm 2023 giảm so với năm 2022 là 28.117.913.379 đồng tương ứng với tốc độ giảm 9.93%. Và năm 2024 giảm 32.464.499.166 đồng so với năm 2023, tương ứng với tốc độ giảm 12.73%.
- Tài sản cố định (bao gồm TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và hao mòn TSCĐ). Năm 2023 giảm 36.773.144.233 đồng, tương ứng với tốc độ giảm là 4.78% so với năm 2022. Năm 2024 giảm so với năm 2023 là 47.133.645.149 đồng, tương ứng với tốc độ giảm là 6.44%. Mặc dù TSCĐ năm 2024 có giảm nhưng vẫn được DN khai thác sử dụng hiệu quả, giúp tạo ra doanh thu cho công ty.
- Tổng nguồn vốn kinh doanh của DN năm 2023 giảm 28.559.655.495 đồng, tương ứng với tốc độ giảm là 2.61% so với năm 2022. Tổng nguồn vốn năm 2024 giảm 67.128.177.484 đồng so với năm 2023, tương ứng với tốc độ giảm là 6.29%.
- Vốn chủ sở hữu năm 2023 tăng so với năm 2022 là 3.680.519.869 đồng, tương ứng với tốc độ tăng là 1,24%. Năm 2024 giảm 20.721.937.779 đồng, tương ứng với tốc độ giảm là 6,87% so với năm 2023.
- Doanh thu thuần năm 2023 giảm so với năm 2022 là 33.041.506.325 đồng, tương ứng với tốc độ giảm là 3.99%. Doanh thu năm 2024 giảm so với năm 2023 là 150.434.981.643 đồng, tương ứng với tốc độ giảm là 18,91%.
- Lợi nhuận trước thuế của DN năm 2023 tăng so với năm 2022 là 38.087.427 đồng, tương ứng với tốc độ tăng 0,08%. Năm 2024 giảm so với năm 2023 là 25.087.177.198 đồng, tương ứng với tốc độ giảm 49,74%. Tuy lợi nhuận năm 2024 có giảm nhưng đây vẫn là nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo công ty trước tình hình kinh doanh đặc biệt khó khăn.
- DN đã đóng góp một phần không nhỏ vào Ngân sách Nhà nước qua khoản thuế thu nhập DN. Thuế thu nhập doanh nghiệp mà DN phải nộp năm 2023 tăng

152.645.960 đồng, tương ứng với tốc độ tăng 5,46%. Năm 2024 tăng so với năm 2023 là 648.035.123 đồng, tương ứng với tốc độ tăng là 21,98%.

- Lợi nhuận sau thuế của DN năm 2023 tăng so với năm 2022 là 38.097.122.405 đồng, tương ứng với tốc độ tăng 5,02%. Năm 2024 giảm so với năm 2023 là 56.812.692.370 đồng, tương ứng với tốc độ giảm là 7,13%.
- Thu nhập bình quân đầu người một tháng năm 2023 tăng 200.000 đồng, tương ứng với tốc độ tăng 2,94% so với năm 2022. Năm 2024 tăng so với năm 2023 là 400.000 đồng, tương ứng với tốc độ tăng 5,71%.

Qua việc phân tích các kết quả mà công ty đã đạt được trong giai đoạn 2022-2024, ta thấy năm 2024 hầu hết các chỉ tiêu đều giảm. Có thể thấy, những khó khăn dồn dập đối với sản xuất xi măng như đánh giá về vật liệu xây dựng, trước hết do thị trường bất động sản trong nước trầm lắng, các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng triển khai chậm, dẫn đến đầu ra tiêu thụ bị hạn chế. Trong khi đó, thị trường xuất khẩu bị ảnh hưởng vì nhiều quốc gia rơi vào khủng hoảng kinh tế. Khó khăn về thị trường tiêu thụ ở cả trong và ngoài nước đã tác động tiêu cực đến tình hình hoạt động của các đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng. Trước những khó khăn, thách thức chưa từng có, các đơn vị sản xuất xi măng đã chủ động triển khai nhiều giải pháp để tối ưu hóa, nâng cao hiệu quả, tiết giảm chi phí. Để giảm chi phí điện năng, vào những khung giờ cao điểm trong ngày sẽ hạn chế hoạt động của dây chuyền, thiết bị mà chuyển sang khung giờ thấp điểm. Bên cạnh đó, đơn vị cũng cải tạo lò nung giúp đốt được các loại than nhiệt lượng thấp, giá thành rẻ hơn và đẩy mạnh sử dụng một số loại phụ gia như thạch cao nhân tạo trong phối trộn xi măng. Và tối ưu hóa sản xuất là đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ như dự án tận dụng nhiệt thừa khí thải của các nhà máy xi măng để sản xuất điện. . Điều này cho thấy sự cố gắng, nỗ lực của toàn thể ban lãnh đạo công ty, các phòng ban, người lao động và hơn nữa là sự hỗ trợ kịp thời của Chính phủ.

2.1.5. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình

Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp. Vì vậy, công tác kế toán trong DN được thực hiện theo Chế độ kế toán DN hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Cụ thể như sau:

- Chế độ kế toán: Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Niên độ kế toán: kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch).

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: DN ghi sổ và lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (VNĐ). Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ sang đồng Việt Nam được thực hiện theo đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: trị giá HTK được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

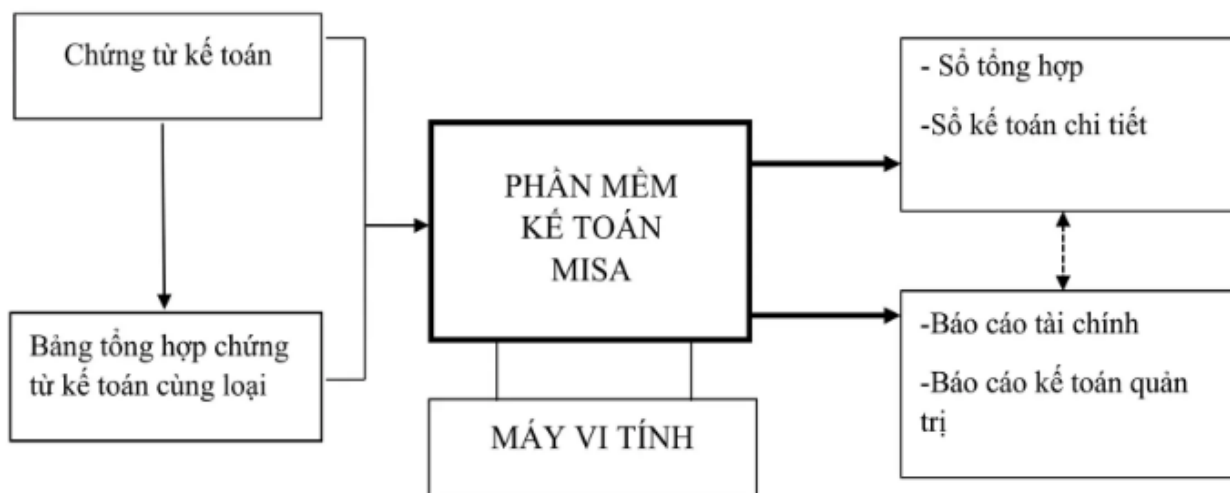
- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: DN áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng

- Phương pháp tính thuế GTGT: áp dụng theo PP khấu trừ.

- Hình thức ghi sổ kế toán: sử dụng hình thức Nhật ký chung.

- Phần mềm kế toán: sử dụng phần mềm kế toán Misa



Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên máy vi tính theo Thông tư 200/2014/TT – BTC

Ghi chú:

-  Nhập số liệu hàng ngày
-  In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
-  Kiểm tra đối chiếu

- Hệ thống tài khoản: Hệ thống TK kế toán được lựa chọn để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của DN trên cơ sở hệ thống danh mục TK kế toán DN ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2024 của Bộ Tài chính.

- Hệ thống chứng từ kế toán áp dụng theo danh mục chứng từ kế toán ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2024 của Bộ Tài chính và các chứng từ được ban hành theo các văn bản pháp luật khác.

2.2. Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình

2.2.1. Đặc điểm, phân loại và công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình

2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu

Do đặc trưng của ngành công nghiệp sản xuất xi măng, vật liệu trong công ty đa dạng về số lượng, phong phú về chủng loại và có giá trị tương đối lớn. Chúng bao gồm những loại sẵn có trong tự nhiên như : Đá vôi, đất sét, quặng sắt, than, thạch cao,... hoặc phải trải qua quá trình chế biến, sản xuất như : Clinker, dầu, bị

đạn,... thậm chí có loại là phế liệu của các doanh nghiệp khác như xi. Mỗi loại vật liệu đều có những đặc tính lý hoá và giá trị khác nhau nhưng chúng đều là thành phần cấu tạo nên xi măng - loại vật liệu xây dựng có độ kết dính cao không thể thiếu trong ngành xây dựng.

Với đặc điểm của hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty trực tiếp sản xuất klinker, một phần được bán trực tiếp cho khách hàng, đối tác, một phần sử dụng cho nhà máy nghiền để sản xuất xi măng các loại. Vật liệu trong công ty được nhập từ nhiều nguồn khác nhau bao gồm cả tự khai thác và mua sắm. Từ các mỏ đá tại núi Voi Trong, xã Đông Sơn, TP.Tam Điệp, từ đó công ty tiến hành khai thác, sơ chế, tuyển lựa và đưa vào sản xuất như một nguyên liệu chính. Đây là những nguyên liệu thiết yếu trong sản xuất xi măng, lại là nguồn tài nguyên dồi dào công ty có thể khai thác tại chỗ. Đó là thế mạnh giúp công ty chủ động trong sử dụng vật liệu, góp phần hạ giá thành sản phẩm.

Ngoài việc tự khai thác nguồn nguyên liệu ở các vùng phụ cận, công ty còn tiến hành mua sắm vật liệu từ các nhà cung cấp tùy thuộc vào chất lượng, giá cả và các thoả thuận cụ thể khác. Các loại nguyên, nhiên vật liệu khác được cung cấp thường xuyên ổn định từ các nhà cung cấp trong nước; đối với một số vật tư thay thế như gạch chịu lửa, bi nghiền,... tùy thuộc yêu cầu thực tế, có trường hợp Công ty phải nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài, chủ yếu từ thị trường Trung Quốc.

Từ những đặc trưng và đặc điểm trên cho thấy việc quản lý NVL có những nét riêng biệt và khó hạ thấp chi phí NVL. Việc sử dụng tiết kiệm trong sản xuất là biện pháp tích cực nhằm hạ thấp giá thành góp phần không nhỏ vào nâng cao hiệu quả sản xuất. Vì vậy, cần phải quản lý chặt chẽ và hạch toán chi tiết chi phí NVL ở tất cả các khâu thu mua, sử dụng, bảo quản, dự trữ và vận chuyển các vật liệu đặc biệt là đối với các NVL chính.

2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu

Trong hoạt động sản xuất của doanh nghiệp phải sử dụng đến nhiều loại nguyên vật liệu khác nhau và mỗi loại vật liệu này lại có một vai trò, nhiệm vụ riêng. Muốn quản lý tốt nguyên vật liệu, bảo đảm cung cấp nguyên vật liệu phục

vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Để hạch toán chính xác đòi hỏi kế toán viên phải nhận biết từng loại, từng thứ vật liệu. Việc phân loại này còn tùy thuộc rất nhiều vào từng loại hình doanh nghiệp cụ thể (doanh nghiệp thuộc ngành nào? Công dụng của vật liệu ra sao?...) để có sự phân loại khác nhau.

Vật liệu dùng trong doanh nghiệp sản xuất gồm rất nhiều loại: nhưng nhìn chung đều căn cứ vào nội dung kinh tế và chức năng, công dụng của nguyên vật liệu, trong quá trình sản xuất vật liệu được chia thành các loại sau:

Nếu căn cứ vào nguồn gốc nguyên vật liệu có: Vật liệu mua ngoài và vật liệu tự chế tạo.

Nếu căn cứ vào nội dung kinh tế có:

- Nguyên vật liệu chính: là loại vật liệu chủ yếu tham gia cấu thành thực thể cho sản phẩm, công trình. Ngoài ra nguyên vật liệu chính còn bao gồm cả bán thành phẩm mua ngoài để tiếp tục chế biến. Như là đá vôi, đất sét, quặng sắt, than, thạch cao, đá xanh, đá cao lanh,...

- Vật liệu phụ: nguyên vật liệu phụ chỉ là những vật liệu có tác dụng phục vụ trong quá trình sản xuất tạo nên sản phẩm của công ty. Tuy không phải là cơ sở vật chất chủ yếu cấu thành nên sản phẩm, nhưng khi được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính nó có tác dụng làm tăng chất lượng, mẫu mã của sản phẩm hoặc được sử dụng để bảo đảm cho công cụ lao động hoạt động bình thường hoặc dùng để phục vụ cho nhu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý. Ví dụ như: vật tư phụ từng thay thế, giấy, chỉ may vỏ bao xi măng, vỏ bao, bi đạn, gạch chịu lửa, bu lông, vòng bi, dầu nhờn,...

- Nhiên liệu: là những loại vật liệu khi sử dụng có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra liên hoàn. Gồm có: than cám, dầu Diesel, điện, xăng,...

- Phụ tùng thay thế: Phụ tùng xi măng, phụ tùng sửa chữa phương tiện thủy bộ.

- Nguyên vật liệu khác: Bút bi, bút chì, mực, giấy các loại, phế liệu, vật tư ứ đọng... được tận dụng để trang trí thêm cho sản phẩm.

Hình 2.1: Trích xuất danh mục vật tư hàng hóa

STT	Mã hàng	Tên hàng	Nhóm VTH H	ĐVT	Mã kho	Số lượng tồn	Giá trị tồn	Đơn vị chính	Số lượng theo ĐVC
1	VT100	Clinker	NVL	Tấn	VT01	20,000	13,400,000,000	Tấn	20,000
5	VT200	Cao lanh	NVL	Tấn	VT02	5,000	17,500,000,000	Tấn	5,000
6	VT300	Chất trợ nghiền	NVL	Thùng	VT03	150	1,009,800,000	Thùng	150
7	VT400	Đá vôi	NVL	Tấn	VT02	54,000	24,300,000,000	Tấn	54,000
8	VT500	Thạch cao	NVL	Tấn	VT02	3,000	28,375,000,000	Tấn	3,000
9	VT600	Đất sét	NVL	Tấn	VT01	29,510	4,278,950,000	Tấn	29,510
10	VT700	Vỏ bao	NVL	Chiếc	VT01	116,000	35,960,000	Chiếc	116,000
11	VT800	Than	NVL	Tấn	VT01	11,995	32,986,250,000	Tấn	11,995
12	VT900	Dầu MFO	NVL	Lít	VT01	28,970	146,490,400	Lít	28,970
...			...	...	...			...	
	Tổng					345,660	349,845,800,000		345,660

2.2.1.3. Công tác quản lý nguyên vật liệu

Việc quản lý, sử dụng NVL hợp lý và tiết kiệm đóng vai trò vô cùng quan trọng. Nó đảm bảo việc dùng NVL đúng mục đích, đúng số lượng, chất lượng giúp hạn chế được những hao hụt và lãng phí quá mức, từ đó làm giảm chi phí NVL, góp phần nâng cao hiệu quả dùng vốn lưu động. Nhận thấy tầm quan trọng của NVL đối với quá trình sản xuất nên DN đã chú trọng đến tất cả các khâu từ khâu thu mua, dự trữ và bảo quản đến khâu sử dụng.

Trong khâu thu mua: do công ty phải thường xuyên tiến hành thu mua NVL để đáp ứng kịp thời cho quá trình sản xuất sản phẩm và các nhu cầu khác của DN. Vì vậy, trong khâu thu mua phải quản lý chặt chẽ về khối lượng, quy cách, chủng loại và giá cả hơn nữa là phải cung cấp kịp thời cho hoạt động sản xuất, tránh tình trạng thiếu NVL gây gián đoạn hoạt động của DN. Công ty luôn tìm kiếm các nhà cung cấp cả trong và ngoài nước để mua được nguồn vật liệu với giá cả phải chăng mà vẫn đảm bảo được chất lượng. Chủ yếu các loại vật liệu của công ty đều được mua từ các nhà cung cấp trong nước. Với phương thức thu mua này thì giá thành NVL thường thấp hơn so với việc nhập khẩu, khâu vận chuyển cũng dễ dàng hơn và không phải thông qua các thủ tục hải quan, giúp rút ngắn thời gian trong khâu thu mua. Nhìn chung các vật liệu sử dụng trong công ty đều có sẵn trên thị trường. Bên cạnh đó, việc mua sắm vật liệu ở công ty đều được thực hiện trên cơ sở các hợp đồng kinh tế thường được ký theo năm nên nguồn nhập NVL ổn định, dễ kiểm soát được chất lượng cũng như số lượng, giá cả và tiến độ cung ứng.

Trong khâu dự trữ và bảo quản: Để quá trình sản xuất được liên tục phải dự trữ NVL đầy đủ nhưng cũng không được dự trữ quá lượng cần thiết gây ứ đọng vốn, tổn diện tích. Đồng thời phải thực hiện đầy đủ chế độ bảo quản theo các tính chất lý, hoá của từng loại vật liệu để giảm thiểu tình trạng NVL bị hư hỏng, mất mát, giảm chất lượng. Hiện nay, hệ thống kho của công ty đã được trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy, đảm bảo độ thông thoáng, tránh tình trạng ẩm gây nên mốc, gỉ sét, ... Vật liệu được chuyển về công ty, sau khi thực hiện các thủ tục cần thiết cho việc nhập, đều được đưa vào kho bãi theo quy định. Đặc biệt, ở công ty các phân xưởng sản xuất, nhất là phân xưởng sản xuất chính đều có kho

bãi riêng để chứa vật liệu cần dùng trong phân xưởng mình. Do vậy việc nhập kho vật liệu được tiến hành như sau: Các vật liệu là đối tượng sản xuất chính của phân xưởng nào sẽ được nhập thẳng về phân xưởng đó, các vật liệu dùng chung cho nhiều phân xưởng được nhập vào tổng kho. Việc bảo quản vật liệu trong các kho tùy thuộc vào đặc tính lý hoá cũng như tính luân chuyển của vật liệu. Với những vật liệu có khối lượng lớn, kích thước công kênh, ít chịu ảnh hưởng của thời tiết, lại hay được sử dụng thường xuyên như đất, đá, xỉ... được tập kết ở các bãi đất lớn. Những vật liệu có khối lượng nhập lớn, sử dụng thường xuyên nhưng chịu ảnh hưởng của thời tiết như than,... được để ở khu vực có mái che. Còn phần lớn các vật liệu khác đều được bảo quản trong hệ thống nhà kho. Chịu trách nhiệm trong việc quản lý, bảo quản về mặt hiện vật của vật liệu là các thủ kho của tổng kho và tổ giao nhận vật tư của các phân xưởng.

Các NVL nhập về công ty chủ yếu sử dụng cho sản xuất, một phần được sử dụng phục vụ quản lý, xuất kho cho các đơn vị nội bộ, xuất bán,...Số khác qua kiểm kê được phân loại thành vật tư ứ đọng, chậm luân chuyển sẽ được nhập vào kho riêng do phòng vật tư quản lý chờ bán thu hồi vốn.

Trong khâu sử dụng: DN cần tính toán đầy đủ, chính xác, kịp thời giá NVL trong giá thành của thành phẩm. Vì thế, trong quá trình sử dụng phải tổ chức tốt việc ghi chép phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng NVL trong sản xuất kinh doanh để đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

❖ Chức năng và nhiệm vụ của các cá nhân, bộ phận đối công tác quản lý nguyên vật liệu

- Phòng kỹ thuật với công tác xây dựng định mức tiêu dùng NVL:

Định mức tiêu dùng NVL có ý nghĩa hết sức quan trọng trong quá trình sử dụng và quản lý NVL. Do đặc điểm sản xuất của công ty là sản xuất nhiều loại hàng hóa, nhiều chủng loại sản phẩm với kích cỡ khác nhau chủ yếu phục vụ cho nội địa, ngoài ra còn nhận sản xuất cho các đơn vị trong nước và phục vụ nhu cầu tiêu thụ xuất khẩu. Do vậy, hệ thống định mức NVL của công ty đã được xây dựng và đưa vào sử dụng với nhiều loại định mức khác nhau phù hợp với đặc điểm, quy cách, phẩm chất của từng loại NVL góp phần nâng cao hiệu quả SXKD

cho công ty. Ngoài ra, công ty cũng không ngừng phấn đấu giảm lượng NVL tiêu hao trên cơ sở vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm đã quy định.

- Phòng SXKD – xuất nhập khẩu với công tác thu mua nguyên vật liệu:

Phòng sản xuất kinh doanh – xuất nhập khẩu của công ty chịu trách nhiệm mua vật tư đầu vào, chủ động tìm kiếm thị trường, bạn hàng, nguồn hàng, ký kết các hợp đồng và giải quyết các vấn đề liên quan đến XNK. Để thực hiện nhiệm vụ thu mua NVL, phòng sản xuất kinh doanh – xuất nhập khẩu của công ty đã lập một tổ cung ứng để thực hiện công tác thu mua NVL. Với nhiệm vụ của mình, tổ cung ứng thường bao gồm các công việc sau:

- + Từ các đơn đặt hàng, hợp đồng công ty ký kết, tổ chức tiến hành xác định các NVL cần dùng, tính toán số lượng NVL cần sử dụng.

- + Sau khi xác định các loại NVL, số lượng cũng như yêu cầu về chất lượng vật liệu, tổ cung ứng tiến hành tìm nhà cung cấp phù hợp với nhu cầu của công ty.

- + Thực hiện các giao dịch, thương lượng về giá cả, số lượng vật liệu cần cung ứng và thời gian, phương thức giao hàng.

- + Đặc biệt, để đảm bảo vật liệu đầu vào đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, trong quá trình thu mua, bộ phận cung ứng đặc biệt chú ý theo dõi và kiểm tra chất lượng vật tư mua vào. Do vậy, hầu hết các loại vật liệu trước khi nhập kho đều phải thông qua một ban kiểm nghiệm vật tư, hay trước khi giao nhận đều được kiểm nghiệm chất lượng trước.

- Bộ phận kho với công tác bảo quản và kiểm tra nguyên vật liệu:

Tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình, kho là nơi chứa đựng, bảo quản tất cả NVL của công ty. Thực hiện tốt công tác quản lý tại kho sẽ giúp công ty giảm thiểu tình trạng hao hụt, hư hỏng và mất mát NVL đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Chức năng và nhiệm vụ đặt ra của bộ phận kho là:

- + Chịu trách nhiệm về toàn bộ số vật liệu, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị, tài sản cố định, thành phẩm và hàng hoá do mình quản lý trong kho.

- + Theo dõi tình hình nhập, xuất kho vật liệu hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

+ Cùng với bộ phận Kế toán kiểm kê kho định kỳ, đối chiếu số lượng giữa thủ kho và kế toán vật tư .

- Các tổ sản xuất và phòng ban với việc sử dụng nguyên vật liệu.

Tại các tổ sản xuất và các phòng ban của công ty, hàng tháng theo kế hoạch sản xuất hay khi có nhu cầu sử dụng NVL, các bộ phận cần lập giấy đề nghị xuất vật tư. Nếu giấy đề nghị này được kế toán trưởng hoặc giám đốc ký duyệt sẽ trở thành một chứng từ mệnh lệnh để lập P XK. Dựa trên giấy đề nghị xuất vật tư đã được duyệt, bộ phận cung ứng lập P XK và ghi số lượng yêu cầu. Thủ kho căn cứ vào P XK tiến hành xuất vật liệu. Sau khi nhận vật liệu về sử dụng tại mỗi phòng ban hay đặc

biệt là tại các tổ sản xuất thì NVL sử dụng đều được giám sát chặt chẽ, tránh tình

trạng mất mát trong sản xuất và đảm bảo quá trình sử dụng NVL được tiết kiệm.

Từ quy trình sử dụng NVL như trên có thể thấy công tác quản lý NVL trong quá trình sử dụng tại các tổ sản xuất, các phòng ban của công ty là khá công ty chặt chẽ. Việc này giúp đem lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh của công ty.

2.2.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình

2.2.2.1. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Nguyên vật liệu tại công ty được thu mua ở cả thị trường trong nước và nước ngoài. Giá trị thực tế của nguyên vật liệu nhập kho được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Giá thực} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí} & & \text{Các loại thuế} & & \text{Các khoản} \\ \text{tế nhập} & = & \text{ghi trên} & + & \text{thu mua} & + & \text{không được} & - & \text{giảm giá} \\ \text{kho} & & \text{hoá đơn} & & & & \text{hoàn lại (nếu có)} & & \end{array}$$

Trong đó:

+ Giá mua ghi trên hóa đơn: công ty hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên giá mua đây là giá chưa có thuế GTGT.

+ Chi phí thu mua: bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thu mua NVL như chi phí vận chuyển, bốc dỡ, ...

+ Các loại thuế không được hoàn lại: với các loại NVL phải nhập khẩu phục vụ cho sản xuất công ty phải chịu thêm khoản thuế nhập khẩu.

+ Các khoản giảm giá: như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán. Khi mua NVL với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại hoặc do NVL của nhà cung cấp không đạt đúng tiêu chuẩn chất lượng như đã thỏa thuận, công ty được giảm giá thì những khoản này đều được giảm trừ vào giá trị NVL đầu vào.

Thủ tục nhập kho NVL

Khi NVL về đến công ty, cán bộ kỹ thuật sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hóa đơn và tiến hành kiểm tra về mặt số lượng, chất lượng NVL nhập kho. Phiếu nhập kho được lập khi có đủ chữ ký của các bên liên quan.

Trích dẫn 1: Theo hoá đơn GTGT số 84 ngày 02/08/2025, công ty mua Clinker của Công ty Cổ phần xi măng Sông Lam nhập kho, số lượng là 46.000 tấn, giá mua chưa thuế GTGT là 690.000 đồng/tấn, thuế suất thuế GTGT là 5%, chi phí vận chuyển 30.000.000 đồng.

Giá mua chưa có thuế GTGT = $46.000 \times 690.000 = 31.740.000.000$ đồng

Chi phí vận chuyển = 30.000.000 đồng

> Giá thực tế nhập kho = $31.740.000.000 + 30.000.000 = 31.770.000.000$ đồng

2.2.2.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Nguyên vật liệu của Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình xuất kho chủ yếu để phục vụ cho sản xuất và được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Cụ thể là giá bình quân trong một tháng. Khi xuất kho NVL trong P XK chưa có đơn giá xuất. Cuối tháng, khi đã nhập hết số lượng NVL xuất vào phần mềm máy tính mới có đơn giá xuất kho cho cả kỳ .

Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu tại công ty được dùng chủ yếu cho quá trình sản xuất xi măng. Khi có nhu cầu về nguyên vật liệu sẽ lập phiếu yêu cầu cấp vật tư, thông qua phòng quản lý thi công nếu hợp lý thì chuyển lên cho giám đốc duyệt. Sau đó

chuyển xuống cho thủ kho phiếu yêu cầu xin cấp vật tư đã được ký duyệt, thủ kho căn cứ vào đó viết phiếu xuất kho và tiến hành xuất kho nguyên vật liệu.

Công thức tính đơn giá xuất kho bình quân cả kỳ dự trữ như sau:

$\text{Đơn giá xuất kho bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Giá trị tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập kho trong kỳ}}$

Tại Công ty, có số liệu của nguyên vật liệu Clinker trong tháng 08/2025 như sau:

- Tồn đầu kỳ: 20.000 tấn, đơn giá 670.000 đồng / tấn
- Nhập kho: + Ngày 02/08: 46.000 tấn, đơn giá 690.652 đồng/ tấn
+ Ngày 10/08: 29.950 tấn, đơn giá 710.668 đồng/ tấn
+ Ngày 19/08: 43.980 tấn, đơn giá 680.682 đồng/ tấn
+ Ngày 22/08: 41.800 tấn, đơn giá 710.000 đồng/ tấn
+ Ngày 23/08: 31.500 tấn, đơn giá 702.000 đồng/ tấn
- Số lượng nhập kho trong kỳ 193.230 tấn, giá trị nhập kho trong kỳ 134.781.900.000 đồng/ tấn

Kế toán áp dụng phần mềm Misa tính giá xuất kho như sau: Vào phân hệ “Kho” trong nghiệp vụ kho chọn chức năng “ Tính giá xuất kho”. Sau đó trên màn hình sẽ hiện lên các thông tin thì kế toán chọn mục” Tất cả vật tư hàng hóa”, chọn thời gian, chọn mục “ Tính giá theo kho” cuối cùng nhấn “Thực hiện” phần mềm sẽ tự động tính giá xuất kho

Hình 2.2: Giao diện tính giá xuất kho trên phần mềm Kế toán MISA

The screenshot displays the MISA accounting software interface. On the left is a dark blue sidebar menu with various icons and labels. The 'Kho' (Warehouse) option is highlighted with a red box and a red number '1'. The main area features a top navigation bar with tabs: 'Quy trình' (highlighted), 'Biểu đồ', 'Nhập kho', 'Xuất kho', 'Chuyển kho', 'Lệnh sản xuất', 'Lắp ráp, tháo dỡ', 'Báo cáo', 'Kiểm kê', and 'Khác'. Below this is a diagram titled 'NGHIỆP VỤ KHO' (Warehouse Business Process) showing a flow from 'Lệnh sản xuất' to 'Xuất kho' (highlighted with a red box and a red number '2'), then to 'Chuyển kho', and finally to 'Lắp ráp, tháo dỡ', 'Nhập kho', 'Tính giá xuất kho', and 'Kiểm kê'. At the bottom of the main area is a row of five icons: 'Kho', 'Vật tư hàng hóa', 'Đơn vị tính', 'Tiện ích', and 'Tùy chọn'. On the right side, there is a 'BÁO CÁO' (Reports) section with a list of report types: 'Số chi tiết vật tư hàng hóa', 'Tổng hợp tồn kho', 'Báo cáo đối chiếu giá thành và giá trị nhập kho', 'Báo cáo đối chiếu kho và sổ cái', and 'Báo cáo tiến độ sản xuất'. At the bottom of this section is a button labeled 'Tất cả báo cáo'.

Quy trình | Biểu đồ | Nhập kho | Xuất kho | Chuyển kho | Lệnh sản xuất | Lắp ráp, tháo dỡ | Báo cáo | Kiểm kê | Khác ▼

NGHIỆP VỤ KHO

Lệnh sản xuất | **Xuất kho** | Chuyển kho

Lắp ráp, tháo dỡ | Nhập kho | Tính giá xuất kho | Kiểm kê

BÁO CÁO

- Số chi tiết vật tư hàng hóa
- Tổng hợp tồn kho
- Báo cáo đối chiếu giá thành và giá trị nhập kho
- Báo cáo đối chiếu kho và sổ cái
- Báo cáo tiến độ sản xuất

[Tất cả báo cáo](#)

Menu Sidebar:

- + Thêm nhanh
- Tiền mặt
- Tiền gửi
- Mua hàng
- Bán hàng
- Quản lý hóa đơn
- Kho**
- Công cụ dụng cụ
- Tài sản cố định
- Tiền lương
- Thuế
- Giá thành
- Tổng hợp
- Ngân sách

Hình 2.3: Quy trình tính giá xuất kho trên phần mềm kế toán Misa

Tính giá xuất kho

Lần tính giá cuối cùng: 07/10/2025 20:06:22

Vật tư hàng hóa cần tính giá

☒ Tất cả vật tư, hàng hóa ☐ Vật tư, hàng hóa được chọn [Chọn...](#)

Thời gian Tháng 8 **Từ ngày** 01/08/2025 **Đến ngày** 31/08/2025

Kỳ tính giá Tháng ☒ Tính giá theo kho ☐ Tính giá không theo kho

Chi nhánh

☐ Tính giá chung cho các chi nhánh phụ thuộc ☐ Tính giá riêng theo từng chi nhánh [Thay đổi tùy chọn](#)

Thông tin bổ sung:

- Bạn **chưa biết cách thiết lập** tính giá xuất kho? [XEM HƯỚNG DẪN TÍNH GIÁ](#)
- Trong khi tính giá, bạn không nên thêm/sửa hàng hóa, các chứng từ liên quan đến hàng hóa phát sinh trong khoảng thời gian tính giá

[Hủy](#) [Thực hiện](#)

2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình

2.2.3.1. Phương pháp kế toán chi tiết

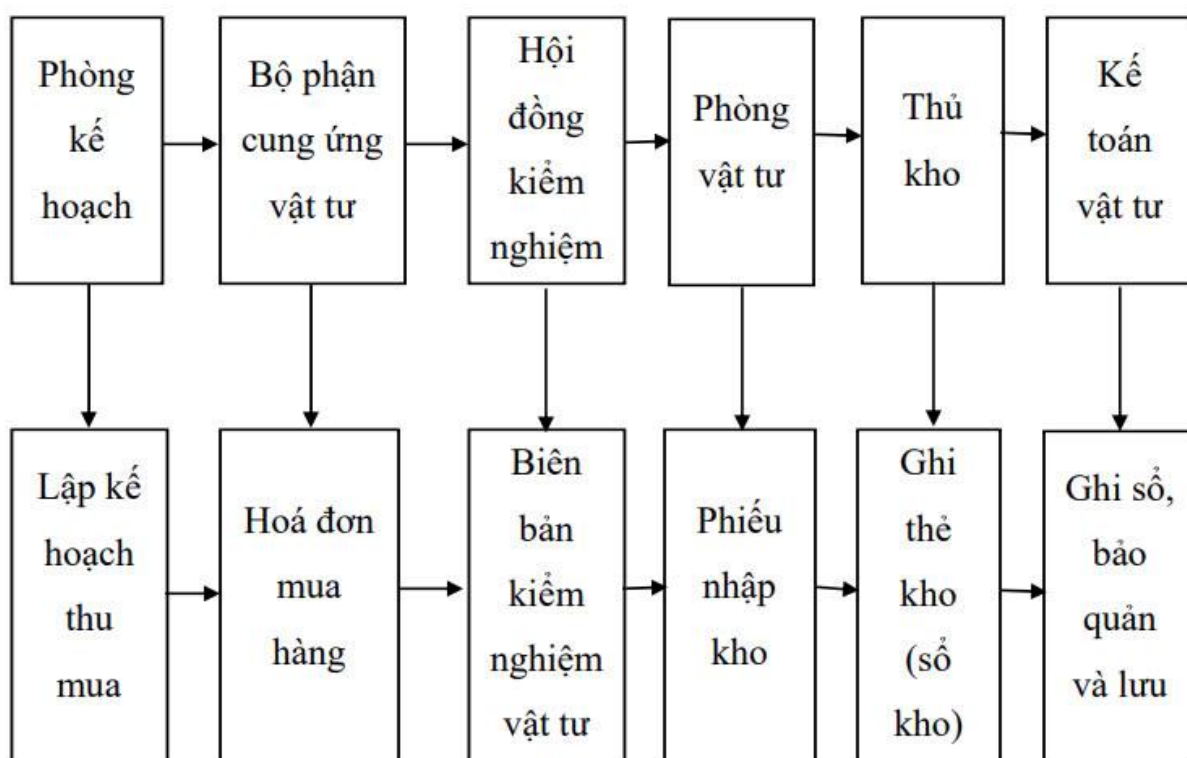
❖ Nhập kho NVL

Các chứng từ sử dụng để hạch toán tăng NVL tại công ty bao gồm:

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 - VT)
- Hoá đơn GTGT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

(Mẫu 03 - VT)

Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ nhập kho



(Nguồn: Phòng Kế toán)

Căn cứ kế hoạch xây dựng hàng tháng, phòng kế hoạch có nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất. Bộ phận cung ứng vật tư dựa trên kế hoạch sản xuất, tình hình tồn kho và tiêu thụ sản phẩm của công ty từ đó để tính ra số NVL cần mua và lựa chọn nhà cung cấp vật liệu. Sau đó, cử cán bộ vật tư đi mua NVL và vận chuyển về công ty kèm theo hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Khi NVL về đến DN sẽ được kiểm nghiệm chặt chẽ để xác định số lượng, chất lượng, chủng loại. Công tác kiểm nghiệm được tiến hành bởi một ban

chuyên trách gồm trưởng phòng (TP) kế hoạch vật tư, thủ kho và nhân viên kỹ thuật. Cơ sở để kiểm nhận là hóa đơn của người cung cấp và hợp đồng mua hàng (trường hợp chưa có hóa đơn phải căn cứ vào hợp đồng mua hàng và PXX của bên giao hàng để kiểm nhận). Trong quá trình kiểm nhận, nếu phát hiện thiếu, thừa vật liệu hoặc vật liệu bị sai quy cách, kém phẩm chất thì phải lập biên bản xác định rõ nguyên nhân. Nếu nguyên nhân là từ phía nhà cung cấp, công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp giảm giá hoặc từ chối không nhận số vật liệu đó.

Sau khi kiểm nhận, các thành viên trong ban kiểm nhận phải lập “Biên bản kiểm nghiệm vật tư”. Biên bản kiểm nghiệm vật tư lập thành 2 bản: 1 bản giao cho bộ phận cung ứng, 1 bản giao cho phòng kế toán (trường hợp vật tư không đúng quy cách sẽ lập thêm 1 bản gửi cho đơn vị bán vật tư). Vật tư đủ tiêu chuẩn sẽ được nhập kho.

Sau đó, kế toán vật tư lập phiếu nhập kho. PNK phải được lập trên phần mềm điện tử Misa dựa trên hóa đơn mua hàng. Sau khi lập phiếu xong, Kế toán in phiếu từ phần mềm chuyển cho người phụ trách hoặc thủ trưởng đơn vị ký. Người giao hàng ký vào PNK. Sau đó thủ kho nhập NVL, ghi thẻ kho rồi chuyển lên cho kế toán vật tư ghi sổ kế toán vật tư, bảo quản và lưu.

Trích dẫn 2: Ngày 10/08/2025, công ty mua của Công ty Cổ phần xi măng Hướng Dương 29.950 tấn Clinker với đơn giá 710.000/tấn, thuế GTGT là 5%. DN đã thanh toán bằng chuyển khoản, số vật tư đã được kiểm nghiệm đầy đủ và về nhập kho VT01 theo PNK 50 ngày 10/08/2025. Chi phí vận chuyển do của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thuận Yên là 20.000.000 đồng, thuế GTGT 10%

Quy trình lập và luân chuyển phiếu nhập kho của trích dẫn 2

Ngày 10/08/2025, khi vật tư về đến kho của DN, trước khi đưa vào nhập kho số vật tư này phải được kiểm nghiệm căn cứ vào hóa đơn GTGT và hợp đồng ký kết về số lượng, chất lượng,... Ban kiểm nghiệm tiến hành kiểm nghiệm để lập biên bản kiểm nghiệm vật tư.

Hình 2.4: Giấy đề nghị mua vật liệu

CÔNG TY CỔ PHẦN VISSAI NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
<u>PHÒNG KẾ HOẠCH VẬT TƯ</u>	<u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>

GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA VẬT LIỆU
Ngày 10 tháng 08 năm 2025

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thành
- Bộ phận công tác: Phòng kế hoạch vật tư
- Lý do: Phục vụ bộ phận sản xuất

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Clinker	Tấn	29.950	29.950

Kính mong lãnh đạo xem xét duyệt!

Người lập (<i>đã ký</i>)	Trưởng phòng kế hoạch vật tư (<i>đã ký</i>)	Giám đốc (<i>đã ký</i>)
--------------------------------------	---	-------------------------------------

Hình 2.5: Hoá đơn GTGT số 133

		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			
		Ngày 10 tháng 08 năm 2025		Ký hiệu: 1C25HD	
		Mã của cơ quan thuế:		Số: 133	
00ADF6251F69FB9E80SM17A4773AC31ECD					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần xi măng Hướng Dương Mã số thuế: 0200443834 Địa chỉ: Tổ 21, Phường Trung Sơn, Ninh Bình					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Phúc Tên đơn vị: Công ty Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình Mã số thuế: 2700263128 Địa chỉ: Lô C7 Khu công nghiệp - Gián Khẩu - Gia Trăn - Gia Viễn -TP. Ninh Bình					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Clinker	Tấn	29.950	710.000	21.264.500.000
Cộng tiền hàng:					21.264.500.000
Thuế suất GTGT:5%			Tiền thuế GTGT:		1.063.225.000
Tổng cộng tiền thanh toán					22.327.725.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi hai tỷ ba trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng./					
Người mua hàng (Ký, họ tên)			Người bán hàng (Ký, họ tên)		
			Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HƯỚNG DƯƠNG  Ký ngày: 10/08/2025		

Hình 2.6: Hóa đơn GTGT số 136

		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			
		Ngày 10 tháng 08 năm 2025		Ký hiệu: 1C25TY	
		Mã của cơ quan thuế:		Số: 136	
00ADE9251F69FB4E80BD80A4679AC36ECA					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thuận Yên Mã số thuế: : 0101601494 Địa chỉ: 228 Trần Phú - phố Yết Kiêu – P. Nam Thành – TP. Ninh Bình					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Thúc Tên đơn vị: Công ty Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình Mã số thuế: 2700263128 Địa chỉ: Lô C7, Khu công nghiệp Gián Khẩu, Gia Trán, Gia Viễn, Ninh Bình					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Vận chuyển Clinker	Tấn	1	20.000.000	20.000.000
Cộng tiền hàng:				20.000.000	
Thuế suất GTGT:10%			Tiền thuế GTGT:		2.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					22.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu đồng chẵn./. Người mua hàng (Ký, họ tên) Người bán hàng (Ký, họ tên) Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THUẬN YÊN  Ký ngày:10/08/2025					

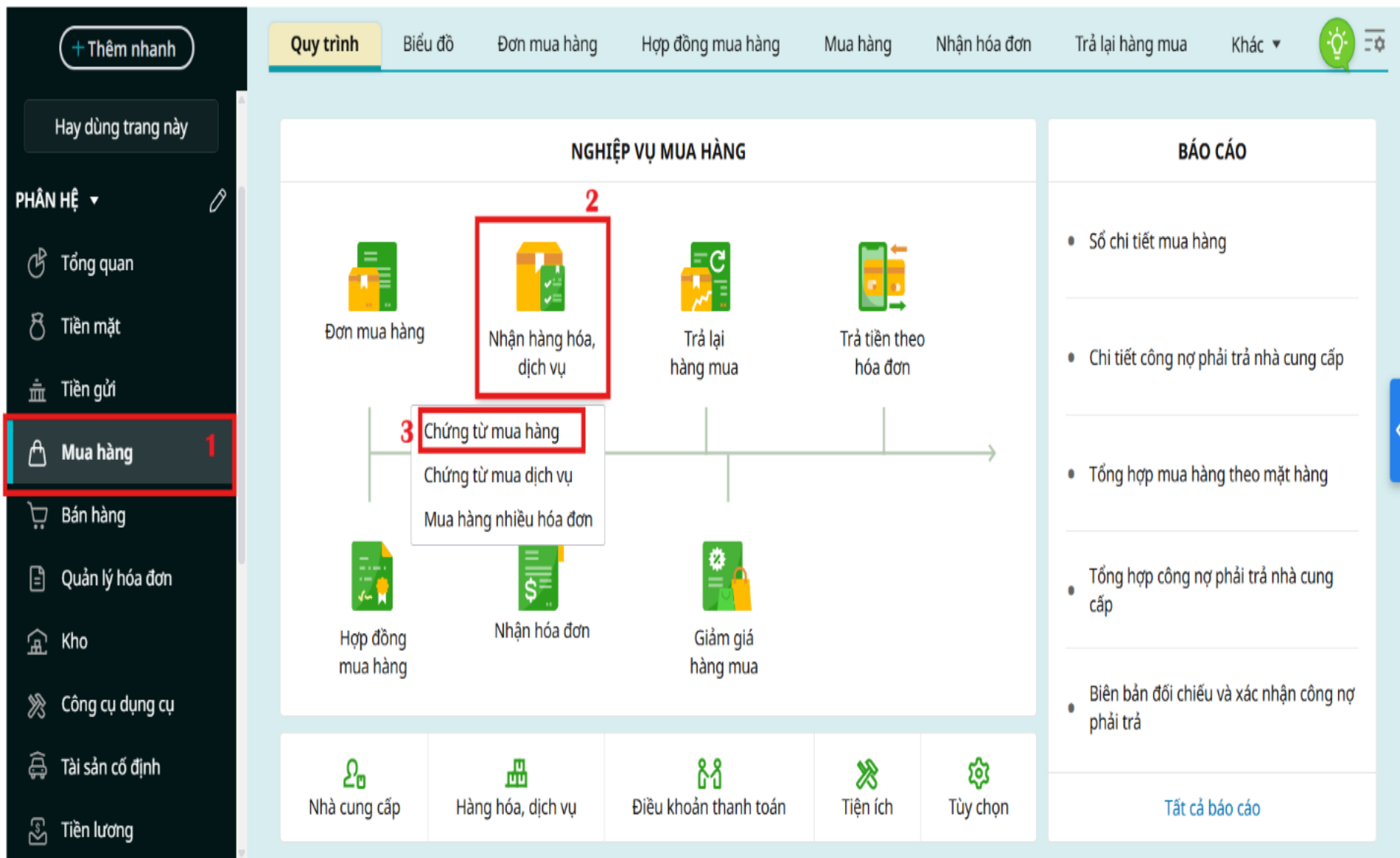
Hình 2.7: Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 108

Đơn vị: Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình					Mẫu số 03 – VT			
Địa chỉ: Lô C7 Khu công nghiệp - Gián Khẩu - Gia					(Ban hành theo Thông tư số			
Trần - H. Gia Viễn - TP. Ninh Bình					200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ Ngày 10 tháng 08 năm 2025 Số: 108								
Căn cứ: Hoá đơn GTGT số 133 ngày 10 tháng 08 năm 2025 của Công ty Cổ phần xi măng Hướng Dương								
Ban kiểm nghiệm gồm:								
+ Ông Phạm Trung Trực			Chức vụ: TP kế hoạch vật tư			Trưởng ban		
+ Ông Ngô Gia Lâm			Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật			Ủy viên		
+ Bà Vũ Thị Tình			Chức vụ: Thủ kho			Ủy viên		
Đã kiểm nghiệm các loại:								
STT	Tên vật tư	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
1	Clinker	VT100		Tấn	29.950	29.950	0	
Kết quả kiểm nghiệm: Vật tư đúng quy cách, phẩm chất, được nhập kho.								
Đại diện kỹ thuật <i>(đã ký)</i>			Thủ kho <i>(đã ký)</i>			Trưởngban <i>(đã ký)</i>		

Sở vật tư sau khi kiểm nghiệm sẽ được làm thủ tục nhập kho dựa trên hóa đơn mua hàng, hợp đồng kinh tế và biên bản kiểm nghiệm. Cán bộ cung ứng vật tư lập phiếu nhập kho.

Vào phân hệ “ Mua hàng” tạo chứng từ mua hàng, khai báo chi tiết thông tin bao gồm nhà cung cấp, mặt hàng, số lượng, đơn giá, chiết khấu, thuế và các thông tin liên quan khác.

Hình 2.8: Giao diện mua hàng trên phần mềm MISA



Hình 2.9: Chứng từ mua dịch vụ số 8

Chứng từ mua dịch vụ 8

Lập từ hợp đồng mua

Hướng dẫn sử dụng

☒ Chưa thanh toán
 ☐ Thanh toán ngay
 Tiền mặt
 Nhận kèm hóa đơn
 ☒ Là chi phí mua hàng

Nhà cung cấp
 Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Thuận Yến

Địa chỉ
 Số nhà 62 ngõ 4 phố Kim Đồng, tổ 16, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội

Ngày hạch toán
 10/08/2025

Ngày chứng từ
 10/08/2025

Số chứng từ
 8

Tổng tiền thanh toán
 22.000.000,0

Diễn giải
 Mua dịch vụ của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Thuận Yến

Nhân viên mua hàng
 +

Tham chiếu
 ...

Điều khoản thanh toán
 +
 Số ngày được nợ
 Hạn thanh toán
 DD/MM/YYYY

[Hạch toán](#)
[Thuế](#)

Gợi ý hồ sơ

Chiết khấu
 Không chiết khấu

#	Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	TK chi phí/TK kho	TK Công nợ	Đối tượng	Tên đối tượng	ĐVT	Số lượng	
1	VT301	Dịch vụ vận chuyển	152	331	NCC19	Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Thuận Yến		1,00	
								1,00	

Thêm dòng
 Thêm ghi chú
 Xóa hết dòng

Sàn thương mại điện tử
 Tên shop

Tổng tiền dịch vụ
 20.000.000,0

Thuế GTGT
 2.000.000,0

Tổng tiền thanh toán
 22.000.000,0

Hình 2.10: Chứng từ mua hàng số 50

Chứng từ mua hàng 50

Mua hàng trong nước nhập kho

Nhập số hợp đồng mua ...

Hướng dẫn sử dụng

Chưa thanh toán

Thanh toán ngay

Tiền mặt

Nhận kèm hóa đơn

Phiếu nhập

Hóa đơn

Mã nhà cung cấp

NCC00025

Tên nhà cung cấp

Công ty CP Xi măng Hướng Dương

Người giao hàng

Địa chỉ

Tổ 21, Phường Trung Sơn, Ninh Bình

Nhân viên mua hàng

Diễn giải

Mua hàng của Công ty CP Xi măng Hướng Dương

Ngày hạch toán

10/08/2025 15:18:01

Ngày chứng từ

10/08/2025

Số phiếu nhập

50

Tổng tiền thanh toán

22.046.269.875,0

Kèm theo

Số lượng

Chứng từ gốc

Tham chiếu

...

Điều khoản thanh toán

Số ngày được nợ

Hạn thanh toán

Hàng tiền

Chi phí

Gợi ý hồ sơ

Chiết khấu

Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Kho	TK Công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT	Nhóm HH
1	VT100	Clinker	VT01	152	331	Tấn	29.950,00	701.050,00	20.996.447.500,0	5	1.049.822.375,0	1331	1
							29.950,00		20.996.447.500,0		1.049.822.375,0		

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước

1

Sau

Thêm dòng

Thêm ghi chú

Xóa hết dòng

Mã tra cứu HĐĐT

Đường dẫn tra cứu HĐĐT

Đính kèm

Dung lượng tối đa 5MB

Tổng tiền hàng

20.996.447.500,0

Thuế GTGT

1.049.822.375,0

Tổng tiền thanh toán

22.046.269.875,0

Chi phí mua hàng

0,0

Giá trị nhập kho

20.996.447.500,0

Để phân bổ chi phí vận chuyển vào vật tư, trong chứng từ mua hàng nhấn chọn chi phí sau đó chọn “Chọn chứng từ CP”

Hình 2.11: Chứng từ chi phí mua hàng số 50

🕒

Chứng từ mua hàng 50

Mua hàng trong nước nhập kho

⚙️

Nhập số hợp đồng mua ...

🔍

?

Hướng dẫn sử dụng

🗨️

⚙️

✕

☒ Chưa thanh toán

☐ Thanh toán ngay

Tiền mặt

Nhận kèm hóa đơn

Phiếu nhập

Hóa đơn

Mã nhà cung cấp

NCC00025

+

▼

🇺🇸

Tên nhà cung cấp

Công ty CP Xi măng Hướng Dương

Ngày hạch toán

10/08/2025 21:10:08

📅

Ngày chứng từ

10/08/2025

📅

Số phiếu nhập

50

Người giao hàng

Địa chỉ

Tổ 21, Phường Trung Sơn, Ninh Bình

Nhân viên mua hàng

+

▼

Diễn giải

Mua hàng của Công ty CP Xi măng Hướng Dương

🔗

Kèm theo

Số lượng

Chứng từ gốc

Tham chiếu

...

Điều khoản thanh toán

+

▼

Số ngày được nợ

Hạn thanh toán

DD/MM/YYYY

📅

Hàng tiền

Chi phí

🗨️

Gợi ý hồ sơ

Chiết khấu

Không chiết khấu

▼

#	Lũy kế số đã phân bổ	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Nhà cung cấp	Tổng chi phí	Số phân bổ lần này
	0,0	Cộng				0,0	0,0
						Tổng tiền hàng	20.996.447.500,0
						Thuế GTGT	1.049.822.375,0
						Tổng tiền thanh toán	22.046.269.875,0
						Chi phí mua hàng	0,0

Chọn chứng từ CP

Phân bổ CP mua hàng

Mã tra cứu HĐĐT

Đường dẫn tra cứu HĐĐT

🗨️

Dính kèm

Dùng lượng tối đa 5MB

Hủy

☒ Hiển thị tài khoản

Cất

Cất và Đóng

▼

Chọn nhà cung cấp, kỳ báo cáo sau khi chọn “Lấy dữ liệu” thì chọn chứng từ

Hình 2.12: Chứng từ chi phí mua hàng

🕒

Chứng từ mua hàng 50

Mua hàng trong nước nhập kho

☒ Chưa thanh toán

☐ Thanh toán ngay

Tiền mặt

Nhận k

Phiếu nhập

Hóa đơn

Mã nhà cung cấp

NCC00025

+

▼

🇺🇸

Tên nhà cung cấp

Công ty CP Xi măng Hướng Dương

Người giao hàng

Địa chỉ

Tổ 21, Phường Trung Sơn, Ninh Bình

Nhân viên mua hàng

Diễn giải

Mua hàng của Công ty CP Xi măng Hướng D

Kèm theo

Số lượng

Chứng từ gốc

Tham chiếu

...

Điều khoản thanh toán

Số ngày được nợ

Hạn thanh toán

DD/MM/YYYY

Hàng tiền

Chi phí

#

Lũy kế số đã phân bổ

Ngày hạch toán

Ngày ch

0,0

Cộng

Chọn chứng từ CP

Phân bổ CP mua hàng

Mã tra cứu HĐĐT

Đường dẫn tra cứu HĐĐT

📎

Đính kèm

Dung lượng tối đa 5MB

Kéo/thả tệp vào đây hoặc bấm vào đây

Hủy

Chọn chứng từ chi phí

✕

Nhà cung cấp

Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Thuận ...

▼

Kỳ báo cáo

Tháng 8

▼

Từ ngày

01/08/2025

📅

Đến ngày

31/08/2025

📅

Lấy dữ liệu

Tìm theo số chứng từ, số hóa đơn

🔍

☐	Ngày chứng từ	Ngày hóa đơn	Ngày hạch toán	Số chứng từ	Số hóa đơn	Nhà cung cấp	Diễn giải
☐	11/08/2025	11/08/2025	11/08/2025	11	7	Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Thuận Yến	Chi tiền mua dịch phần thương mại
☒	10/08/2025	10/08/2025	10/08/2025	8	34	Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Thuận Yến	Chi tiền mua dịch phần thương mại
Tổng							

Tổng số: 2 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

▼

Trước

1

Sau

Hủy

Đồng ý

61

Để phân bổ chi phí vận chuyển vào vật tư chọn ”Phân bổ chi phí mua hàng”

Hình 2.13: Cách thức phân bổ chi phí mua hàng

Chứng từ mua hàng 50

Mua hàng trong nước nhập kho

Nhập số hợp đồng mua ...

Hướng dẫn sử dụng

Chưa thanh toán

Thanh toán ngay

Tiền mặt

Nhận kèm hóa đơn

Phiếu nhập

Hóa đơn

Mã nhà cung cấp

NCC00025

Tên nhà cung cấp

Công ty CP Xi măng Hướng Dương

Ngày hạch toán

10/08/2025 15:18:01

Người giao hàng

Địa chỉ

Tổ 21, Phường Trung Sơn, Ninh Bình

Ngày chứng từ

10/08/2025

Nhân viên mua hàng

Diễn giải

Mua hàng của Công ty CP Xi măng Hướng Dương

Số phiếu nhập

50

Kèm theo

Số lượng

Chứng từ gốc

Tham chiếu

...

Điều khoản thanh toán

Số ngày được nợ

Hạn thanh toán

DD/MM/YYYY

Hàng tiền

Chi phí

Gợi ý hồ sơ

Chiết khấu

Không chiết khấu

#	Lũy kế số đã phân bổ	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Nhà cung cấp	Tổng chi phí	Số phân bổ lần này
1	0,0	10/08/2025	10/08/2025	8	Công ty cổ phần thương mại dịch vụ...	20.000.000,0	20.000.000,0
Cộng						20.000.000,0	20.000.000,0

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước

1

Sau

Chọn chứng từ CP

Phân bổ CP mua hàng

Mã tra cứu HĐĐT

Đường dẫn tra cứu HĐĐT

Đính kèm

Dung lượng tối đa 5MB

Kéo/thả tệp vào đây hoặc bấm vào đây

Tổng tiền hàng

20.996.447.500,0

Thuế GTGT

1.049.822.375,0

Tổng tiền thanh toán

22.046.269.875,0

Chi phí mua hàng

0,0

Giá trị nhập kho

20.996.447.500,0

Trong “Phân bổ chi phí mua hàng” chọn trong” Phương thức phân bổ” chọn “Tỷ lệ % theo số lượng” sau đó nhấn “Đồng ý”, phần mềm sẽ tự động phân bổ chi phí.

Hình 2.14: Phân bổ chi phí mua hàng

Phân bổ chi phí mua hàng

Phương thức phân bổ

Tỷ lệ % theo số lượng

Phân bổ

Tổng chi phí mua hàng

20.000.000,0

Mã hàng	Tên hàng	Số lượng	Thành tiền	Tỷ lệ phân bổ	Chi phí mua hàng
VT100	Clinker	29.950,00	20.996.447.500,0	100,0000000000	20.000.000,0
		29.950,00	20.996.447.500,0	100,0000000000	20.000.000,0

Hủy

Đồng ý

Hình 2.15: Phiếu nhập kho 50

Chứng từ mua hàng 50

Mua hàng trong nước nhập kho

Nhập số hợp đồng mua ...

Hướng dẫn sử dụng

☒ Chưa thanh toán
☐ Thanh toán ngay
Tiền mặt
Nhận kèm hóa đơn

Phiếu nhập
Hóa đơn

Mã nhà cung cấp
NCC00025

Tên nhà cung cấp
Công ty CP Xi măng Hướng Dương

Ngày hạch toán
10/08/2025 15:18:01

Người giao hàng

Địa chỉ
Tổ 21, Phường Trung Sơn, Ninh Bình

Ngày chứng từ
10/08/2025

Nhân viên mua hàng

Diễn giải
Mua hàng của Công ty CP Xi măng Hướng Dương

Số phiếu nhập
50

Kèm theo
Số lượng Chứng từ gốc Tham chiếu ...

Điều khoản thanh toán
Số ngày được nợ
Hạn thanh toán
DD/MM/YYYY

Tổng tiền thanh toán
22.046.269.875,0

Hàng tiên
Chi phí

Gợi ý hồ sơ
Chiết khấu
Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Kho	TK Công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT	Nhóm HH
1	VT100	Clinker	VT01	152	331	Tấn	29.950,00	701.050,00	20.996.447.500,0	5	1.049.822.375,0	1331	1
							29.950,00		20.996.447.500,0		1.049.822.375,0		

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước
1
Sau

Thêm dòng
Thêm ghi chú
Xóa hết dòng

Mã tra cứu HĐĐT
Đường dẫn tra cứu HĐĐT

Đính kèm
Dung lượng tối đa 5MB

Kéo/thả tệp vào đây hoặc bấm vào đây

Tổng tiền hàng
20.996.447.500,0

Thuế GTGT
1.049.822.375,0

Tổng tiền thanh toán
22.046.269.875,0

Chi phí mua hàng
20.000.000,0

Giá trị nhập kho
21.016.447.500,0

Trích dẫn 3: Ngày 23/08/2025, để phục vụ nhu cầu SXSP, theo giấy đề nghị mua vật tư do ông Nguyễn Văn Thanh lập. Công ty Công ty cổ phần Vissai Ninh Bình nhập một số loại vật liệu phục vụ sản xuất tại Công ty TNHH Thành Đạt SSC. Thuế GTGT 10%, tổng số tiền thanh toán là 57.260.260.000 đồng. Công ty chưa thanh toán. Số NVL này do Công ty tại Công ty TNHH Thành Đạt SSC chịu trách nhiệm vận chuyển đến theo thỏa thuận giữa hai bên, vì vậy giá nhập kho NVL cũng chính là giá mua ghi trên hoá đơn.

Quy trình lập và luân chuyển chứng từ tương tự với trích dẫn 2.

Hình 2.16: Giấy đề nghị mua vật liệu

CÔNG TY CỔ PHẦN VISSAI NINH BÌNH		CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM		
<u>PHÒNG KẾ HOẠCH VẬT TƯ</u>		<u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>		
GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA VẬT LIỆU				
Ngày 23 tháng 08 năm 2025				
- Họ và tên: Nguyễn Văn Thanh - Bộ phận công tác: Phòng kế hoạch vật tư - Lý do: Phục vụ bộ phận sản xuất				
STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Cao lanh	Tấn	9.650	
2	Chất trợ nghiền	Phuy	170	
3	Đá vôi	Tấn	35.000	
4	Thạch cao	Tấn	1.300	
Kính mong lãnh đạo xem xét duyệt!				
Người lập		Trưởng phòng kế hoạch vật	Giám đốc	
(đã ký)		tư	(đã ký)	
		(đã ký)		

Hình 2.17: Hoá đơn GTGT số 143

		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			
		Ngày 23 tháng 08 năm 2025		Ký hiệu: 1C25TTD	
		Mã của cơ quan thuế:		Số: 143	
00ADE9251F69FB4E80BD17A4679AC36ECA					
Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH Thành Đạt SSC Mã số thuế: 0313080998 Địa chỉ: 658/36/A5 Xô Viết Nghệ Tĩnh - Phường 26 - Quận Bình Thạnh – TP Hồ Chí Minh					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Phúc Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Visai Ninh Bình Mã số thuế: 2700280638 Địa chỉ: Lô C7, Khu công nghiệp Gián Khẩu, Gia Trấn, Gia Viễn, Ninh Bình					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cao lanh	Tấn	9.650	2.800.000	27.020.000.000
2	Chất trợ nghiền	Phuy	170	6.600.000	1.122.000.000
3	Đá vôi	Tấn	35.000	465.000	16.275.000.000
4	Thạch cao	Tấn	1.300	6.000.000	7.800.000.000
Cộng tiền hàng:					52.217.000.000
Thuế suất GTGT:			Tiền thuế GTGT:		5.043.260.000
Tổng cộng tiền thanh toán					57.260.260.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi bảy tỷ hai trăm sáu mươi triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng./.					
Người mua hàng (Ký, họ tên)			Người bán hàng (Ký, họ tên)		
			Ký bởi: CÔNG TY TNHH THÀNH ĐẠT SSC Ký ngày: 23/8/2025		

Hình 2.18: Biên bản kiểm nghiệm vật tư số 116

Đơn vị: Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình					Mẫu số 03 – VT			
Địa chỉ: Lô C7, Khu công nghiệp Gián Khẩu, Xã Gia Trấn, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam					(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ								
Ngày 23 tháng 08 năm 2025					Số: 116			
Căn cứ: Hoá đơn GTGT số 143 ngày 23 tháng 08 năm 2025 của Công Ty TNHH Thành Đạt SSC								
Ban kiểm nghiệm gồm:								
+ Ông Phạm Trung Trực		Chức vụ: TP kế hoạch vật tư			Trưởng ban			
+ Ông Ngô Gia Lâm		Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật			Ủy viên			
+ Bà Vũ Thị Tình		Chức vụ: Thủ kho			Ủy viên			
Đã kiểm nghiệm các loại:								
STT	Tên vật tư	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
1	Cao lanh	VT02		Tấn	9.650	9.650	0	
2	Chất trợ nghiền	VT03		Phuy	170	170	0	
3	Đá vôi	VT04		Tấn	35.000	35.000	0	
4	Thạch cao	VT05		Tấn	1.300	1.300	0	
Kết quả kiểm nghiệm: Vật tư đúng quy cách, phẩm chất, được nhập kho. Đại diện kỹ thuật <i>(đã ký)</i> Thủ kho <i>(đã ký)</i> Trưởng ban <i>(đã ký)</i>								

Quy trình tương tự với trích dẫn 3.

Hình 2.19: Phiếu nhập kho số 55

Chứng từ mua hàng 55

Mua hàng trong nước nhập kho

Nhập số hợp đồng mua ...

Hướng dẫn sử dụng

Chưa thanh toán

Thanh toán ngay

Ủy nhiệm chi

Nhận kèm hóa đơn

Phiếu nhập

Ủy nhiệm chi

Hóa đơn

Mã nhà cung cấp

NCC16

Tên nhà cung cấp

CÔNG TY TNHH THÀNH ĐẠT SSC

Ngày hạch toán

23/08/2025 21:37:51

Tổng tiền thanh toán

57.260.260.000,0

Người giao hàng

Địa chỉ

685/36/5A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Ngày chứng từ

23/08/2025

Nhân viên mua hàng

Diễn giải

Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH ĐẠT SSC theo hóa đơn số 143

Số phiếu nhập

55

Tham chiếu

...

Hàng tiền

Chi phí

Gợi ý hồ sơ

Chiết khấu

Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Kho	TK Tiền	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT	Nhóm HHĐV mua vào	Chi
1	VT500	Thạch cao	VT02	152	1121	Tấn	1.300,00	6.000.000,00	7.800.000.000,0	8	624.000.000,0	1331	1	
2	VT400	Đá vôi	VT02	152	1121	Tấn	35.000,00	465.000,00	16.275.000.000,0	10	1.627.500.000,0	1331	1	
3	VT300	Chất trợ nghiền	VT03	152	1121	Thùng	170,00	6.600.000,00	1.122.000.000,0	8	89.760.000,0	1331	1	
4	VT200	Cao lanh	VT02	152	1121	Tấn	9.650,00	2.800.000,00	27.020.000.000,0	10	2.702.000.000,0	1331	1	
							46.120,00		52.217.000.000,0		5.043.260.000,0			

Tổng số: 4 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước

1

Sau

Thêm dòng

Thêm ghi chú

Xóa hết dòng

Mã tra cứu HĐĐT

Đường dẫn tra cứu HĐĐT

Tổng tiền hàng

Thuế GTGT

52.217.000.000,0

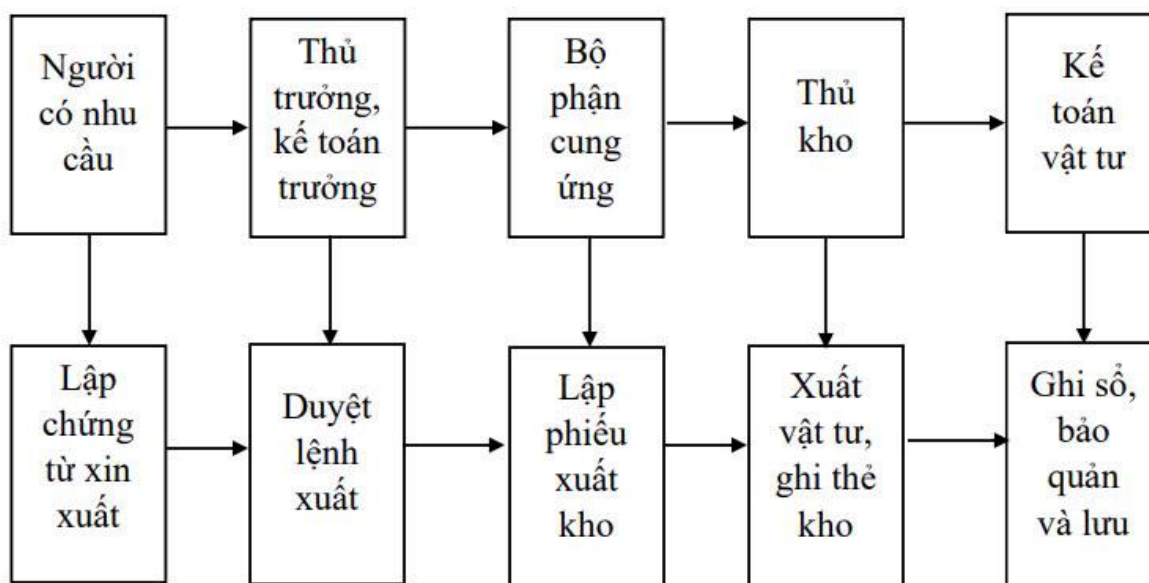
5.043.260.000,0

❖ *Xuất kho NVL*

Chứng từ sử dụng trong kế toán giảm NVL tại công ty bao gồm:

- Giấy đề nghị xuất vật tư.
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT).

Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ xuất kho



(Nguồn: Phòng Kế toán)

Tại công ty, khi có nhu cầu về vật liệu, bộ phận sử dụng lập giấy đề nghị xuất vật tư. Giấy đề nghị xuất vật tư được lập trên cơ sở kế hoạch SXKD và nhu cầu sản xuất của từng bộ phận. Nếu giấy đề nghị này được kế toán trưởng hoặc giám đốc ký duyệt thì sẽ trở thành một chứng từ mệnh lệnh để lập phiếu xuất kho.

Dựa trên giấy đề nghị xuất vật tư đã được duyệt, bộ phận cung ứng lập phiếu xuất kho và ghi số lượng yêu cầu. Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho xuất vật tư và ghi số lượng thực xuất vào phiếu.

Trích dẫn 4: Ngày 20/08/2025, tại phân xưởng 1 phát sinh nhu cầu phục vụ cho sản xuất đơn hàng EX3756.

Trưởng phân xưởng 1 lập giấy đề nghị xuất vật tư theo mẫu sau:

Hình 2.20: Giấy đề nghị xuất vật tư

Đơn vị: Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình			
Địa chỉ: Lô C7, Khu công nghiệp Gián Khẩu, Xã Gia Trán, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình			
GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ			
Kính gửi: Phòng kế hoạch vật tư			
Tên tôi là: Nguyễn Thị Hà – tổ trưởng phân xưởng 1			
Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhu cầu hiện nay của bộ phận, đề nghị công ty cấp cho phân xưởng 1 những loại vật liệu sau:			
STT	Tên Vật Tư	Đơn vị tính	Số lượng
1	Clinker	Tấn	57.000
Đề nghị công ty cấp cho bộ phận chúng tôi đầy đủ và kịp thời để việc sản xuất được tiến hành đúng với kế hoạch đề ra			
		Ngày 20 tháng 08 năm 2025	
Người đề nghị (đã ký)		Giám đốc (đã ký)	

Vào phân hệ “Kho”, chọn chức năng Xuất kho, sau đó nhấn Thêm để tạo phiếu mới. Trên giao diện phiếu xuất kho, chọn loại phiếu “ Sản xuất “ và điền các thông tin cần thiết như ngày, tháng, khách hàng, tên hàng, số lượng.

Hình 2.21: Giao diện phiếu xuất kho qua phần mềm Kế toán MISA



Hình 2.22: Phiếu xuất kho 49

Phiếu xuất kho 49

2. Sản xuất

Nhập lệnh sản xuất

Hướng dẫn sử dụng

Mã người nhận

+

▼

Tên người nhận

Ngày hạch toán

20/08/2025 20:29:40

📅

Tổng tiền

31.272.267.150,0

Bộ phận

Lý do xuất

Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3756

🔍

Ngày chứng từ

20/08/2025

📅

Kèm theo

Số lượng

chứng từ gốc

Tham chiếu

...

Số chứng từ

49

Hàng tiền

Gợi ý hồ sơ

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá ?	Thành tiền ?	Lệnh sản xuất	Thành phẩm	SL thà
1	VT100	Clinker	VT01	621	152	Tấn	45.000,00	694.939,27	31.272.267.150,0			
							45.000,00		31.272.267.150,0			

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước **1** Sau

Thêm dòng

Thêm ghi chú

Xóa hết dòng

Trích dẫn 5: Ngày 25/08/2025, tại phân xưởng 2 có nhu cầu sử dụng vật liệu để phục vụ nhu cầu sản xuất đơn hàng EX3805

Quy trình xuất kho tương tự trích dẫn

Hình 2.23: Giấy đề nghị xuất vật tư

Đơn vị: Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình			
Địa chỉ: Lô C7, Khu công nghiệp Gián Khẩu, Xã Gia Trăn, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình			
GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ			
Kính gửi: Phòng kế hoạch vật tư			
Tên tôi là: Vũ Thị Thắm – tổ trưởng phân xưởng 2			
Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhu cầu hiện nay của bộ phận, đề nghị công ty cấp cho phân xưởng 2 những loại vật liệu sau:			
STT	Tên Vật Tư	Đơn vị tính	Số lượng
1	Cao lanh	Tấn	300
2	Chất trợ nghiền	Phuy	70
3	Thạch cao	Tấn	1200
Ngày 25 tháng 08 năm 2025			
Người đề nghị (đã ký)		Giám đốc (đã ký)	

Quy trình tương tự trích dẫn 4.

Hình 2.24: Phiếu xuất kho 52

⌚

Phiếu xuất kho 52

2. Sản xuất

⚙️

Nhập lệnh sản xuất

🔍

▼

🔗

Hướng dẫn sử dụng

⚙️

✕

Mã người nhận

+ ▼

Tên người nhận

Ngày hạch toán

25/08/2025 20:35:00

📅

Tổng tiền

58.986.733.110,4

Bộ phận

Lý do xuất

Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3805

🔗

Ngày chứng từ

25/08/2025

📅

Kèm theo

Số lượng

chứng từ gốc

Tham chiếu

...

Số chứng từ

52

Hàng tiền

🗣️

Gợi ý hồ sơ

Tổng số: 3 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

▼

Trước

1

Sau

Thêm dòng

Thêm ghi chú

Xóa hết dòng

Trích dẫn 6: Ngày 25/08/2025, tại phân xưởng có nhu cầu xuất kho vật liệu để phục vụ đơn hàng số EX3941.

Hình 2.25: Giấy đề nghị xuất vật tư

Đơn vị: Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình			
Địa chỉ: Lô C7, Khu công nghiệp Gián Khẩu, Xã Gia Trán, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình			
GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ			
Kính gửi: Phòng kế hoạch vật tư			
Tên tôi là: Hoàng Thị Mến – tổ trưởng phân xưởng 2			
Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhu cầu hiện nay của bộ phận, đề nghị công ty cấp cho phân xưởng 2 những loại vật liệu sau:			
STT	Tên Vật Tư	Đơn vị tính	Số lượng
1	Đá vôi	Tấn	89.000
Đề nghị công ty cấp cho bộ phận chúng tôi đầy đủ và kịp thời để việc sản xuất được tiến hành đúng với kế hoạch đề ra.			
Người đề nghị (đã ký)		Giám đốc (đã ký)	
Ngày 25 tháng 08 năm 2025			

Quy trình tương tự trích dẫn 4

Vào phân hệ “Kho”, chọn chức năng Xuất kho, sau đó nhấn Thêm để tạo phiếu mới. Trên giao diện phiếu xuất kho, chọn loại phiếu “ Sản xuất “ và điền các thông tin cần thiết như ngày, tháng, khách hàng, tên hàng, số lượng.

Hình 2.26: Phiếu xuất kho 57

🕒

Phiếu xuất kho 57

2. Sản xuất

⌵

⚙️

Nhập lệnh sản xuất

🔍

⌵

Hướng dẫn sử dụng

⌵

⚙️

✕

Mã người nhận

+

⌵

Tên người nhận

Ngày hạch toán

25/08/2025 21:45:33

📅

Tổng tiền

38.392.885.860,0

Bộ phận

Lý do xuất

xuất kho vật liệu để phục vụ đơn hàng số EX3941

🔄

Ngày chứng từ

25/08/2025

📅

Kèm theo

Số lượng

chứng từ gốc

Tham chiếu

...

Số chứng từ

57

Hàng tiền

🗨️ Gợi ý hồ sơ

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá ?	Thành tiền ?	Lệnh sản xuất	Thành phẩm	SL thà
1	VT400	Đá vôi	VT02	621	152	Tấn	89.000,00	431.380,74	38.392.885.860,0			🗑️
							89.000,00		38.392.885.860,0			

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

⌵

Trước

1

Sau

Thêm dòng

Thêm ghi chú

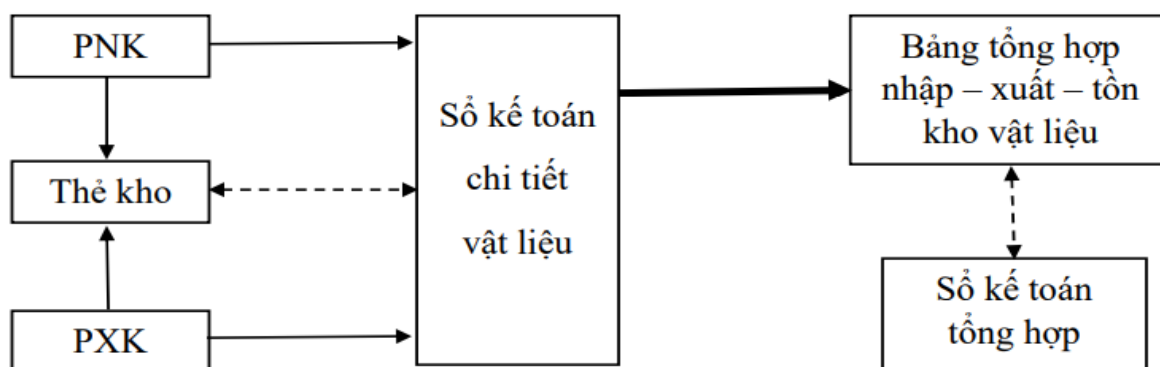
Xóa hết dòng

2.2.3.2. Chứng từ và sổ sách kế toán chi tiết sử dụng

Để đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của từng loại NVL, DN đã áp dụng phương pháp hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song.

Phương pháp này giúp kế toán dễ dàng thực hiện các công việc kiểm tra, đối chiếu từ đó dễ dàng phát hiện các sai sót trong quá trình ghi chép, hạch toán, nhập dữ liệu. Bên cạnh đó, phương pháp này còn giúp giám sát chặt chẽ tình hình nhập – xuất – tồn kho vật liệu cả về số lượng và giá trị. Với phương pháp này, kế toán hạch toán chi tiết trên cơ sở PNK, PXK,... Trình tự hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.6: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

Ghi cuối tháng: —————→

Đối chiếu: <----->

❖ Tại kho

Hàng ngày, thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất NVL ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho có liên quan. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho với số tồn vật liệu thực tế còn ở kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho về phòng kế toán.

Theo các nghiệp vụ nhập kho và xuất kho mục 2.2.3.1, căn cứ vào PNK, P XK, thủ kho ghi thẻ kho. Thẻ kho được mở chi tiết cho từng loại NVL để thuận tiện cho việc ghi chép, kiểm tra và đối chiếu với kế toán.

Hình 2.27: Thẻ kho số 05

Tên hàng	Ngày ghi sổ kho	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Số lượng nhập	Số lượng xuất	Số lượng tồn
Mã hàng: VT100 (11)						193.230,00	212.800,00	430,00
Clinker				Số tồn đầu kỳ	Tấn			20.000,00
Clinker	02/08/2025	02/08/2025	42	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG LAM theo hóa đơn số 130	Tấn	46.000,00		66.000,00
Clinker	03/08/2025	03/08/2025	45	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3595	Tấn		52.250,00	13.750,00
Clinker	10/08/2025	10/08/2025	50	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HƯỚNG DƯƠNG theo hóa đơn số 138	Tấn	29.950,00		43.700,00
Clinker	11/08/2025	11/08/2025	47	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3615	Tấn		41.100,00	2.600,00
Clinker	19/08/2025	19/08/2025	56	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG LAM theo hóa đơn số 144	Tấn	43.980,00		46.580,00
Clinker	20/08/2025	20/08/2025	49	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3756	Tấn		45.000,00	1.580,00
Clinker	22/08/2025	22/08/2025	65	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HƯỚNG DƯƠNG theo hóa đơn số 153	Tấn	41.800,00		43.380,00
Clinker	23/08/2025	23/08/2025	60	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG LAM theo hóa đơn số 148	Tấn	31.500,00		74.880,00
Clinker	28/08/2025	28/08/2025	53	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3924	Tấn		32.700,00	42.180,00
Clinker	30/08/2025	30/08/2025	55	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng FX3978	Tấn		41.750,00	430,00
Tổng cộng						193.230,00	212.800,00	430,00

Hình 2.28: Thẻ kho số 06

Tên hàng	Ngày ghi sổ kho	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Số lượng nhập	Số lượng xuất	Số lượng tồn
Mã hàng: VT200 (11)						53.350,00	38.860,00	19.490,00
Cao lanh				Số tồn đầu kỳ	Tấn			5.000,00
Cao lanh	02/08/2025	02/08/2025	43	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LONG TRỌNG theo hóa đơn số 131	Tấn	7.200,00		12.200,00
Cao lanh	07/08/2025	07/08/2025	47	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG theo hóa đơn số 135	Tấn	8.900,00		21.100,00
Cao lanh	13/08/2025	13/08/2025	48	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX33615	Tấn		11.760,00	9.340,00
Cao lanh	21/08/2025	21/08/2025	57	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LONG TRỌNG theo hóa đơn số 145	Tấn	11.400,00		20.740,00
Cao lanh	23/08/2025	23/08/2025	50	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3756	Tấn		7.200,00	13.540,00
Cao lanh	23/08/2025	23/08/2025	55	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH ĐẠT SSC theo hóa đơn số 143	Tấn	9.650,00		23.190,00
Cao lanh	23/08/2025	23/08/2025	62	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LONG TRỌNG theo hóa đơn số 150	Tấn	6.700,00		29.890,00
Cao lanh	25/08/2025	25/08/2025	52	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3805	Tấn		9.600,00	20.290,00
Cao lanh	28/08/2025	28/08/2025	68	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG theo hóa đơn số 154	Tấn	9.500,00		29.790,00
Cao lanh	28/08/2025	28/08/2025	54	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3924	Tấn		10.300,00	19.490,00
Tổng cộng						53.350,00	38.860,00	19.490,00

Tổng số: 11 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước **1** Sau

Hình 2.29: Thẻ kho số 07

Tên hàng	Ngày ghi sổ kho	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Số lượng nhập	Số lượng xuất	Số lượng tồn
Mã hàng: VT300 (8)						655,00	396,00	409,00
Chất trợ nghiền				Số tồn đầu kỳ	Thùng			150,00
Chất trợ nghiền	07/08/2025	07/08/2025	48	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LONG TRỌNG theo hóa đơn số 136	Thùng	100,00		250,00
Chất trợ nghiền	13/08/2025	13/08/2025	48	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX33615	Thùng		147,00	103,00
Chất trợ nghiền	22/08/2025	22/08/2025	59	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH ĐẠT SSC theo hóa đơn số 147	Thùng	195,00		298,00
Chất trợ nghiền	23/08/2025	23/08/2025	55	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH ĐẠT SSC theo hóa đơn số 143	Thùng	170,00		468,00
Chất trợ nghiền	25/08/2025	25/08/2025	52	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3805	Thùng		120,00	348,00
Chất trợ nghiền	28/08/2025	28/08/2025	54	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3924	Thùng		129,00	219,00
Chất trợ nghiền	29/08/2025	29/08/2025	69	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH ĐẠT SSC theo hóa đơn số 155	Thùng	190,00		409,00
Tổng cộng						655,00	396,00	409,00

Hình 2.30: Thẻ kho số 08

Tên hàng	Ngày ghi sổ kho	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Số lượng nhập	Số lượng xuất	Số lượng tồn
Mã hàng: VT400 (11)						403.000,00	455.000,00	2.000,00
Đá vôi				Số tồn đầu kỳ	Tấn			54.000,00
Đá vôi	03/08/2025	03/08/2025	44	Mua hàng của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XI MĂNG VICEM TAM ĐIẾP theo hóa đơn số 132	Tấn	42.000,00		96.000,00
Đá vôi	09/08/2025	09/08/2025	49	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH ĐẠT SSC theo hóa đơn số 137	Tấn	83.000,00		179.000,00
Đá vôi	13/08/2025	13/08/2025	48	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX33615	Tấn		147.000,00	32.000,00
Đá vôi	22/08/2025	22/08/2025	59	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH ĐẠT SSC theo hóa đơn số 147	Tấn	89.000,00		121.000,00
Đá vôi	23/08/2025	23/08/2025	50	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3756	Tấn		90.000,00	31.000,00
Đá vôi	23/08/2025	23/08/2025	55	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH ĐẠT SSC theo hóa đơn số 143	Tấn	35.000,00		66.000,00
Đá vôi	23/08/2025	23/08/2025	61	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG theo hóa đơn số 149	Tấn	76.000,00		142.000,00
Đá vôi	25/08/2025	25/08/2025	57	xuất kho vật liệu để phục vụ đơn hàng số EX3941	Tấn		89.000,00	53.000,00
Đá vôi	26/08/2025	26/08/2025	63	Mua hàng của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XI MĂNG VICEM TAM ĐIẾP theo hóa đơn số 151	Tấn	78.000,00		131.000,00
Đá vôi	28/08/2025	28/08/2025	54	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3924	Tấn		129.000,00	2.000,00
Tổng cộng						403.000,00	455.000,00	2.000,00

Tổng số: 11 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang

Trước **1** Sau

Hình 2.31: Thẻ kho số 09

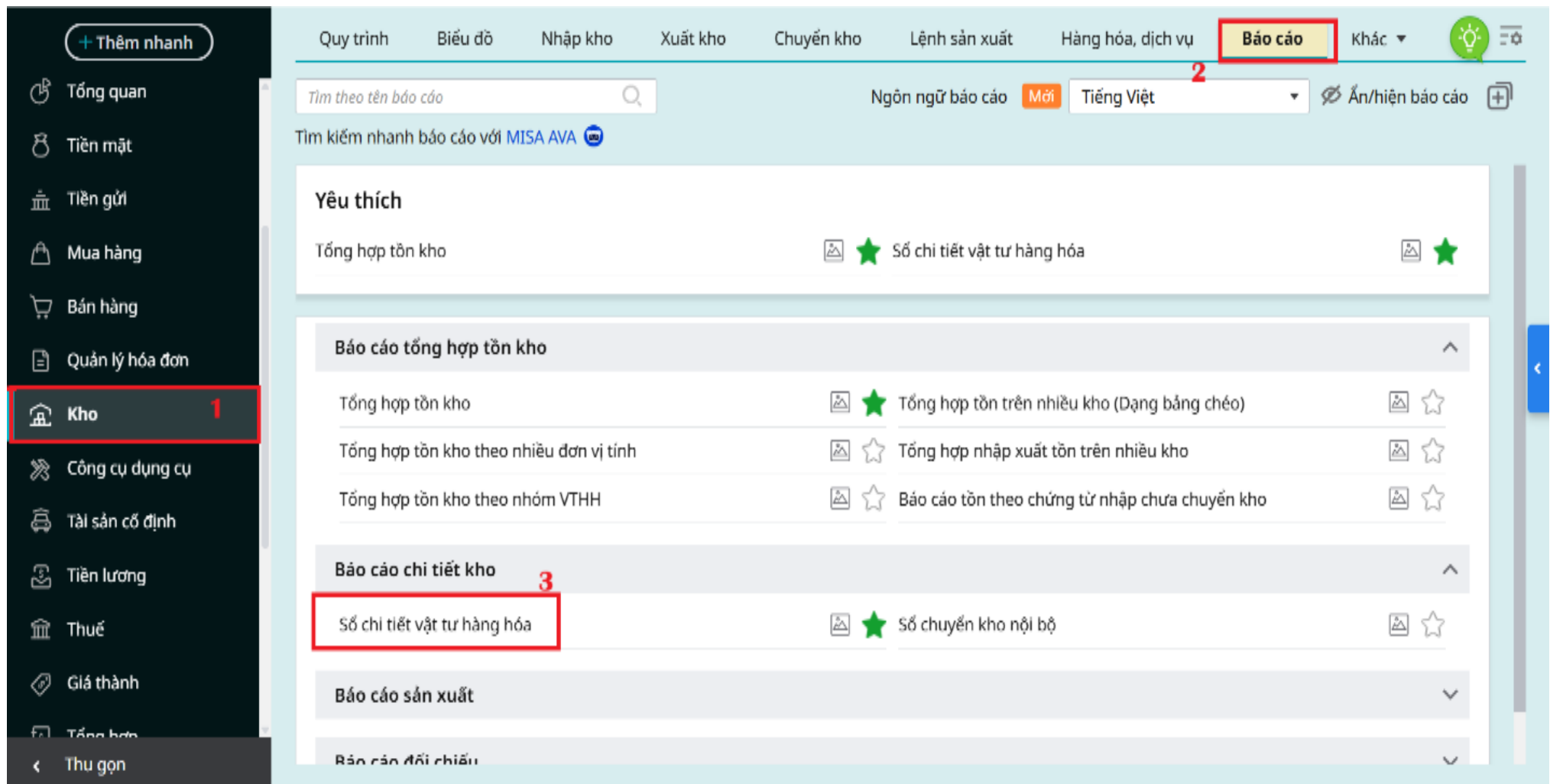
Tên hàng	Ngày ghi sổ kho	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Số lượng nhập	Số lượng xuất	Số lượng tồn
▼ Mã hàng: VT500 (10)						11.600,00	14.200,00	400,00
Thạch cao				Số tồn đầu kỳ	Tấn			3.000,00
Thạch cao	07/08/2025	07/08/2025	47	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG theo hóa đơn số 135	Tấn	4.300,00		7.300,00
Thạch cao	09/08/2025	09/08/2025	49	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH ĐẠT SSC theo hóa đơn số 137	Tấn	2.400,00		9.700,00
Thạch cao	13/08/2025	13/08/2025	48	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX33615	Tấn		2.900,00	6.800,00
Thạch cao	23/08/2025	23/08/2025	50	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3756	Tấn		3.000,00	3.800,00
Thạch cao	23/08/2025	23/08/2025	55	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH ĐẠT SSC theo hóa đơn số 143	Tấn	1.300,00		5.100,00
Thạch cao	23/08/2025	23/08/2025	61	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG theo hóa đơn số 149	Tấn	2.400,00		7.500,00
Thạch cao	25/08/2025	25/08/2025	52	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3805	Tấn		4.000,00	3.500,00
Thạch cao	27/08/2025	27/08/2025	66	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LONG TRỌNG theo hóa đơn số 152	Tấn	1.200,00		4.700,00
Thạch cao	28/08/2025	28/08/2025	54	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3924	Tấn		4.300,00	400,00
Tổng cộng						11.600,00	14.200,00	400,00

❖ **Tại phòng kế toán**

Hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho của thủ kho gửi đến, kế toán vật tư phải kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ và hợp pháp của từng chứng từ. Căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất trên, kế toán tiến hành vào sổ kế toán chi tiết cho từng danh điểm NVL tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị. Cuối tháng, kế toán cộng sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và tổng số tồn của từng loại vật liệu rồi đối chiếu với thẻ kho, lập báo cáo tổng hợp nhập - xuất - tồn kho về giá trị để đối chiếu với bộ phận kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Phần mềm sẽ tự động xử lý dữ liệu và tạo lập các báo cáo bán hàng. Người dùng thao tác theo quy trình: truy cập phân hệ kho → chọn mục Báo cáo → thiết lập tham số báo cáo → chọn kỳ báo cáo và mã hàng hóa tương ứng để hệ thống hiển thị thông tin cần thiết.

Hình 2.32: Giao diện xuất sổ chi tiết vật liệu trên phần mềm Kế toán Misa.



Hình 2.33: Sổ chi tiết vật liệu Clinker

Tên hàng	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
							Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
kho: VT01 (1)							193.230,00	134.781.900.000,0	212.800,00	147.883.076.656,0	430,00	298.823.344,0
Mã hàng: VT100 (11)							193.230,00	134.781.900.000,0	212.800,00	147.883.076.656,0	430,00	298.823.344,0
Clinker	30/08/2025	30/08/2025	55	Xuất kho sản xuất sản xuấ...	Tấn	694.939,27			41.750,00	29.013.714.522,5	430,00	298.823.344,0
Clinker	28/08/2025	28/08/2025	53	Xuất kho sản xuất sản xuấ...	Tấn	694.939,27			32.700,00	22.724.514.129,0	42.180,00	29.312.537.866,5
Clinker	23/08/2025	23/08/2025	60	Mua hàng của CÔNG TY CỔ...	Tấn	702.000,00	31.500,00	22.113.000.000,0			74.880,00	52.037.051.995,5
Clinker	22/08/2025	22/08/2025	65	Mua hàng của CÔNG TY CỔ...	Tấn	710.000,00	41.800,00	29.678.000.000,0			43.380,00	29.924.051.995,5
Clinker	20/08/2025	20/08/2025	49	Xuất kho sản xuất sản xuấ...	Tấn	694.939,27			45.000,00	31.272.267.150,0	1.580,00	246.051.995,5
Clinker	19/08/2025	19/08/2025	56	Mua hàng của CÔNG TY CỔ...	Tấn	680.682,13	43.980,00	29.936.400.000,0			46.580,00	31.518.319.145,5
Clinker	11/08/2025	11/08/2025	47	Xuất kho sản xuất sản xuấ...	Tấn	694.939,27			41.100,00	28.562.003.997,0	2.600,00	1.581.919.145,5
Clinker	10/08/2025	10/08/2025	50	Mua hàng của CÔNG TY CỔ...	Tấn	710.667,78	29.950,00	21.284.500.000,0			43.700,00	30.143.923.142,5
Clinker	03/08/2025	03/08/2025	45	Xuất kho sản xuất sản xuấ...	Tấn	694.939,27			52.250,00	36.310.576.857,5	13.750,00	8.859.423.142,5
Clinker	02/08/2025	02/08/2025	42	Mua hàng của CÔNG TY CỔ...	Tấn	690.652,17	46.000,00	31.770.000.000,0			66.000,00	45.170.000.000,0
Clinker				Số dư đầu kỳ	Tấn	670.000,00					20.000,00	13.400.000.000,0
							193.230,00	134.781.900.000,0	212.800,00	147.883.076.656,0	430,00	298.823.344,0

Hình 2.34: Sổ chi tiết vật liệu cao lanh

Tên hàng	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
							Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
▼ Mã kho: VT02 (1)							53.350,00	177.426.000.000,0	38.860,00	129.817.041.126,0	19.490,00	65.108.958.874,0
▼ Mã hàng: VT200 (11)							53.350,00	177.426.000.000,0	38.860,00	129.817.041.126,0	19.490,00	65.108.958.874,0
Cao lanh	28/08/2025	28/08/2025	68	Mua hàng của CÔNG TY CỔ...	Tấn	3.870.000,00	9.500,00	36.765.000.000,0			29.790,00	99.517.490.104,0
Cao lanh	28/08/2025	28/08/2025	54	Xuất kho sản xuất sản xuất...	Tấn	3.340.634,10			10.300,00	34.408.531.230,0	19.490,00	65.108.958.874,0
Cao lanh	25/08/2025	25/08/2025	52	Xuất kho sản xuất sản xuất...	Tấn	3.340.634,10			9.600,00	32.070.087.360,0	20.290,00	62.752.490.104,0
Cao lanh	23/08/2025	23/08/2025	50	Xuất kho sản xuất sản xuất...	Tấn	3.340.634,10			7.200,00	24.052.565.520,0	13.540,00	42.476.577.464,0
Cao lanh	23/08/2025	23/08/2025	55	Mua hàng của CÔNG TY TNHH...	Tấn	2.800.000,00	9.650,00	27.020.000.000,0			23.190,00	69.496.577.464,0
Cao lanh	23/08/2025	23/08/2025	62	Mua hàng của CÔNG TY TRẮC...	Tấn	3.780.000,00	6.700,00	25.326.000.000,0			29.890,00	94.822.577.464,0
Cao lanh	21/08/2025	21/08/2025	57	Mua hàng của CÔNG TY TRẮC...	Tấn	2.750.000,00	11.400,00	31.350.000.000,0			20.740,00	66.529.142.984,0
Cao lanh	13/08/2025	13/08/2025	48	Xuất kho sản xuất sản xuất...	Tấn	3.340.634,10			11.760,00	39.285.857.016,0	9.340,00	35.179.142.984,0
Cao lanh	07/08/2025	07/08/2025	47	Mua hàng của CÔNG TY CỔ...	Tấn	3.650.000,00	8.900,00	32.485.000.000,0			21.100,00	74.465.000.000,0
Cao lanh	02/08/2025	02/08/2025	43	Mua hàng của CÔNG TY TRẮC...	Tấn	3.400.000,00	7.200,00	24.480.000.000,0			12.200,00	41.980.000.000,0
Cao lanh				Số dư đầu kỳ	Tấn	3.500.000,00					5.000,00	17.500.000.000,0
							53.350,00	177.426.000.000,0	38.860,00	129.817.041.126,0	19.490,00	65.108.958.874,0

Hình 2.35: Sổ chi tiết vật liệu chất trợ nghiền

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
						Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
▼ Mã kho: VT03 (1)						655,00	4.321.500.000,0	396,00	2.622.602.236,3	409,00	2.708.697.763,7
▼ Mã hàng: VT300 (8)						655,00	4.321.500.000,0	396,00	2.622.602.236,3	409,00	2.708.697.763,7
29/08/2025	29/08/2025	69	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH ĐẠT SSC theo hóa đơn số 155	Thùng	6.600.000,00	190,00	1.254.000.000,0			409,00	2.708.697.763,7
28/08/2025	28/08/2025	54	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3924	Thùng	6.622.732,92			129,00	854.332.546,7	219,00	1.454.697.763,7
25/08/2025	25/08/2025	52	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3805	Thùng	6.622.732,92			120,00	794.727.950,4	348,00	2.309.030.310,4
23/08/2025	23/08/2025	55	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH ĐẠT SSC theo hóa đơn số 143	Thùng	6.600.000,00	170,00	1.122.000.000,0			468,00	3.103.758.260,8
22/08/2025	22/08/2025	59	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH ĐẠT SSC theo hóa đơn số 147	Thùng	6.500.000,00	195,00	1.267.500.000,0			298,00	1.981.758.260,8
13/08/2025	13/08/2025	48	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX33615	Thùng	6.622.732,92			147,00	973.541.739,2	103,00	714.258.260,8
07/08/2025	07/08/2025	48	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LONG TRỌNG the...	Thùng	6.780.000,00	100,00	678.000.000,0			250,00	1.687.800.000,0
			Số dư đầu kỳ	Thùng	6.732.000,00					150,00	1.009.800.000,0
						655,00	4.321.500.000,0	396,00	2.622.602.236,3	409,00	2.708.697.763,7

Tổng số: 8 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang ▼

Trước **1** Sau

Hình 2.36: Sổ chi tiết vật liệu đá vôi

Tên hàng	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
							Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mã kho: VT02 (1)							403.000,00	172.841.000.000,0	455.000,00	196.278.236.700,0	2.000,00	862.763.300,0
Mã hàng: VT400 (11)							403.000,00	172.841.000.000,0	455.000,00	196.278.236.700,0	2.000,00	862.763.300,0
Đá vôi	28/08/2025	28/08/2025	54	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ...	Tấn	431.380,74			129.000,00	55.648.115.460,0	2.000,00	862.763.300,0
Đá vôi	26/08/2025	26/08/2025	63	Mua hàng của CÔNG TY TNHH MỘT...	Tấn	431.000,00	78.000,00	33.618.000.000,0			131.000,00	56.510.878.760,0
Đá vôi	25/08/2025	25/08/2025	57	xuất kho vật liệu để phục vụ đơn hàng ...	Tấn	431.380,74			89.000,00	38.392.885.860,0	53.000,00	22.892.878.760,0
Đá vôi	23/08/2025	23/08/2025	50	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ...	Tấn	431.380,74			90.000,00	38.824.266.600,0	31.000,00	12.406.764.620,0
Đá vôi	23/08/2025	23/08/2025	55	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH...	Tấn	465.000,00	35.000,00	16.275.000.000,0			66.000,00	28.681.764.620,0
Đá vôi	23/08/2025	23/08/2025	61	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM...	Tấn	429.000,00	76.000,00	32.604.000.000,0			142.000,00	61.285.764.620,0
Đá vôi	22/08/2025	22/08/2025	59	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH...	Tấn	410.000,00	89.000,00	36.490.000.000,0			121.000,00	51.231.031.220,0
Đá vôi	13/08/2025	13/08/2025	48	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ...	Tấn	431.380,74			147.000,00	63.412.968.780,0	32.000,00	14.741.031.220,0
Đá vôi	09/08/2025	09/08/2025	49	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH...	Tấn	410.000,00	83.000,00	34.030.000.000,0			179.000,00	78.154.000.000,0
Đá vôi	03/08/2025	03/08/2025	44	Mua hàng của CÔNG TY TNHH MỘT...	Tấn	472.000,00	42.000,00	19.824.000.000,0			96.000,00	44.124.000.000,0
Đá vôi				Số dư đầu kỳ	Tấn	450.000,00					54.000,00	24.300.000.000,0
							403.000,00	172.841.000.000,0	455.000,00	196.278.236.700,0	2.000,00	862.763.300,0

Hình 2.37: Sổ chi tiết vật liệu thạch cao

Tên hàng	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
							Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mã kho: VT02 (1)							11.600,00	66.970.000.000,0	14.200,00	92.732.808.190,0	400,00	2.612.191.810,0
▼ Mã hàng: VT500 (10)							11.600,00	66.970.000.000,0	14.200,00	92.732.808.190,0	400,00	2.612.191.810,0
Thạch cao	28/08/2025	28/08/2025	54	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn...	Tấn	6.530.479,45			4.300,00	28.081.061.635,0	400,00	2.612.191.810,0
Thạch cao	27/08/2025	27/08/2025	66	Mua hàng của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM...	Tấn	6.000.000,00	1.200,00	7.200.000.000,0			4.700,00	30.693.253.445,0
Thạch cao	25/08/2025	25/08/2025	52	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn...	Tấn	6.530.479,45			4.000,00	26.121.917.800,0	3.500,00	23.493.253.445,0
Thạch cao	23/08/2025	23/08/2025	50	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn...	Tấn	6.530.479,45			3.000,00	19.591.438.350,0	3.800,00	27.895.171.245,0
Thạch cao	23/08/2025	23/08/2025	55	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH ĐẠ...	Tấn	6.000.000,00	1.300,00	7.800.000.000,0			5.100,00	35.695.171.245,0
Thạch cao	23/08/2025	23/08/2025	61	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM...	Tấn	5.800.000,00	2.400,00	13.920.000.000,0			7.500,00	49.615.171.245,0
Thạch cao	13/08/2025	13/08/2025	48	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn...	Tấn	6.530.479,45			2.900,00	18.938.390.405,0	6.800,00	47.486.609.595,0
Thạch cao	09/08/2025	09/08/2025	49	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÀNH ĐẠ...	Tấn	6.000.000,00	2.400,00	14.400.000.000,0			9.700,00	66.425.000.000,0
Thạch cao	07/08/2025	07/08/2025	47	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM...	Tấn	5.500.000,00	4.300,00	23.650.000.000,0			7.300,00	52.025.000.000,0
Thạch cao				Số dư đầu kỳ	Tấn	9.458.333,33					3.000,00	28.375.000.000,0
							11.600,00	66.970.000.000,0	14.200,00	92.732.808.190,0	400,00	2.612.191.810,0

Vào phân hệ “ kho”, vào “ báo cáo” chọn Tổng hợp xuất nhập tồn nhiều kho, chọn tham số mã kho, kỳ báo cáo, nhóm vật tư hàng hoá ngày bắt đầu đến ngày kết thúc của kỳ báo cáo.

Hình 2.38: Trích bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kho vật liệu

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Đầu kỳ		Nhập kho		Xuất kho		Cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
VT100	Clinker	Tấn	20.000	13.400.000.000	234.230	162.525.047.500	212.800	147.883.076.656	41.430	28.041.970.844
VT200	Cao lanh	Tấn	5.000	17.500.000.000	53.350	177.426.000.000	38.860	129.817.041.126	19.490	65.108.958.874
VT300	Chất trợ nghiền	Thùng	150	1.009.800.000	655	4.321.500.000	396	2.622.602.236	409	2.708.697.764
VT400	Đá vôi	Tấn	54.000	24.300.000.000	403.000	172.841.000.000	455.000	196.278.236.700	2.000	862.763.300
VT500	Thạch cao	Tấn	3.000	28.375.000.000	11.600	66.970.000.000	14.200	92.732.808.190	400	2.612.191.810
.....										
Tổng cộng			345.660	349.845.800.000	835.000	749.505.470.500	945.256	933.376.490.800	235.404	165.974.779.700

2.2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

*** Tài khoản sử dụng**

Hiện nay, Công Công ty cổ phần Vissai Ninh Bình đang áp dụng chế độ kế toán theo thông tư số 200/2014TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. NVL nhập kho tại công ty chủ yếu là từ mua ngoài do bộ phận cung ứng tiến hành trên cơ sở thỏa thuận mua bán giữa nhà cung cấp và công ty. Hình thức thanh toán có thể là trả tiền trước, trả bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hoặc trả chậm. Do đó, kế toán tổng hợp nhập NVL sử dụng các TK sau:

+ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

+ Ngoài ra, còn sử dụng những tài khoản như: TK 331 – Phải trả người bán, TK 141 – Tạm ứng, TK 111 – Tiền mặt, TK 112 – Tiền gửi ngân hàng,...

Định khoản một số trích dẫn cụ thể:

Trích dẫn 1:

+ Nợ TK 152: 1.090.500.000

Nợ TK 133: 54.525.000

Có TK 331: 1145025000

Trích dẫn 2:

a) Nợ TK 152: 21.264.500.000

Nợ TK 133: 1.063.225.000

Có TK 331: 22.327.725.000

b) Nợ TK 152: 20.000.000

Nợ TK 133: 2.000.000

Có TK 331: 22.000.000

Đối với các nghiệp vụ xuất kho NVL, nguyên vật liệu tại công ty được dùng cho SXSP và quản lý chung tại các bộ phận khác trong công ty. Tùy từng trường hợp và mục đích sử dụng mà kế toán tiến hành hạch toán, phân bổ đúng đối tượng sử dụng. Kế toán tổng hợp xuất NVL thường sử dụng các TK sau:

+ TK 152: Nguyên vật liệu

+ TK 154: Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Định khoản một số trích dẫn cụ thể:

Trích dẫn 4:

Nợ TK 621: 39.636.528.330

Có TK 152: 39.636.528.330

Quy trình ghi sổ

Kế toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu Với mỗi hình thức kế toán khác nhau thì sổ kế toán tổng hợp NVL sử dụng cũng khác nhau. Do Công ty Công ty cổ phần Vissai Ninh Bình áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” nên các nghiệp vụ kế toán liên quan đến nhập vật liệu tại công ty sẽ được kế toán định khoản và vào các sổ sau:

- + Sổ chi tiết tài khoản
- + Bảng Tổng hợp Nhập- Xuất-Tồn
- + Sổ cái

Kế toán vật tư kiểm tra, đối chiếu số liệu từ bảng phân bổ nguyên vật liệu

Xem giá trị phân bổ vật tư trong kì đã hợp lý chưa, nếu đã hợp lý thì thông báo cho kế toán tính giá thành tiến hành tính giá thành cho sản phẩm.

Đầu tiên kế toán sẽ vào sổ nhật kí dùng để ghi chép các nghiệp vụ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phát sinh trong kì kế toán theo trình tự thời gian và quan hệ đối ứng giữa các tài khoản, các nghiệp vụ đó. Số liệu kế toán trên sổ Nhật kí phản ánh tổng số phát sinh bên Nợ và có của tất cả các tài khoản kế toán sử dụng ở doanh nghiệp

Sổ chi tiết thanh toán với người bán được mở để theo dõi chi tiết tình hình thanh toán với các nhà cung cấp, mỗi nhà cung cấp được mở trên một hoặc nhiều trang sổ tùy thuộc vào số lượng nghiệp vụ phát sinh.

Với các hình thức thanh toán khác nhau của mỗi lần nhập vật liệu, tùy theo hình thức thanh toán mà dữ liệu sẽ được phản ánh vào các sổ chi tiết như: sổ chi tiết tiền mặt, sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng, sổ chi tiết tạm ứng,...

- Kế toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu

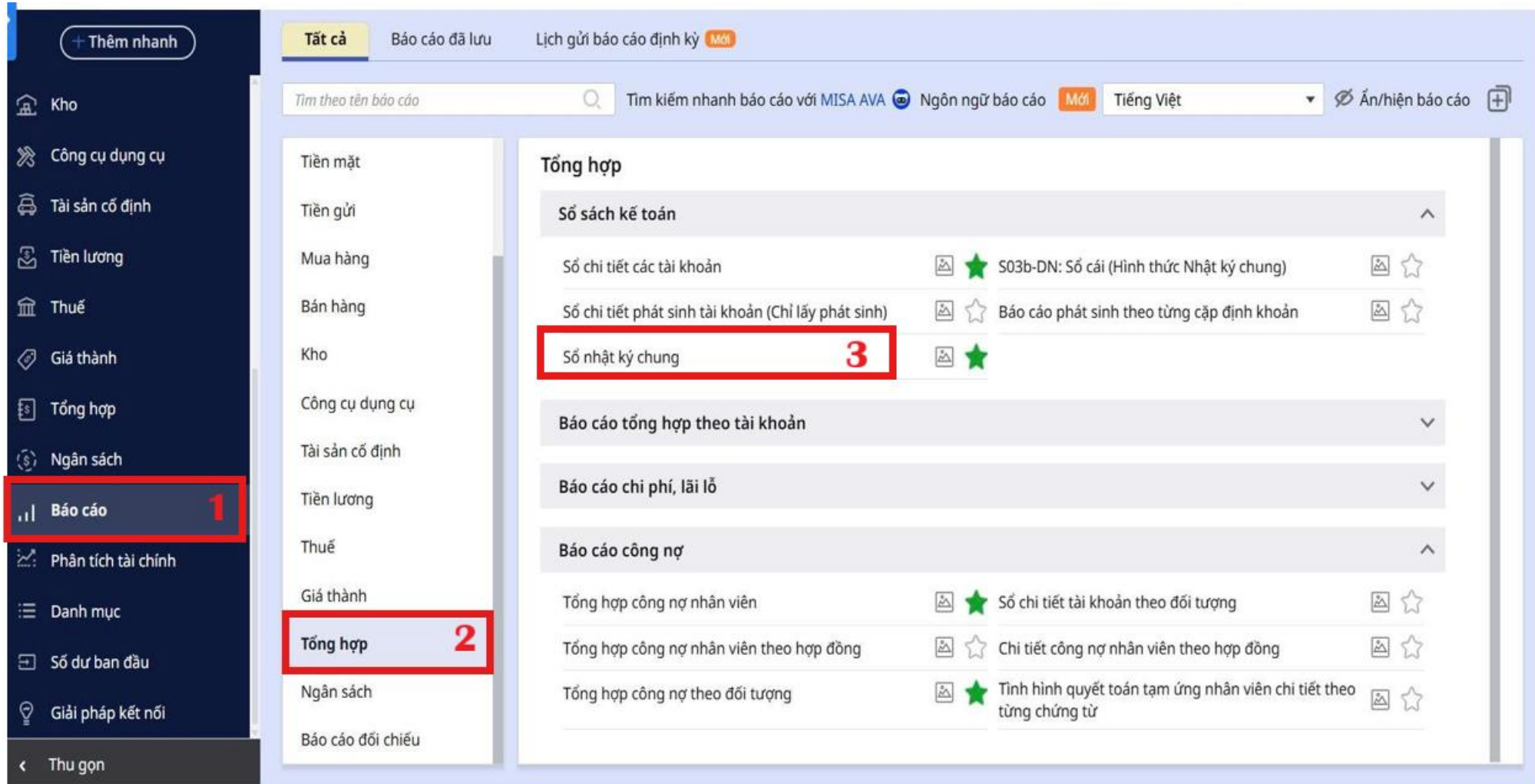
Tại Công ty Công ty cổ phần Vissai Ninh Bình, nghiệp vụ xuất vật liệu diễn ra thường xuyên, NVL xuất kho chủ yếu là để SXSP, phục vụ công tác quản lý tại DN. Việc hạch toán chi phí là rất quan trọng, hơn nữa chi phí NVL tại công ty

chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí. Do đó, kế toán tổng hợp xuất NVL cần phải phản ánh kịp thời, phân bổ chính xác đúng đối tượng sử dụng. Sau khi vào sổ Nhật ký chung, căn cứ vào các nghiệp vụ phát sinh trong tháng, kế toán của công ty sẽ tiến hành lập sổ cái để chép các nghiệp vụ phát sinh.

Quy trình trích xuất Nhật ký chung như sau: Vào phân hệ “Báo cáo”, chọn chức năng Tổng hợp, sau đó nhấn Sổ sách kế toán để hiện các chứng từ. Chọn “Sổ nhật ký chung”

Tương tự như quy trình như trên để trích xuất Sổ cái, sau khi nhấn Sổ sách kế toán thì kế toán chọn Sb03: Sổ cái (Hình thức Nhật ký chung).

Hình 2.39: Giao diện xuất nhật ký chung trên phần mềm Kế toán Misa.



Hình 2.40: Trích Nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

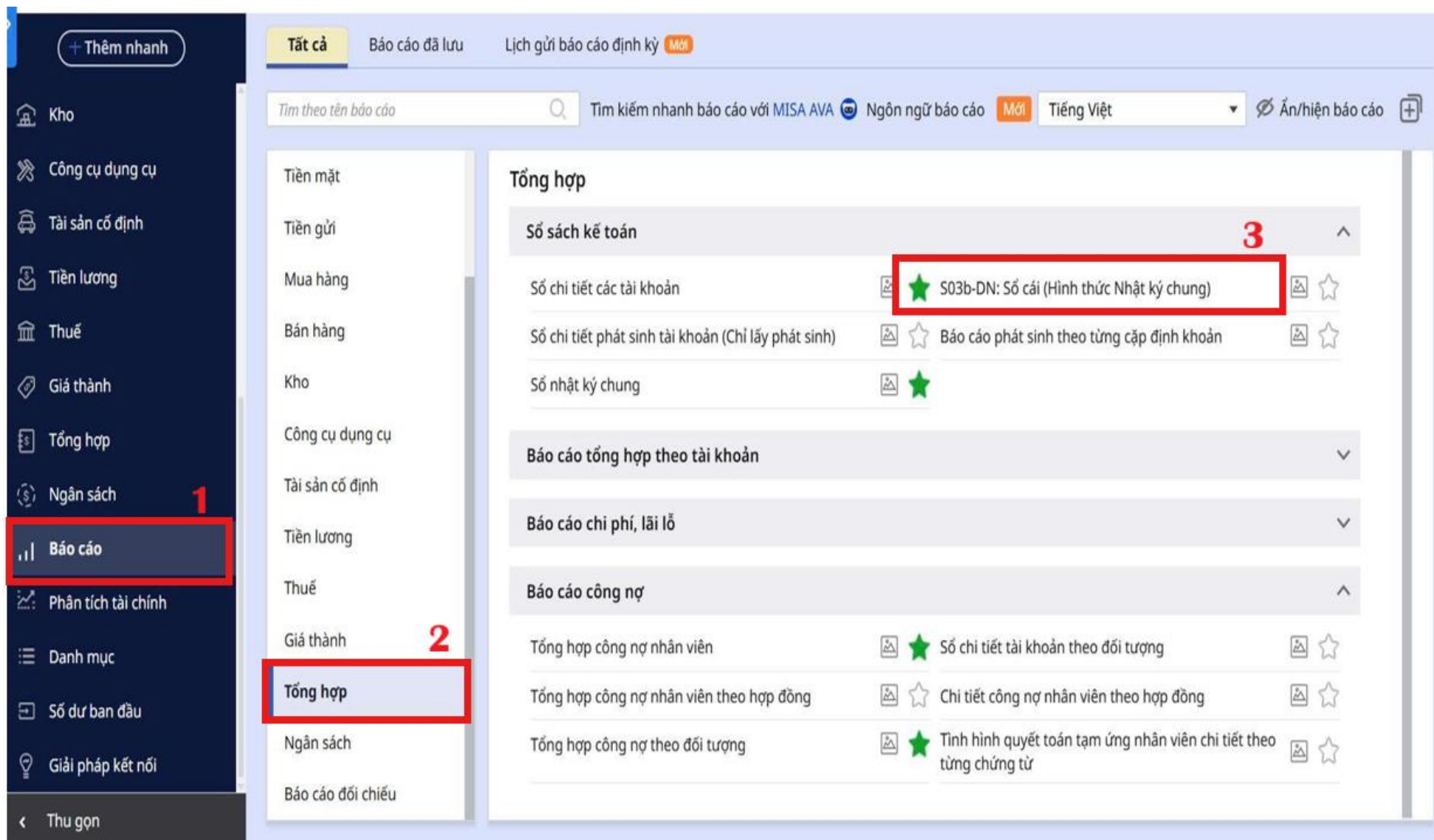
Tháng 8 năm 2025

Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
.....	...					
02/08/2025	42	Mua hàng của Công ty CP Xi măng Sông Lam theo hóa đơn số 130	152	1121	31.740.000.000	
02/08/2025	2	Chi tiền mua hàng của Công ty CP Xi măng Sông Lam theo hóa đơn số 130	1121	152		31.740.000.000
02/08/2025	2	Chi tiền mua hàng của Công ty CP Xi măng Sông Lam theo hóa đơn số 130	1331	1121	1.587.000.000	
02/08/2025	2	Chi tiền mua hàng của Công ty CP Xi măng Sông Lam theo hóa đơn số 130	1121	1331		1.587.000.000
02/08/2025	5	Mua dịch vụ của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Thuận Yến	152	331	30.000.000	
02/08/2025	5	Mua dịch vụ của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Thuận Yến	331	152		30.000.000
02/08/2025	5	Mua dịch vụ của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Thuận Yến	1331	331	3.000.000	
02/08/2025	5	Mua dịch vụ của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Thuận Yến	331	1331		3.000.000
.....	...					
10/08/2025	50	Mua hàng của Công ty CP Xi măng Hướng Dương theo hóa đơn số 8	152	331	20.996.447.500	

10/08/2025	50	Mua hàng của Công ty CP Xi măng Hướng Dương theo hóa đơn số 8	331	152		20.996.447.500
10/08/2025	50	Mua hàng của Công ty CP Xi măng Hướng Dương theo hóa đơn số 8	1331	331	1.049.822.375	
10/08/2025	50	Mua hàng của Công ty CP Xi măng Hướng Dương theo hóa đơn số 8	331	1331		1.049.822.375
10/08/2025	8	Mua dịch vụ của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Thuận Yên	152	331	20.000.000	
10/08/2025	8	Mua dịch vụ của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Thuận Yên	331	152		20.000.000
10/08/2025	8	Mua dịch vụ của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Thuận Yên	1331	331	2.000.000	
10/08/2025	8	Mua dịch vụ của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải Thuận Yên	331	1331		2.000.000
.....	...					
20/08/2025	49	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3756	621	152	31.272.267.150	
20/08/2025	49	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3756	152	621		31.272.267.150
.....	...					
23/08/2025	55	Mua hàng của Công ty TNHH Thành Đạt SSC theo hóa đơn số 143	152	1121	52.217.000.000	
23/08/2025	15	Chi tiền mua hàng của Công ty TNHH Thành Đạt SSC theo hóa đơn số 143	1121	152		52.217.000.000
23/08/2025	15	Chi tiền mua hàng của Công ty TNHH Thành Đạt SSC theo hóa đơn số 143	1331	1121	5.043.260.000	
23/08/2025	15	Chi tiền mua hàng của Công ty TNHH Thành Đạt SSC theo hóa đơn số 143	1121	1331		5.043.260.000

.....	...					
25/08/2025	52	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3805	621	152	58.986.733.110	
25/08/2025	52	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3805	152	621		58.986.733.110
25/08/2025	57	xuất kho vật liệu để phục vụ đơn hàng số EX3941	621	152	38.392.885.860	
25/08/2025	57	xuất kho vật liệu để phục vụ đơn hàng số EX3941	152	621		38.392.885.860
.....	...					
Tổng cộng					51.202.312.784.783	51.202.312.784.783

Hình 2.41: Giao diện xuất sổ cái trên phần mềm Kế toán Misa.



Hình 2.42:Trích Sổ Cái TK 152

Tài khoản:		152 - Nguyên liệu, vật liệu				Đơn vị tính: VND	
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có
A	C	B	D	E	F	1	2
			- Số dư đầu kỳ			349.845.800.000	-
			- Số phát sinh trong kỳ				
.....	...			...	...		
02/08/2025	42	02/08/2025	Mua hàng của Công ty CP Xi măng Sông Lam	152	1121	31.740.000.000	-
02/08/2025	5	02/08/2025	Mua dịch vụ của Công ty CP TM DV vận tải Thuận Yến	152	331	30.000.000	-
.....	...			...	...		
10/08/2025	50	10/08/2025	Mua hàng của Công ty CP Xi măng Hướng Dương	152	331	20.996.447.500	-
10/08/2025	8	10/08/2025	Mua dịch vụ của Công ty CP TM DV vận tải Thuận Yến	152	331	20.000.000	-
.....	...			...	...		
20/08/2025	49	20/08/2025	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3756	152	621	-	31.272.267.150
23/08/2025	55	23/08/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH Thành Đạt SSC	152	1121	52.217.000.000	-
.....	...			...	...		
25/08/2025	52	25/08/2025	Xuất kho sản xuất sản xuất phục vụ đơn hàng EX3805	152	621	-	58.986.733.110
25/08/2025	57	25/08/2025	xuất kho vật liệu để phục vụ đơn hàng số EX3941	152	621	-	38.392.885.860
.....	...			...	...		
			Cộng TK152			749.505.470.500	933.376.490.800
			- Cộng số phát sinh			749.505.470.500	933.376.490.800
			- Số dư cuối kỳ			165.974.779.700	-
			- Cộng lũy kế từ đầu năm			1.099.351.270.500	933.376.490.800

Chương 3 –MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VISSAI NINH BÌNH

3.1.ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VISSAI NINH BÌNH

Trong suốt hơn 20 năm kể từ khi thành lập đến nay Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình đã và đang ngày càng phát triển. Trải qua nhiều giai đoạn khó khăn, nhất là khi mới thành lập, Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình đã khẳng định được vị thế của mình và có những bước tiến rõ rệt về nhiều mặt:

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên.
- Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân viên có đủ năng lực và trình độ đáp ứng được yêu cầu SXKD trong tình hình hiện nay.
- Không ngừng tăng cường đầu tư vốn vào việc xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất ngày càng hiện đại hơn (như các loại máy nghiền, máy pha trộn).

Cùng với sự phát triển của DN, kế toán nói chung và kế toán NVL nói riêng cũng không ngừng được củng cố và hoàn thiện để góp phần vào công tác quản lý có hiệu quả của DN.

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với đặc điểm, quy mô của công ty cũng như trình độ chuyên môn của kế toán viên. Theo mô hình này, toàn bộ công việc đều tập trung tại phòng kế toán của công ty. Việc áp dụng mô hình này đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất, kiểm tra, cung cấp thông tin kịp thời, thuận lợi trong công tác phân công công việc. Đồng thời, tổ chức bộ máy gọn nhẹ giúp tiết kiệm chi phí.

Kế toán trưởng thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện các nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại và nắm bắt nguồn tài chính của DN, từ đó tham mưu các kế hoạch cho ban lãnh đạo.

Đội ngũ cán bộ kế toán viên có trình độ, năng lực, kinh nghiệm và sự trung thực trong công tác kế toán, không ngừng bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ góp phần đắc lực vào công tác hạch toán và quản lý kinh tế của DN.

Phòng kế toán DN luôn áp dụng chế độ kế toán theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và tuân thủ pháp luật.

Bộ máy kế toán đã vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, có hiệu quả hình thức kế toán trên máy vi tính nhằm hỗ trợ công tác kế toán, phát huy hơn nữa vai trò của kế toán trong tình hình hiện nay.

❖ Về công tác quản lý nguyên vật liệu

Công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty đã được xây dựng khá khoa học và hợp lý từ khâu thu mua, dự trữ, bảo quản và sử dụng NVL.

NVL là yếu tố đầu vào quan trọng cho hoạt động của công ty, vì vậy, công tác thu mua NVL luôn được chú trọng. Công ty có một đội ngũ cán bộ thu mua năng động, có khả năng nắm bắt thông tin nhanh nhạy về những biến động của giá cả trên thị trường, từ đó tìm mua những NVL với giá cả hợp lý, kịp thời đáp ứng nhu cầu của công ty. Bên cạnh đó, tổ cung ứng cũng thường xuyên tìm những nguồn cung cấp vật liệu ổn định với giá mua thấp và đảm bảo chất lượng, góp phần làm giảm chi phí NVL, giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh cho các sản phẩm của công ty.

Để đảm bảo chất lượng NVL và cung cấp kịp thời cho SXKD của công ty, việc dự trữ và bảo quản NVL tại kho cũng cần được quan tâm và thực hiện chặt chẽ, nghiêm chỉnh. Hiện nay, kho NVL của công ty được bố trí gần các phân xưởng nên rất thuận tiện cho việc vận chuyển, đảm bảo cho việc nhập, xuất. Đặc biệt, khi mua NVL về kho, công ty đã tổ chức tốt việc đánh giá về số lượng và kiểm nhận

về chất lượng, quy cách, chủng loại NVL trước khi nhập kho, đảm bảo các nguyên vật liệu đủ tiêu chuẩn để đưa vào sản xuất.

Việc xuất dùng NVL được thực hiện theo đúng mục đích và kế hoạch sản xuất của công ty. Khi có nhu cầu về vật liệu, các bộ phận phải lập giấy đề nghị xuất vật tư gửi lên phòng kế hoạch và phải được lãnh đạo xem xét, ký duyệt. Điều này giúp quản lý chặt chẽ NVL xuất dùng và tránh mất mát NVL.

❖ *Về hệ thống tài khoản kế toán*

DN đã áp dụng danh mục tài khoản kế toán theo Thông tư số 200/2014TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Đây là một hệ thống TK kế toán đầy đủ, chặt chẽ, phù hợp với việc quản lý, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của các DN như Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình

❖ *Về chứng từ kế toán*

Hệ thống chứng từ kế toán được sử dụng tại DN tuân theo đúng các quy định trong chế độ về danh mục, quy trình lập và luân chuyển chứng từ, thường xuyên có sự đối chiếu giữa phòng kế toán và các phòng khác có liên quan. Các chứng từ được lập kịp thời và theo đúng nghiệp vụ kinh tế thực tế đã phát sinh. Các chứng từ đều được lập dựa theo mẫu Bộ Tài chính ban hành, sau đó được bảo quản và lưu giữ theo đúng yêu cầu về bảo quản và lưu giữ chứng từ của Nhà nước. Công tác phân loại, lưu giữ và kiểm tra chứng từ được DN thực hiện một cách khá hợp lý và liên tục. Các chứng từ đều được tập hợp đầy đủ để tiến hành ghi chép kế toán giúp cho các nhà quản lý nắm bắt tình hình của DN được dễ dàng.

❖ *Về phương pháp hạch toán*

Công ty đang áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, do đó tình hình nhập – xuất – tồn kho vật liệu trên sổ kế toán được theo dõi thường xuyên, liên tục, có hệ thống. Đây là phương pháp hạch toán phù hợp với đặc điểm SXKD của công ty. Việc hạch toán kế toán trong phần mềm Misa đảm bảo độ chính xác cũng

như giảm tải khối lượng công việc cho kế toán. Đồng thời cũng giúp cho việc lưu trữ và sử dụng diễn ra nhanh chóng và hiệu quả.

❖ *Về công tác kế toán chi tiết nguyên vật liệu*

Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song là phù hợp với DN, trình độ của kế toán viên cũng như thủ kho và đặc điểm nguyên vật liệu ở đơn vị. Từ đó, cung cấp các thông tin chính xác cho yêu cầu quản trị của công ty và tập hợp chính xác chi phí NVL cho từng đối tượng tính giá thành. Trình tự ghi sổ hợp lý, dễ dàng đối chiếu, phục vụ tốt công tác kiểm tra, kiểm soát của công ty và các cơ quan chức năng khi cần thiết.

❖ *Về công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu*

Hiện nay, công tác kế toán tổng hợp tại công ty được sử dụng theo hình thức “Nhật ký chung”. Đây là hình thức ghi sổ có nhiều ưu điểm trong quá trình quản lý cũng như hạch toán tại công ty và đặc biệt thuận lợi hơn cho công tác hạch toán khi áp dụng hình thức kế toán trên máy.

Hệ thống sổ sách, chứng từ của công ty rõ ràng, khoa học tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa các bộ phận liên quan.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm, công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình còn tồn tại những hạn chế nhất định cần cải thiện để phù hợp với yêu cầu quản lý

❖ *Về công tác quản lý nguyên vật liệu*

NVL tại công ty rất đa dạng, phong phú, nhiều chủng loại dựa theo đặc thù của ngành xây dựng nên đòi hỏi DN phải sử dụng một khối lượng lớn NVL gồm nhiều loại khác nhau, mỗi loại có một vai trò, tính năng lý, hoá riêng. Vì thế, việc quản lý tốt NVL và hạch toán chính xác là điều rất cần thiết. Công ty đã căn

cứ theo vai trò và công dụng, tính năng của vật liệu để phân loại, trong từng loại lại chia thành nhóm, thứ vật liệu cụ thể. Việc phân loại như vậy là tương đối hợp lý và chi tiết.

Công tác quản lý NVL tại kho của công ty hiện nay là khá tốt. NVL được sắp xếp gọn gàng, thuận tiện trong một kho chung của công ty. Tuy nhiên việc bảo quản các loại vật liệu vẫn chưa thực sự hợp lý. Đặc biệt, các loại phụ gia quan trọng như thạch cao, xỉ lò cao và tro bay thường được lưu trữ chung trong cùng một kho, không được phân chia theo đặc tính lý hóa riêng biệt. Cách bảo quản này dẫn đến tình trạng ẩm mốc, vón cục, đặc biệt trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm của Việt Nam, làm giảm đáng kể chất lượng nguyên liệu đầu vào. Việc này gây thiệt hại cho công ty và không chỉ dẫn đến làm giảm hiệu quả trong sản xuất kinh doanh mà còn gây ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm xi măng đầu ra, đồng thời làm tăng chi phí sản xuất do phải xử lý lại hoặc thay thế nguyên liệu không đạt chuẩn.

Tại khâu sử dụng: Hiện tại, DN chưa xác định được hệ thống định mức cho tất cả NVL một cách rõ ràng và khoa học. Thực tế, DN mới chỉ xác định được định mức cho một số loại NVL chính như như clinker, than đá,... mà chưa có định mức khoa học cho các phụ gia và vật liệu khác sẽ dẫn đến việc sử dụng lãng phí NVL.

❖ *Về công tác kiểm kê NVL*

Công tác kiểm kê hàng tồn kho tại công ty chưa được thực hiện thường xuyên. Công ty chỉ kiểm kê NVL sáu tháng một lần vào tháng 6 và tháng 12 trong năm, các khoảng thời gian giữa kiểm kê quá dài khiến DN khó có thể phát hiện sớm các trường hợp hao hụt, mất mát hoặc hư hỏng vật tư. Những sai lệch về số lượng, chất lượng nguyên vật liệu thường chỉ được phát hiện khi đã xảy ra trong thời gian dài, gây khó khăn cho việc truy tìm nguyên nhân và xử lý kịp thời. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất mà còn làm gia tăng chi phí quản lý.

Ngoài ra, sau nhiều giai đoạn sản xuất hoàn thành thì tất yếu phải có phế liệu thải ra, NVL thừa, nhưng đa số là xỉ lò nung, bột đá, và các phế liệu từ quy trình nghiền và trộn,...mà những loại này nếu không được quản lý đúng cách sẽ gây tác động xấu đến môi trường và làm ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp.

❖ *Về bộ máy kế toán*

Công ty hiện chưa thực sự chú trọng đến việc phát triển và tận dụng hiệu quả hệ thống báo cáo nội bộ, đồng thời chưa nhận thức đầy đủ về giá trị của báo cáo kế toán quản trị trong hoạt động quản lý. Cụ thể, hệ thống hiện tại chưa đáp ứng được yêu cầu cung cấp dữ liệu phân tích định kỳ về tình hình thực hiện các mục tiêu kinh tế theo từng khía cạnh riêng biệt. Hơn nữa, nguồn thông tin phục vụ cho công tác lập kế hoạch, xây dựng dự toán cũng như đánh giá và lựa chọn các phương án sản xuất tối ưu vẫn còn nhiều hạn chế, chưa được khai thác tối đa triệt để.

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VISSAI NINH BÌNH

3.2.1. Về tổ chức quản lý nguyên vật liệu

Tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình còn tồn tại rất nhiều bất cập. Sự phân chia quản lý có sự khác nhau giữa bộ phận thống kê tổng hợp kho với kế toán nguyên vật liệu gây nhiều khó khăn trong việc đối chiếu số liệu giữa tổng kho – kế toán – thủ kho. Để nâng cao được quản lý nguyên vật liệu cần có sự phân chia quản lý khoa học tạo hiệu quả hơn so với sự phân chia cũ.

Công tác kế toán NVL của Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình hiện nay đã sử dụng đầy đủ các chứng từ bắt buộc để phản ánh các nghiệp vụ. Tuy nhiên, khi cần thông tin về tồn kho từng loại NVL ở các bộ phận sử dụng thì kế toán phải mất khá nhiều thời gian để thu thập và cung cấp thông tin kịp thời. Để quản lý nguyên vật liệu được tốt hơn, kế toán có thể lập một sổ chi tiết về các vật liệu luân chuyển, đã

xuất dùng, đặc biệt cần theo dõi lượng nguyên vật liệu còn lại tại phân xưởng sản xuất nhưng chưa sử dụng. Đây là biện pháp để quản lý tốt hơn tài sản của Công ty. Công ty có thể quy định đối với phân xưởng về việc quản lý nguyên vật liệu như lập phiếu báo hỏng, báo mất nguyên vật liệu,...và các chứng từ liên quan khác khi hư hỏng mất mát nguyên vật liệu nhằm gắn chặt trách nhiệm của người sử dụng với Công ty. Ngoài ra, Công ty nên sử dụng thêm “Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ” để theo dõi tình hình tồn kho NVL ở từng bộ phận sử dụng. Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ có thể thực hiện theo mẫu của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính như sau:

Hình 3.1: Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ

Đơn vị: Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình Mẫu số 04 - VT					
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-					
Bộ phận: Phân xưởng 1			BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
 PHIẾU BÁO VẬT TƯ CÒN LẠI CUỐI KỲ Ngày 31 tháng 08 năm 2025 Số: 01 Bộ phận sử dụng: Phân xưởng 1					
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Lý do (còn sử dụng hay trả lại)
1	Cao lanh	VT02	Tấn	40	Còn sử dụng
2	Đá vôi	VT04	Tấn	30	Còn sử dụng
3	Thạch cao	VT05	Tấn	20	Còn sử dụng
Phụ trách bộ phận sử dụng (Ký, họ tên)					

Việc luân chuyển chứng từ vật liệu tại công ty chưa được nhanh chóng, kế toán 5 - 10 ngày mới xuống kho lấy chứng từ về phòng kế toán. Với đặc điểm sản xuất của DN thì việc nhập, xuất NVL diễn ra thường xuyên thì thời gian như vậy là dài, dẫn đến thông tin kế toán được phản ánh, xử lý chậm. Vì vậy, công ty cần đẩy nhanh tốc độ luân chuyển chứng từ để cung cấp thông tin được kịp thời, nhanh chóng hơn. Vậy nên giảm thời gian kế toán xuống kho lấy chứng từ xuống còn 3 – 5 ngày sẽ hợp lý hơn.

3.3.2. Hoàn thiện việc xuất kho NVL

Thực tế việc xuất kho vật tư ở công ty cho ta thấy là chưa khoa học và hợp lý, việc xuất kho tràn lan không theo định mức và kế hoạch cụ thể, gây khó khăn cho công tác kế toán.

Vì vậy, việc xuất kho ở công ty cần phải có sự thay đổi lại. Cụ thể là bộ phận sử dụng NVL ở các phân xưởng phải có kế hoạch chi tiết sản xuất trong tháng. Do việc xuất NVL trong công ty diễn ra cung tương đối thường xuyên thì số phiếu nguyên vật liệu phải ghi rất nhiều, những chứng từ này chỉ có hiệu lực một lần, mỗi lần xin cấp vật tư phải lập một phiếu mới nên có hiện tượng lưu trữ hàng chong số phiếu xuất NVL mỗi năm. Điều này gây khó khăn cho việc hạch toán.

Để khắc phục tình trạng trên công ty nên xây dựng sổ đề nghị lĩnh vật tư do bộ phận kế hoạch ký duyệt, chẳng hạn là “Phiếu cấp vật tư theo hạn mức”. Với phiếu này bộ phận cung tiêu chỉ phải lập một lần nhưng có thể xuất và nhận vật tư theo nhiều lần trong quá trình sử dụng. Phiếu này do đơn vị sử dụng duyệt nó có thể lập cho cùng một loại vật liệu hay nhiều vật liệu, cùng một kho xuất và cùng một bộ phận sử dụng hoặc dùng vào sản xuất từng đợt sản phẩm theo đơn đặt hàng.

Hình 3.2: Phiếu cấp vật tư theo hạn mức

PHIẾU CẤP VẬT TƯ THEO HẠN MỨC Ngày...tháng...năm...									
Bộ phận sử dụng:.....					Số:...				
Lý do xuất:.....					Nợ:..				
Xuất tại kho:.....					Có:...				
Loại vật tư	Chỉ tiêu vật tư sản xuất theo KH	Mã số	ĐVT	Số lượng xuất				Đơn giá	Thành tiền
				Ngày	Tháng	...	Cộng		
Thủ trưởng đơn vị		Kế toán trưởng		Phụ trách cung tiêu				Người lập biểu	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên)	

3.3.3. Về công tác kiểm kê nguyên vật liệu

Hiện nay, công tác kiểm kê NVL tồn kho tại công ty chỉ được kiểm kê vào tháng 6 và tháng 12, khi kiểm kê sẽ báo trước cho thủ kho một ngày. Việc này chưa thực sự hiệu quả, thủ kho có thể chuẩn bị trước làm thay đổi thực trạng NVL tồn kho, khiến cho việc kiểm kê không phát hiện ra sai sót, chênh lệch. Hơn nữa việc kiểm kê chỉ diễn ra hai lần trong năm sẽ hạn chế việc không thể xử lý kịp thời

những mất mát, hư hỏng, hay ứ đọng NVL kém phẩm chất. Cuối mỗi tháng, công ty chỉ biết được số lượng và giá trị NVL tồn kho trên sổ sách mà không nắm được tình hình thực tế tại kho. Vì vậy, công ty nên tiến hành kiểm kê thường xuyên hơn có thể theo các quý trong năm và kết hợp giữa việc kiểm kê có báo trước và kiểm kê bất ngờ để có được kết quả kiểm kê khách quan, chính xác, trung thực hơn.

Vào các tháng cuối năm thường có mưa bão, lũ lụt hoặc khí chính quyền can thiệp cấm khai thác đá, cát, sạn ở một số địa bàn thì công ty nên có kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu đó để chủ động hơn trong việc cung ứng nguyên vật liệu xây dựng, tuy nhiên việc dự trữ này cần phải thực hiện có kế hoạch, dự toán theo tiến độ của công trình cũng như mức độ dự báo mưa bão, thiên tai, thông báo của chính quyền.

Khi dự trữ các nguyên vật liệu cát, đá thì cần chú ý có công tác bảo quản cẩn thận, kì căng (ví dụ như mưa bão làm cuốn trôi cát, đá chất thành đống lớn có thể bị lật gây nguy hiểm)

3.3.4. Về bộ máy kế toán

Trong điều kiện cạnh tranh hiện nay, những doanh nghiệp nào có thể nắm bắt kịp thông tin, dự đoán được xu thế biến động trong tương lai và đề ra các biện pháp quản lý kịp thời và có hiệu quả thì sẽ có được một ưu thế cạnh tranh rất lớn so với các doanh nghiệp khác. Do đó nắm bắt kịp thời thông tin trở thành một nhu cầu bức thiết đối với ban lãnh đạo công ty. Nhất là đối với công tác quản lý chi phí thì nhu cầu thông tin lại càng cao, chi phí chiếm một tỷ lệ lớn so với doanh thu của công ty. Mọi sự biến động chi phí đều gây ra sự biến động về lợi nhuận, làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh trong kỳ.

Tuy nhiên với bộ máy kế toán tài chính hiện tại, phòng kế toán của công ty chỉ có thể cung cấp được một lượng thông tin hạn chế và chủ yếu là các thông tin trong quá khứ, không đủ sức để đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng cao của nhà quản lý, nhất là không thể cung cấp được các thông tin dự báo tương lai. Do vậy, Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình rất cần phải tổ chức một bộ máy kế toán quản

trị để đáp ứng yêu cầu quản lý của ban lãnh đạo công ty. Tổ chức bộ máy kế toán quản trị trở thành một nhu cầu cần thiết và cấp bách.

Do đó, Công ty nên xây dựng bộ máy kế toán quản trị trong mối quan hệ với kế toán tài chính. Một số nhân viên kế toán tài chính có thể kiêm nhiệm chức năng kế toán quản trị tùy theo khả năng. Kế toán quản trị có mối quan hệ mật thiết với kế toán tài chính, song vẫn phải đảm bảo rằng nó chỉ cung cấp thông tin phục vụ cho nội bộ công ty mà thôi. Để áp dụng cách thức tổ chức này cần phải có sự phân công phân nhiệm lại chức năng, nhiệm vụ giữa các kế toán viên trong phòng kế toán.

KẾT LUẬN

Đối với các doanh nghiệp thì yếu tố đầu vào luôn là yếu tố quan trọng quyết định đến chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải lập kế hoạch thu mua, bảo quản, lưu trữ và sử dụng NVL hợp lý để chi phí bỏ ra của doanh nghiệp là thấp nhất và lợi nhuận thu được là cao nhất có thể. NVL cung cấp cho các bộ phận sản xuất phải kịp thời, đầy đủ đảm bảo cho quá trình sản xuất diễn ra liên tục, tránh trường hợp bị gián đoạn do thiếu NVL. Có thể thấy, công tác kế toán NVL có vai trò vô cùng quan trọng trong quản lý kinh tế, đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp .

Là một Công ty sản xuất, kế toán NVL tại Công ty Vissai Ninh Bình luôn ý thức được tầm quan trọng của NVL trong quá trình sản xuất bởi vì nó là chi phí quyết định đến sự sống còn của doanh nghiệp. Vì vậy nên doanh nghiệp luôn tuân theo đúng quy định của Bộ tài chính và pháp luật. Các thủ tục liên quan đến quá trình nhập xuất tương đối chặt chẽ, đáp ứng được yêu cầu quản lý chung. Bên cạnh những ưu điểm, trong công tác kế toán NVL còn tồn tại một số hạn chế ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả quản lý. Xuất phát từ tình hình thực tế của công ty, vận dụng những kiến thức đã được tiếp cận trong quá trình học Đại học. Nhóm đã nêu ra những ưu điểm và nhược điểm mà Công ty gặp phải, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần khắc phục những hạn chế còn tồn tại làm ảnh hưởng đến công tác kế toán NVL tại Công ty để nâng cao hiệu quả quản lý và công tác kế toán. Tuy nhiên, những giải pháp nhóm đưa ra chỉ là sự so sánh đối chiếu giữa thông tin mà nhóm tìm hiểu được về Công ty và những kiến thức đã được học do vậy còn nhiều thiếu sót và chưa hoàn toàn đúng đắn.

Do kinh nghiệm thực tế, thời gian và trình độ chuyên môn của bản thân còn nhiều hạn chế, chưa có điều kiện tìm hiểu và phân tích một số vấn đề trong công ty nên nhóm chưa đưa ra hết toàn bộ nhược điểm còn tồn đọng và giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu của mình. Do đó, bài viết của nhóm còn có nhiều thiếu sót, rất mong nhận được sự đóng góp chỉ bảo và đánh giá của quý thầy cô giáo để từ đó đúc rút cho mình những bài học quý giá.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Loan (2015). Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
2. Phạm Thị Bình (2020), “ Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ tại công ty TNHH MTV Công nghiệp nhựa Kim Sơn”, Trường Đại học quản lý và công nghệ Hải Phòng.
3. Phạm Hương Lan (2023), "Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng", trường Đại học Hoa Lư.
4. Phạm Hương Lan (2023), "Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xuất nhập khẩu Nguyễn Hoàng", trường Đại học Hoa Lư.
5. Thu Quỳnh (2024), "Thị trường vật liệu xây dựng cuối năm vẫn đối mặt với nhiều thách thức", Báo xây dựng.
6. Tài chính (2014). Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp, Hà Nội, ngày ban hành 22/12/2014 Thời gian bắt đầu hiệu lực 05/02/2015.
7. Hồ sơ, chứng từ, báo cáo của Công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình